

TẠP CHÍ

SỐ 375

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

ISSN 2734-9128

VƯỢT SÓNG CẢ,
VỮNG TAY CHÈO

QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO
VỀ VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP
TRONG SỰ PHÁT TRIỂN
CỦA KINH TẾ - XÃ HỘI

NGHỆ THUẬT ỨNG PHÚ
ĐẠO TRÀNG Ở NAM BỘ





Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành.

(Kinh Pháp Cú 38)

PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT.TS. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Anna Huỳnh Trần**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhpg@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

TRONG SỐ NÀY

Kinh Biểu

CHỦ ĐỀ: VƯỢT SÓNG CẢ, VỮNG TAY CHÈO

- 6 Nét đẹp của một doanh nhân Phật tử (Chơn Thủy)
- 12 Quan điểm của Phật giáo về vai trò của doanh nghiệp trong sự phát triển của kinh tế - xã hội (ĐĐ. Thích Phước Tánh)
- 18 Lãnh đạo doanh nghiệp qua tinh thần Tứ nhiếp pháp (Thông Bảo)
- 24 Dương và Âm đức - Ngọn đèn soi đường vượt sóng (Minh An)

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

- 32 Doanh nhân và phụng sự xã hội - Một góc nhìn từ thể hệ doanh nhân Nam Kỳ thời Pháp thuộc (Th.S Võ Phúc Toàn)
- 38 Vua Asoka-người hộ trì Phật giáo dưới góc nhìn bia ký (SC. Thích Nữ Chúc Hòa)
- 44 Doanh nghiệp Việt thích nghi và vượt khó trong bối cảnh COVID-19 (Lam Phương)

PHẬT GIÁO, VĂN HOÁ & ĐỜI SỐNG

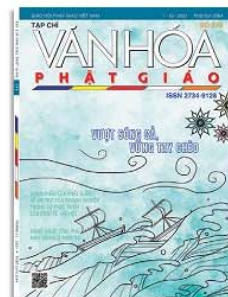
- 52 Nghệ thuật Ứng phú đạo tràng ở Nam Bộ (ĐĐ. Thích Huệ Nghiêm)
- 64 Đời sống tâm linh tín ngưỡng của người dân đảo Cù lao Chàm (ThS. Đinh Thị Toàn)
- 72 Chùa Diệu Đế và hai bài thơ liên quan vừa được tìm thấy trong Cống Thảo Viên Tập của Nguyễn Phúc Miên Cư (Nguyễn Thanh Lộc)

PHẬT GIÁO, KHOA HỌC & TRIẾT LÝ

- 84 Tứ vô úy theo quan điểm của Thành Thật Luận (NCS. Liên Thảo)
- 90 Trải nghiệm khóa thiền Vipassana (Minh Duyên)

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Anna Huỳnh Trần
Thiết kế: Phương Nam

HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG


PHÂN QUẢ
 +688.913 Phần


LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
 +7.769.35 Tấn


HỖ TRỢ CHỐNG DỊCH & MUA VẮC XIN
 +136.6305 Tỷ


HỖ TRỢ MÁY THỜ & TẠO ĐỒ
 201 Máy - 299 Máy


XE CỨU THƯƠNG
 22 Chiếc - 26,5 Tỷ

* THỐNG KÊ TẠI PHẬT SỰ ONLINE TỪ NGÀY 28/04 - 30/09/2021

PHẬT GIÁO

TIẾP TỤC ĐỒNG HÀNH CÙNG TUYẾN ĐẦU CHỐNG DỊCH







QUYẾT ĐỊNH
 V/V THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
 ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ
 NHIỆM KỲ 2022 - 2027
Phật Sự Online


THÔNG BÁO
 V/V TÂN PHONG GIÁO PHẨM
 TẠI HỘI NGHỊ THƯỜNG NIÊN KỲ 6, KHÓA VIII
 GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Phật Sự Online


THÔNG TƯ
 VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, NỘI DUNG, HÌNH THỨC TỔ CHỨC
 ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO CẤP QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
 TRỰC THUỘC TỈNH NHIỆM KỲ 2021 - 2026
 TRONG TÌNH HÌNH MỚI DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19
Phật Sự Online



HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

SUY CỬ NHÂN SỰ NHIỆM KỲ (2021 - 2026)






TỔNG KẾT & TRAO GIẢI CUỘC THI: **VU LAN - VĂN HÓA TÌNH NGƯỜI**

TÌNH NGƯỜI TRONG ĐẠI DỊCH









HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU



TỔ CHỨC VÀ PHÁT QUÀ TRUNG THU CHO CÁC BÉ



PHẬT GIÁO TỈNH NINH BÌNH TỔ CHỨC LỄ HÀNH ĐẠO - AN CƯ KIẾT HẠ NĂM 2021



THƯ TỎA SOẠN

Kính thưa quý độc giả!

COVID-19 được ví như một sự kiện “thiên nga đen” (hiện tượng kinh tế hiếm gặp và không thể đoán trước), gây ra cuộc khủng hoảng chưa từng có tiền lệ, khiến hầu hết các doanh nghiệp đều tỏ ra lúng túng. Nhưng với sự nỗ lực không ngừng, nhiều doanh nghiệp đã có những giải pháp kịp thời để khôi phục sản xuất, từng bước vượt qua khó khăn.

Nhằm chuyển tải thông điệp phục hồi từ đại dịch, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mang đến cho độc giả số báo 375 với chủ đề: “*Vượt sóng cả, vững tay chèo*”. Thông qua những câu chuyện kinh doanh được nhìn nhận dưới góc nhìn Phật giáo, như: *Nét đẹp của một doanh nhân Phật tử* (Chơn Thủy), *Quan điểm của Phật giáo về vai trò của doanh nghiệp trong sự phát triển của kinh tế - xã hội* (Thích Phước Tấn), *Lãnh đạo doanh nghiệp qua tinh thần Tứ nhiếp pháp* (Thông Bảo), *Dương và Âm đức - Ngọn đèn soi đường vượt sóng* (Minh An). Hy vọng độc giả có thể thấu hiểu cách thức nhiều doanh nghiệp đang từng bước vượt qua đại dịch.

Số báo 375 còn là món quà tinh thần mà Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo gửi đến các doanh nghiệp Việt nhân kỷ niệm “Ngày Doanh nhân Việt Nam” (13/10), với lời chúc nhanh chóng thích ứng, biến thách thức thành cơ hội trong giai đoạn bình thường mới.

Cùng với danh mục chủ đề, số báo 375 giới thiệu đến bạn đọc gần xa các bài viết nghiên cứu đặc sắc về: *Doanh nhân và phụng sự xã hội - Một góc nhìn từ thể hệ doanh nhân Nam Kỳ thời Pháp thuộc* (Th.S Võ Phúc Toàn), *Doanh nghiệp Việt thích nghi và vượt khó trong bối cảnh COVID-19* (Lam Phương), *Đời sống tâm linh tín ngưỡng của người dân đảo Cù lao Chàm* (Th.S. Đinh Thị Toàn), *Tử vô úy theo quan điểm của Thành Thập Luận* (NCS. Liên Thảo)...

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo





**VƯỢT SÓNG CẢ
VỮNG TAY CHèo**



Nét đẹp của một doanh nhân Phật tử

Chơn Thủy*

Từ khi Đạo Phật ra đời và phát triển cho đến ngày nay, giữa Phật giáo và doanh nghiệp, hay giữa Tăng đoàn và doanh nhân luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nhân kỷ niệm ngày Doanh dân Việt Nam (13/10), chúng ta cùng nhau nhìn lại lịch sử để thấy rõ vai trò của doanh nhân, khẳng định lại vị trí quan trọng trong việc bảo vệ và hỗ trợ phát triển sự nghiệp truyền bá Phật giáo cho nhân loại của doanh nghiệp.

PHẬT GIÁO VÀ DOANH NHÂN

Từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ V trước công nguyên, kinh tế Ấn Độ phát triển nhanh chóng, đặc biệt là hai ngành thủ công nghiệp và thương mại. Điều này đã thúc đẩy sự thịnh vượng và phồn vinh những kinh thành lớn ở quốc gia này. Phần nhiều những tài sản nằm trong tay giai cấp Vessa. Vessa ở đây chính là chỉ cho những Vaiśya, giai cấp thứ ba trong bốn dòng họ của Ấn Độ, chủ yếu là những người hoạt động trong các ngành nghề: Nông

Có thể gọi những người kinh doanh nhưng có niềm tin và phụng trì Phật pháp là doanh nhân Phật tử, biết vận dụng giáo lý Phật pháp vào công việc làm ăn.

nghiệp, chăn nuôi, thủ công nghiệp, thương nghiệp. Phật giáo ra đời đã kết nối nhân duyên sâu sắc với những doanh nhân. Lịch sử ghi lại sau khi Đức Phật thành đạo, người quy y và cúng dường sớm nhất cho Thế Tôn là hai anh em doanh nhân người Bắc Thiên Trúc: Trapusa (Đề Vi), Bhallika (Ba Lợi) [1], đây cũng chính là hai vị Ưu bà tắc đầu tiên của Phật giáo. Sau này, trong quá trình truyền bá đạo Phật, những doanh nhân đều đóng vai trò quan trọng. Thông thường, những doanh nhân luôn có một số đặc điểm chung: Thông minh, học rộng biết nhiều, gia đình giàu có, địa vị cao, phẩm chất đạo đức tốt, được mọi người kính nể, có nguồn tài sản vật chất và nhân lực, tầm ảnh hưởng sâu rộng với xã hội. Các doanh nhân Phật tử từ xưa đến nay không những cúng dường y phục cho chư Tăng mà còn xây dựng đạo tràng, tự viện để bảo đảm đời sống ổn định cho Tăng chúng. Chẳng phải vườn Cấp Cô Độc, tịnh xá Trúc Lâm cũng chính do bàn tay của hai Trưởng lão Anāthapindika (Cấp Cô Độc) và Kalandaka (Ca Lan Đà) đóng góp xây dựng nên đó sao. Vì thế, không thể không nhắc đến vai trò của họ đối với sự nghiệp phát triển Phật giáo.

Từ xưa đến nay, con đường truyền bá chánh pháp của Phật giáo đều thông qua con đường buôn bán. Trong *Du hành Kinh* thuộc *Trường A hàm* có miêu tả rõ ràng như sau: Trước khi Phật thành đạo, Ngài đi theo con đường từ Bắc về Nam, cho đến khi Thế

Tôn nhập diệt thì Đức Phật cũng lại đi ngược từ Nam hướng Bắc. Đặc biệt, hai lộ trình này đều là con đường buôn bán qua lại giữa các vùng miền trù phú. Đồng thời, Phật giáo truyền vào Trung Hoa hay Việt Nam, dù đường bộ hay đường thủy, đều theo những con đường thương mại. Trong đó, phải kể đến *con đường tơ lụa* không chỉ nổi danh về buôn bán, vận chuyển hàng hóa mà còn là con đường truyền bá văn hóa, đồng thời cũng chính là con đường hoằng dương giáo lý Phật Đà vào các nước Trung Á. Nếu như khảo sát lịch sử Phật giáo từ Ấn sang Trung và cả lộ trình đi vào Việt Nam, thật khó tưởng tượng nếu như thiếu đi sự trợ lực kinh tế của các doanh nhân thì

“ Từ khi Đạo Phật ra đời và phát triển cho đến ngày nay, giữa Phật giáo và doanh nghiệp, hay giữa Tăng đoàn và doanh nhân luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau.

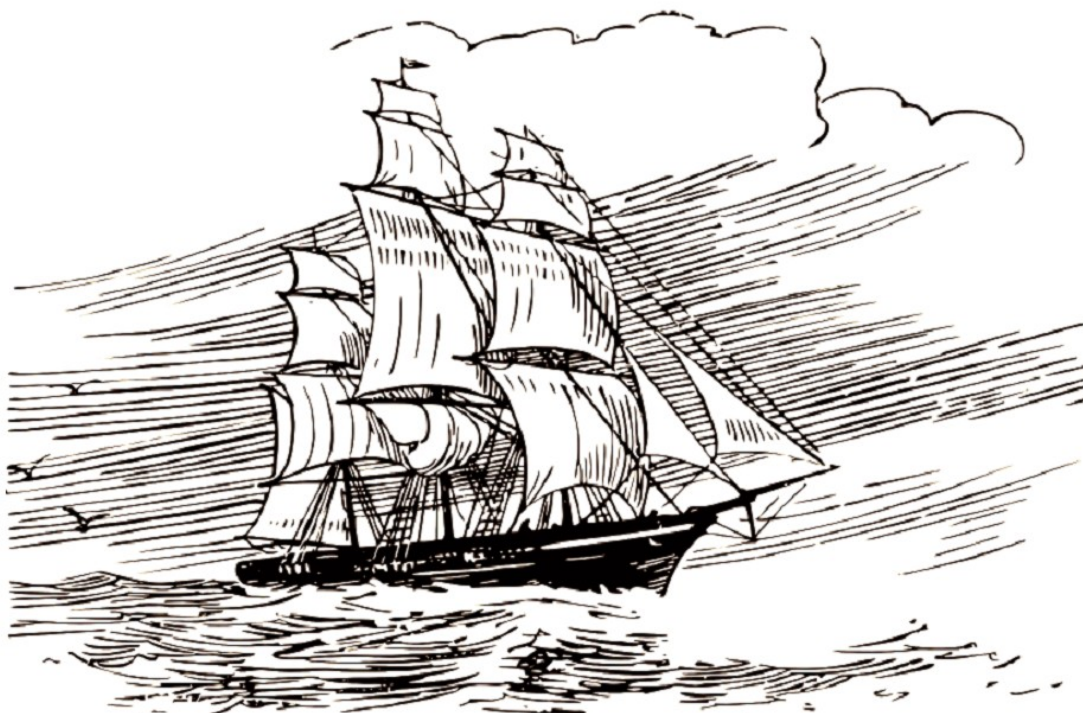
không biết Phật giáo đương đại sẽ phát triển ra sao? Ngày nay, bên cạnh nguồn kinh tế tự cung tự cấp của tự viện, Phật giáo Việt Nam cũng nhận được nhiều ủng hộ từ tầng lớp doanh nhân trong xã hội.

Hình thức tự cung, tự cấp kinh tế tự viện ở một số tự viện hiện nay ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Hoa, đặc biệt từ đời Đường, khi Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải (720-814) xây dựng nếp sống tùng lâm thanh quy, hình thành nên truyền thống tốt đẹp cho đời sống người xuất gia là “*một ngày*

không làm, một ngày không ăn”. [2] Chính truyền thống này đã giúp cho tự viện có nguồn kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời cũng giúp kinh tế tự viện có vai trò mới trong xã hội như tham gia và tổ chức những hoạt động từ thiện giúp đỡ người nghèo, đắp đê sửa đường, bỏ thí lương thực, trị bệnh... Những việc làm này đã phần nào giúp đỡ nhân dân, đồng thời thể hiện tinh thần từ bi trong đời sống hàng ngày.

Phật giáo cùng thương nghiệp chẳng phải đơn giản là sự đối lập của “xuất thế” và “nhập thế”. Trong *Kinh Pháp Hoa* ghi chép: “*Nhất thiết thế gian pháp, giai thị Phật pháp*”, hay “*Nhất thiết thế gian trị sanh sản nghiệp, giai dữ thực tương bất tương vi bối*” [3], nghĩa là tất cả các pháp thế gian đều là Phật pháp, hay tất cả những ngành nghề trên thế gian này nhằm để nuôi dưỡng và bảo vệ đời sống, thì đều không trái





Phật giáo truyền vào Trung Hoa hay Việt Nam, dù đường bộ hay đường thủy, đều theo những con đường thương mại.

với thực tướng. “*Trị sanh sản nghiệp*” chính là nghề nghiệp để nuôi sống con người, hoặc buôn bán, hoặc trồng trọt... đều không trái với Đạo. Có thể gọi những người kinh doanh nhưng có niềm tin và phụng trì Phật pháp là doanh nhân Phật tử, biết vận dụng giáo lý Phật pháp vào công việc làm ăn. Trong quá khứ, có thể kể đến Trường lão Anathapindika (Cấp Cô Độc), Vimalakīrti (Duy Ma Cật), còn trong thời hiện đại điển hình như Steve Job (1955-2011) [4], nhà sáng lập Apple là một người có khuynh hướng Phật giáo. Ở Việt Nam, nhắc đến doanh nhân Phật tử, có thể nhắc đến: Chủ tịch Tập đoàn Hoa Sen - Lê Phước Vũ, Chủ tịch Thái Hà Books - Nguyễn Mạnh Hùng,... Những vị doanh nhân này đều đóng

góp không nhỏ vào sự phát triển Phật giáo trong nước. Họ chọn con đường vừa kinh doanh, vừa thực hành giáo lý Phật dạy như: Thiền tập, ôn lại lời Phật để nâng cao chất lượng đời sống. Đồng thời, còn ban rải tâm từ bằng việc tham gia phụng hiến với những hoạt động thiện nguyện. Vậy, điều gì làm nên điều khác biệt giữa một doanh nhân bình thường với một doanh nhân Phật tử?

NHỮNG NÉT ĐẸP CỦA DOANH NHÂN PHẬT TỬ

Có niềm tin chân thành với tam bảo

Sự khác nhau cơ bản nhất giữa doanh nhân Phật giáo và một doanh nhân thông thường đó là niềm tin vào Thế Tôn và giáo lý Đức Phật đã truyền trao, đây

chính là điểm đặc biệt nhất để phân biệt một doanh nhân Phật giáo. Thường chúng ta hay cho rằng: “Phật tử” trong từ doanh nhân Phật tử chính là người đi giải quyết những vấn đề liên quan đến sự giàu có về tinh thần như: Sức khỏe, hạnh phúc gia đình, niềm vui tâm linh hay cả vấn đề sanh tử, còn “doanh nhân” là tạo ra nhưng vấn đề liên quan đến vật chất, tiền bạc, giải quyết việc lương thực đầy đủ, sự giàu có về tài sản. Nhưng vốn dĩ là một Phật tử, doanh nhân Phật giáo phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản, có niềm tin chánh tín với Phật giáo cả trong kinh doanh hay đời sống hằng ngày. Doanh nhân Phật tử sẽ tình nguyện giữ gìn tam quy, ngũ giới, bồi dưỡng bản thân hướng thượng và có đầy đủ lý luận đạo

đức tôn giáo, giúp bản thân ngày càng trở nên tốt đẹp hơn.

Đạo đức Phật giáo có nhiều nét giống với đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Giáo lý nhà Phật bao hàm cả một số quy phạm đạo đức của thương nghiệp. Giống như Đức Phật dạy chúng đệ tử phải tuân theo chánh nghiệp và chánh mạng trong giáo lý Bát chánh đạo. Người đệ tử Phật không được sát sinh, trộm cắp, tà hạnh... Hơn thế nữa, từ những giới pháp căn bản ấy, người doanh nhân Phật tử còn phải yêu quý và giữ gìn môi trường sống, trải tâm từ bi yêu thương bố thí cho vạn loài. Chánh mệnh chính là chỉ cho đời sống đúng đắn, tức là sống với ngành nghề vừa tốt lại phù hợp với tinh thần chánh mệnh, không tham gia vào những ngành nghề phi pháp và vượt quá giới hạn đạo đức nhân sinh.

Người doanh nhân Phật tử phát nguyện hộ trì chánh pháp, phản đối lối sống không phù hợp với xã hội, hơn nữa còn phải phát huy tinh thần xây dựng *Phật giáo tại nhân gian*. Trong công việc cũng như đời sống, những vị này thường “*thực hành những giáo pháp vô ngôn, nói những pháp không có âm thanh*” bằng hành động thiết thực để tự thân mỗi vị đều trở thành nhân chứng cho chân lý “*Phật pháp không xa rời pháp thế gian*”.

Có lòng tri ân xã hội

Là một doanh nhân Phật tử chân chính, nên họ luôn luôn đặt nhu cầu của xã hội lên hàng đầu, đồng thời, giữ gìn tính nhất quán giữa mục tiêu của cá thể và xã hội. Bên cạnh đó, doanh nhân Phật tử phải nhận thức được sự nghiệp ở thế

gian chẳng phải là mục đích cuối cùng của người học Phật, cần phải biết khéo léo vận dụng tinh thần xuất thế để làm những việc nhập thế, tích cực chủ động tham dự vào công tác xây dựng, kiến thiết lại những đạo đức ngành nghề cho phù hợp với xã hội ngày nay. Đạo Phật mong muốn cho chúng sanh trồng được ruộng phước, đây chính là cách biểu đạt bình dị nhất của đạo đức Phật giáo về tài sản trong đạo Phật. Có hai món tài sản quý giá mà Đức Thế Tôn dạy đệ tử phải nuôi dưỡng là phước đức và trí huệ.

Phước đức, trí huệ cũng như tài sản quý giá, là điều kiện cần có để giải thoát xuất thế, dù không phải điều kiện đủ nhưng nó có đầy đủ chức năng ủng hộ, giúp đỡ đường đi của chúng ta thông suốt hơn. Nếu như cho rằng điều kiện cần có là điều kiện đủ, tài sản chỉ phối hoàn toàn vào kiếp sống nhân sinh thì quan điểm này có lẽ đang rơi vào tình trạng đánh tráo khái niệm, lẫn lộn đầu đuôi. Quan niệm về phước điền trong hệ thống Phật pháp gồm ba bộ phận cấu thành [5]: Cung kính phước điền (kính điền), báo ân phước điền (ân điền) và bi mẫn phước điền (bi điền). Ba yếu tố này hoàn toàn biểu đạt tâm cung kính đối với Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng và còn có nghĩa là tâm biết ơn đối với cha, mẹ, Thầy tổ cho đến tình thương dành cho quần chúng khó khăn, nghèo khổ. Nhờ những quan niệm này trong Phật giáo, người doanh nhân Phật tử hành trì theo tinh thần tri ân và báo ân mỗi ngày trong đời sống hiện thực. Phần nhiều Kinh điển, Đức Phật dạy chúng ta nên chia của cải làm bốn phần:

1. Dùng để đảm bảo sự chi tiêu hàng ngày trong gia đình.

2. Dùng để đầu tư sinh lợi nhuận, nếu không của cải sẽ trở thành tài nguyên chết, không sinh lời.

3. Để dành, tích lũy phòng khi gặp chuyện cấp bách cần dùng đến.

4. Dùng để làm những việc thiện nguyện, nhằm để hồi đáp xã hội, đồng thời cũng chính là hành động gieo trồng phước điền.

Kỳ thực, đây cũng là một dạng đầu tư, đầu tư vào hạnh phúc tương lai và kết quả thu hoạch được không những không giới hạn mà so với các loại đầu tư khác còn lợi nhuận hơn hết. Triết gia Marcus Tullius Cicero (106-43, TCN) từng nói: “*Đi tìm sự tăng trưởng của cải không phải để thỏa mãn những tham dục của mình mà để đạt được nhiều công cụ hành thiện nguyện*”. Chỉ có lấy việc truy cầu của cải để tạo ra và hoàn thiện công cụ thực hành thiện nguyện mới có thể phát huy hiệu dụng tối ưu của tài sản. Nếu mỗi thành viên trong xã hội đều thực hành theo phương châm “*người khỏe giúp đỡ người yếu, người giàu giúp người nghèo*”, đời sống này sẽ trở nên ấm áp biết bao. Nhờ thế những vấn đề xã hội như khoảng cách giàu nghèo, chủ nghĩa khủng bố sẽ được giải quyết một cách dễ dàng.

Có đầy đủ trí huệ đối với việc phát triển và giữ gìn tài sản

Một doanh nhân Phật tử thành công, chắc chắn người ấy sẽ biết cách sử dụng tài sản thông minh và đúng đắn. Của cải vật chất chỉ đáp ứng những nhu cầu cơ bản của cuộc sống. Nếu cứ mãi truy tìm của cải một cách mù quáng thì đời sống khó mà thăng hoa. Thế nên, khi đã có được một đời sống vừa đủ, chúng ta nên đi tìm những giá trị cao đẹp cho tinh

VƯỢT SÓNG CẢ VỮNG TAY CHÈO

thần. Là một doanh nhân Phật tử, ngoài việc có những tài sản thế tục, cần phải nuôi dưỡng, bồi đắp ruộng phước điền công đức - chính là học Phật và hành theo lời Phật dạy.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: *“Trong tất cả các thứ cúng dường, cúng dường pháp là phước đức hơn cả”*. Ngài còn dạy chúng ta những lợi ích về việc thọ trì và hành trì pháp Phật, cúng dường hay bố thí thì đều có những phước đức nhất định. Cho nên, bố thí và cúng dường pháp sẽ gặt hái nhiều phước đức thù thắng vượt hơn hẳn những bố thí, cúng dường những vật chất của cải ở thế gian. Chúng ta cũng biết, những tài sản vật chất ở thế gian chia làm hai phần: Tài sản cố định và tài sản lưu động. Sự thật thì những tài sản cố định chỉ mang tính tương đối như: Nhà cửa sẽ hao mòn, những thiết bị sẽ bị tổn hao. Tuổi thọ sử dụng đối với chúng đều hữu hạn. Nếu như nói có món tài sản cố định không thay đổi thì chỉ có Pháp bảo. Món tài sản này xem như vô hình nhưng nó đi cùng sự sanh tử của chúng ta, sẽ không bị thay đổi hay mất đi giá trị khi chúng ta chuyển đổi sinh mệnh. Không những như thế, hạt giống thiện lành này sẽ không ngừng chi phối sự giàu có trong đời sống thế tục. Do đó, Pháp bảo có ý nghĩa vô cùng quan trọng, vượt qua những giá trị bên ngoài như tiền tài của báo hữu hình. Vì rằng Phật pháp sẽ giúp giải quyết những khó khăn trong đời sống, thiết lập quan niệm nhân sinh đúng đắn, giúp giải thoát những phiền não của kiếp người, đồng thời tạo nên nguồn tài sản quý giá vô tận của nhân sinh. Thành tựu trí huệ, thành tựu công đức vô

lượng, ý nghĩa này cao cả đến nỗi những giá trị vật chất bên ngoài không thể thay thế được. Thái độ đối với tài sản của một vị doanh nhân Phật tử sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự tu dưỡng, hiểu biết về Phật giáo của nhân viên và tín chúng xung quanh. Chúng ta hiểu tài sản một cách đúng đắn, nắm rõ “pháp tài” sẽ hơn hẳn “thế tài”, mới có thể thông qua việc sử dụng những tài vật bên ngoài tạo nên giá trị mục đích đi tìm công đức pháp tài. Đưa công ty trở thành đạo tràng tu học, chuyển hóa càng nhiều người bước vào cửa Phật, cùng nhau thành Phật đạo.

Doanh nhân Phật tử luôn tự giác giữ gìn nền tảng đạo đức

Có tính tự giác giữ gìn đạo đức cũng là một điều kiện tất yếu để trở thành một doanh nhân Phật tử. Giữ vững đạo đức thương nghiệp, kinh doanh theo chữ tín, tự giác tuân thủ và bảo vệ trình tự thứ lớp của nền kinh tế thị trường, xây dựng một thị trường kinh doanh hòa giải, lý tính, phát triển bền vững và một xã hội không ngừng nỗ lực hướng thượng. Không chỉ như thế, tự giác giữ gìn đạo đức chính là cảnh giới cao nhất để tu dưỡng đức hạnh của doanh nhân Phật tử. Tăng Tử (505 TCN - 435 TCN) nhà triết học Trung Hoa từng nói: *“Một ngày phản tỉnh tự thân ba lần”* [6] không chỉ là phương pháp tu thân của Nho gia mà Phật giáo cũng luôn nhắc nhở Phật tử nên thực hành *“phân quang tự kỷ”*. Doanh nhân Phật tử không chỉ tuân thủ những yêu cầu đạo đức mà đạo Phật dành cho người con Phật, tuân thủ pháp luật, kết hợp với những điều kiện thúc liễm thân tâm, hơn nữa cần phải có ý thức tự giác, dùng điều này để nuôi dưỡng thói quen tốt,

và duy trì hoạt động kinh doanh bền vững. Tính ràng buộc của những giá trị đạo đức khác là hữu hạn, còn năng lực tự giác giữ gìn đạo đức là vô hạn, doanh nhân bất luận đang ở đâu, hay thời điểm nào cũng phải ý thức giữ gìn đạo đức kinh doanh, hợp pháp. Như thế mới giữ vững thị trường, lấy được niềm tin công chúng. Đây là nói về lĩnh vực kiến lập nền kinh tế thị trường với một xã hội thân thiện. Còn với vai trò là một doanh nhân Phật tử, đại biểu cho tầng lớp doanh nhân tài năng và giỏi giang, chúng ta nên học và hành theo tinh thần đạo đức Phật giáo, dùng hành động thực tế để thể hiện niềm tin và sự quyết tâm trong việc giữ gìn, quán triệt những đạo đức kinh doanh của người doanh nhân Phật tử.

Doanh nhân Phật tử có đầy đủ trí huệ về đời sống thì khả năng cảm ngộ sự thành công ở các hoạt động kinh doanh luôn được quyết định bởi tâm thiện và việc làm





Thông qua sự nỗ lực chung, lòng tri ân báo ân, hành động thực tiễn của hiệp hội doanh nhân Phật tử, nhất định sẽ tạo nên một xã hội hòa ái tốt đẹp, đó chính là mỗi người đã cống hiến một chút sức lực của mình cho cộng đồng.

thiện. Phước và đức có mối quan hệ nhân quả, giống cái biết màu nhiệm của trời đất. Trời đất dung thông, người và trời cảm ứng nhau, con người lấy sự thiện cảm, trời dựa vào phước, lẽ trời dùng sự báo đáp ân đức muôn loài. Doanh nhân kinh doanh dựa theo thiện tâm, thiện hành thì tự nhiên có thể nhận được những phước báu và công đức xứng đáng. Đây chính là quy tắc thực tiễn, sự vận hành hợp tình hợp lý giữa đạo đức - xã hội - cá nhân. Vận mệnh và những công đức tài bảo của một doanh nhân có được đều hình thành bởi mối tương quan với quá trình hoạt động của giá trị nguyên lý của chúng. Cho nên doanh nhân Phật tử và sự thành công của họ trong việc vận hành kinh doanh, trên bản chất đều là thể hiện sự thành công của thực tiễn đạo đức Phật giáo. Nghĩa là chỉ có kinh doanh dựa trên chữ tín, với lòng từ bi, khoan dung, bình đẳng, hòa ái làm nền tảng cho đạo đức thương nghiệp, hơn nữa

dùng chúng để xây dựng và làm thăng hoa văn hóa doanh nghiệp. Đồng thời giữ gìn sự đoàn kết thì doanh nghiệp mới có thể kéo dài sức sống.

Vì thế, trong ngày Doanh nhân Việt Nam, mong muốn doanh nhân Phật tử phải bổ sung và phát huy tác dụng của tự thân, phục vụ việc xây dựng kinh tế của quốc gia, phụng hiến cho những hoạt động từ thiện như cứu trợ người nghèo, đóng góp vào những quỹ tài trợ tai nạn, thiên tai trong nước và quốc tế. Đem tinh thần người Phật tử lan tỏa khắp năm châu. Chúng ta tin rằng, thông qua sự nỗ lực chung, lòng tri ân báo ân, hành động thực tiễn của hiệp hội doanh nhân Phật tử, nhất định sẽ tạo nên một xã hội hòa ái tốt đẹp, đó chính là mỗi người đã cống hiến một chút sức lực của mình cho cộng đồng.

Chú thích:

* Thích Nữ Chơn Thủy - Thạc sĩ Tôn giáo học, Trung tâm Biên phiên dịch

Tùng thư Vĩnh Nghiêm, Chùa Long Hưng (TP Hà Nội).

[1] Trapusa (còn viết là Tapussa, Tapassu) và Bahalika (còn viết là Bhallika, Bhalluka, Bhalliya) là 2 anh em thương nhân được các kinh điển Phật giáo nguyên thủy ghi nhận là 2 đệ tử đầu tiên của Đức Phật. Những ghi chép đầu tiên về Trapusa và Bahalika xuất hiện trong phần Vinaya của bộ Tripitaka, ghi nhận họ là những người đầu tiên cúng dường vật thực cho Phật sau khi Ngài giác ngộ, là người đầu tiên được nghe Phật thuyết giảng (bấy giờ Tăng già vẫn chưa thành lập), và những người đầu tiên trở thành đệ tử của Đức Phật. Theo Huyền Trang (600-664), Phật giáo được truyền đến Trung Á ban đầu từ Balkh chính là nhờ công của Trapusa và Bahalika.

[2] *Bách Trượng Thanh Quy Chứng nghĩa ký*, quyển 5, *Tục Tạng Kinh*, tập 63, trang 412b15.

[3] Thiên Thai Trí Giả Đại sư, *Diệu Pháp Liên Hoa huyền nghĩa*, quyển 9, Đại Chánh Tạng, tập 33, trang 788b13.

[4] Doanh nhân và nhà sáng chế người Mỹ, đồng sáng lập, Chủ tịch và Giám đốc điều hành của Apple Inc.

[5] Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh sớ, Bài kinh số 1735, Đại Chánh Tạng, tập 35.

[6] Luận Ngữ.



Quan điểm của Phật giáo về vai trò của doanh nghiệp

trong sự phát triển của kinh tế - xã hội



“... Làm nghề không rắc rối,
Là điềm lành tối thượng”

ĐD. Thích Phước Tánh

Kinh tế là một lĩnh vực quan trọng trong sự phát triển chung của đất nước. Có thể nói, quốc gia nào mạnh về kinh tế cũng thường mạnh về các lĩnh vực khác như văn hóa, an ninh, quốc phòng,... Bởi lẽ, các giá trị mà kinh tế mang lại chính là nguồn lực để phát triển những lĩnh vực khác. Trong quá trình phát triển kinh tế, doanh nghiệp gắn liền với hoạt động kinh doanh được xem là chính yếu vì những giá trị lợi ích mà nó mang lại.

Theo *Luật Doanh Nghiệp 2020*, doanh nghiệp được hiểu là “... tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh” [1]. Như vậy, hình thức hoạt động của doanh nghiệp chính là hoạt động kinh doanh và kinh doanh chính là việc “... thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của

quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận” [2].

Từ đó, có thể nhận định, doanh nghiệp là một tổ chức hoạt động với mục đích tìm kiếm lợi nhuận thông qua kinh doanh, lợi nhuận thu được thông qua hoạt động kinh doanh trước nhất mang một ý nghĩa quan trọng đó là tài sản của doanh nghiệp, thuộc sở hữu của doanh nghiệp mà người quản lý doanh nghiệp hay doanh nhân là chủ thể chính. Thứ đến, tài sản doanh nghiệp có ảnh hưởng đến nguồn lực quốc gia thông qua các nghĩa vụ của doanh nghiệp phát sinh trong quá trình kinh doanh.

VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp

Doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp góp phần đóng góp vào lĩnh vực thuế của Nhà nước như một nghĩa vụ phát sinh thông qua hoạt động kinh doanh và nghĩa vụ này được quy định rõ trong *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (2008)* với nội dung đối tượng nộp thuế: “1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật này (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm: a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam; b) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở

thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam;...” [3].

Như vậy, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gắn liền với nghĩa vụ nộp thuế theo quy định pháp luật. Hiện nay, thuế được xem là khoản thu bắt buộc của nhà nước mang tính ổn định và bền vững, đóng vai trò tạo nên nguồn thu ngân sách nhà nước bền vững. Có thể nói, doanh nghiệp càng phát triển thì nguồn thuế càng tăng, sức mạnh quốc gia càng vững.

Phục vụ nhu cầu của xã hội

Với mục tiêu đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hay cung ứng dịch vụ hướng đến nhu cầu của xã hội, doanh nghiệp không thể độc lập với nhu cầu xã hội bởi đó là nguồn sinh lợi nhuận. Có thể nói,

doanh nghiệp lấy xã hội làm mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận và cũng là đối tượng phục vụ, thúc đẩy sự phát triển của đời sống xã hội.

Hiện nay, xuất hiện những doanh nghiệp hoạt động theo mô hình doanh nghiệp xã hội. Với mô hình này, các doanh nghiệp càng có điều kiện phục vụ xã hội nhiều hơn. *Luật Doanh nghiệp 2020* quy định về tiêu chí của doanh nghiệp xã hội như sau: “1. *Doanh nghiệp xã hội phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:* a) Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật này; b) Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; c) Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu đã đăng ký” [4].

“ Sự đóng góp của doanh nghiệp cho xã hội thông qua nghĩa vụ nộp thuế hay thông qua hoạt động kinh doanh mang tính xã hội đều là những giá trị tích cực và quan trọng. ”



Với những tiêu chí này, có thể thấy doanh nghiệp hướng đến phục vụ các lợi ích và vấn đề xã hội không những mang tính tự nguyện mà còn mang tính ràng buộc pháp lý khi thành lập doanh nghiệp. Điều này cũng tạo thêm nhiều động lực và trách nhiệm lẫn nghĩa vụ mà doanh nghiệp thành lập với mục đích vì cộng đồng xã hội. Những đóng góp của doanh nghiệp này cho xã hội là yếu tố tích cực cho việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Có thể kể đến các loại hoạt động như: Các dịch vụ phục vụ người có hoàn cảnh khó khăn, người không có đủ khả năng chi trả,...; tạo việc làm cho những người mất hạn tù giúp họ tái hòa nhập cộng đồng, người khuyết tật,... Vì những đối tượng này thường dễ bị tổn thương. Vậy nên, sự đóng góp từ doanh nghiệp sẽ làm vơi gánh nặng an sinh xã hội, tạo môi trường lành mạnh để mọi đối tượng đều có thể hòa nhập và lao động có ích. Bên cạnh đó, doanh nghiệp xã hội còn có thể kêu gọi đầu tư, tiếp nhận nguồn tài trợ để thực hiện các dự án vì cộng đồng. Cần lưu ý, doanh nghiệp xã hội không phải là một tổ chức “từ thiện” hay cứu trợ khẩn cấp mà là một tổ chức phục vụ, bảo trợ xã hội thông qua hoạt động tuyển dụng lao động,... Chính những hoạt động này mới đem lại giá trị nhân văn bền vững và có tác dụng tích cực lâu dài cho xã hội.

Có thể nói, vai trò của doanh nghiệp cho xã hội đến từ nghĩa vụ nộp thuế, các hoạt động đầu tư liên quan cộng đồng,... Tất cả đều là những giá trị tích cực và quan trọng.

QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO VỀ VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP

“Doanh nghiệp” hay “kinh doanh” là những thuật ngữ hiện đại, trong Kinh điển Phật giáo, thuật ngữ này được hiểu theo nghĩa là cơ sở của các thương buôn và các hoạt động giao thương buôn bán. Chúng ta có thể hình dung nó qua những đoạn mô tả trong kinh văn về những đoàn thương buôn và Đức Phật đã thường giảng dạy giáo pháp cho họ. Cụ thể, trong *Luật Tỳ Phẩn* [5], thương buôn Trảo và Ưu - ba - ly [6] đã vận chuyển năm trăm cỗ xe chở đầy tài bảo của mình đi ngang qua chỗ Phật và dâng cúng lên Ngài mật ong và bánh bột rồi lắng nghe giáo pháp. Về sau, Đức Phật còn có thêm nhiều đệ tử trong giới trưởng giả, quý tộc. Tất cả đều có điểm chung là sự giàu có và tấm lòng đại thiện nhân, hết lòng hộ trì Phật pháp và tha nhân theo sự giáo huấn của Phật.

Trước nhất, Phật giáo nhìn nhận vai trò của kinh tế đối với đời sống xã hội là rất quan trọng. Chính năng lực kinh tế quyết định mức sống và khả năng tồn tại của xã hội. Trong bối cảnh Tăng đoàn Phật giáo sống bằng hạnh khát thực thì vấn đề lương thực được quyết định bằng mức sống của quần chúng tín đồ, thực tế ghi nhận trong Tạng Luật, có những năm mất mùa, vấn đề khát thực trở nên khó khăn với các vị Tỷ-kheo. Vậy nên, tư tưởng Phật giáo không chủ trương phê phán sở hữu vật chất trong xã hội, ngược lại còn khuyến khích phát triển kinh tế xã hội bằng chánh pháp, thông qua “*chánh nghiệp, chánh mạng và chánh tinh tấn*” là ba chi phần trong Bát chánh đạo.

Phật giáo nhận thức rằng, những người giàu sẽ có khả năng bảo trợ cho những đối tượng nghèo khổ, đó cũng là lý do mà trong Phật giáo thường nêu bật những vị trưởng giả có hạnh nguyện bố thí toàn thiện. Trong Kinh điển, Đức Phật thường giảng dạy về lợi ích của việc sở hữu tài sản đúng pháp, cũng như những giá trị lợi ích mà tài sản mang lại cho đời sống xã hội. Phật giáo trong quan điểm của mình đã liên hệ đến các nhận thức về kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh như pháp ngay trong hoàn cảnh xã hội mà Phật giáo tồn tại. Bởi thế, Phật giáo không phủ nhận vai trò của tài sản và sở hữu tài sản. Quan điểm của Phật giáo chỉ quy định về những tài sản và sở hữu tài sản hợp pháp, có khả năng mang lại lợi lạc cho người sở hữu và cho xã hội. Đó là những tiêu chí:

“... *Làm nghề không rắc rối,
Là điểm lành tối thượng*”. [7]

Hay:
“*Bố thí, hành, dùng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm,
Là điểm lành tối thượng*”. [8]

Đoạn Kinh văn cho thấy Đức Phật dạy người thế gian nên biết chọn công việc phù hợp, đúng pháp. Bởi công việc hợp pháp mới có thể mang lại bình an và lợi lạc. Khi có công việc và tạo ra tài sản, Đức Phật dạy nên hành Bố thí, phục vụ tha nhân như là một việc lành, giúp tu dưỡng đạo đức, lợi lạc cho nhân sinh. Hiện nay, có thể thấy thông qua các tổ chức, doanh nghiệp, dù là tín đồ Phật giáo hoặc chưa, đều đã và đang thực hiện công việc thiện thí này. Bởi lẽ, lời dạy đạo đức và nhân văn của Đức Phật



Phật giáo với vai trò là một tôn giáo gắn liền với lịch sử kinh tế - xã hội; vì vậy, quan điểm về kinh doanh và sở hữu tài sản không thể nằm ngoài tư tưởng của Phật giáo.

không bó hẹp trong đạo đức Phật giáo mà đó là nền tảng đạo đức căn bản cần có trong mỗi con người, bất kể thuộc tôn giáo nào đều nên biết san sẻ, biết tương trợ và cứu giúp những hoàn cảnh khó khăn.

Mặt khác, Phật giáo chủ trương đời sống cá nhân là do mỗi người tự cố gắng vun đắp, xây dựng. Đạo Phật không chủ trương một ý thức hệ đẳng cấp thường hằng bất biến áp chế lên tư tưởng con người. Vậy nên, với sức ảnh hưởng đến quần chúng tín đồ, giai cấp quý tộc, các vị đệ tử Phật đã được Đức Phật giáo hóa bằng đức từ bi, tinh thần bình đẳng giữa các tầng lớp người và trở thành những tấm gương sáng. Điển hình như cư sĩ Cấp Cô Độc (Anāthapindika), là

người biết hộ trì chánh pháp và giúp đỡ tha nhân, vì vậy, tư gia của ông đã trở thành địa điểm của hoạt động cúng dường và bố thí. Ông giữ giới tinh chuyên và cũng hộ trì giới cho gia đình thân quyến theo như lời xác chứng của Phật trong *Tiểu Bộ Kinh* [9]. Từ đó, có thể nhận định, Phật giáo trong khả năng giáo hóa quần sanh, không loại trừ hay phủ nhận bất cứ đối tượng nào trong xã hội, bởi ai cũng có khả năng thực hành giáo pháp. Cụ thể, lời dạy của Đức Phật về tư duy kinh doanh đến nay vẫn còn giá trị qua đoạn kinh văn sau:

*“Mới học nghề nghiệp khéo,
Tìm cách gom tài vật;
Được tài vật kia rồi,
Phải nên phân làm bốn.*

*Một phần tự nuôi thân,
Hai phần cho doanh nghiệp;
Phần còn lại để dành,
Nghĩ đến người thiếu thốn.
Người kinh doanh sự nghiệp,
...
Phương tiện tạo mọi thứ;
An lạc sống suốt đời”.* [10]

Với Phật ngôn này, có thể liên hệ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp là công việc có sức ảnh hưởng lớn đối với xã hội, nhờ sản xuất, kinh doanh mà lợi nhuận có doanh nghiệp sẽ tích lũy thành tài sản bền vững, tái đầu tư để phát triển, được sử dụng vì mục đích nhân đạo. Đó là những việc làm chính đáng của doanh nghiệp và cũng là mong muốn của Phật giáo đối với tha nhân.

VƯỢT SÓNG CẢ VỮNG TAY CHÈO

Phát triển kinh tế cũng chính là góp phần ổn định xã hội và phát triển đất nước – đó là một sự hỗ tương bất khả phân. Điều này đã được nhìn nhận khách quan từ thuở sơ kì Phật giáo.

Như vậy, Phật giáo ngoài việc định hướng và cổ xúy cho những công việc hợp pháp còn đưa ra quan điểm kinh doanh theo chánh pháp của mình. Tư duy ấy đến nay vẫn còn giữ được nhiều giá trị. Bằng chứng là hiện có nhiều tổ chức doanh nghiệp kết hợp với các cơ sở tự viện Phật giáo để cùng thực hiện các chương trình thiện nguyện. Đây là cách thức thực hiện lời Phật dạy, rằng tài sản có được thông qua sản xuất, kinh doanh nên dùng một phần cho hạnh cúng dường và bố thí.

Theo Phật giáo, có thể thấy vai trò của doanh nghiệp với xã hội thể hiện qua: Hoạt động tạo ra của cải vật chất như pháp; Tạo dựng đời sống an lạc và tiện ích cho tự thân; Đóng góp các hoạt động nhân đạo cho xã hội; Quan trọng nhất, tạo sự phát triển bền vững cho đời sống kinh tế - xã hội vốn là yếu tố tiên quyết để ổn định và phát triển đất nước.

Kết luận

Với vai trò là một tôn giáo gắn liền với lịch sử kinh tế - xã hội;

vì vậy, quan điểm về kinh doanh và sở hữu tài sản không thể nằm ngoài tư tưởng Phật giáo. Bởi con người được quyền tạo lập và sở hữu tài sản của mình với điều kiện không trái quy định của pháp luật, ngay chính Tỷ-kheo Phật giáo cũng được quyền sở hữu những vật dụng thiết yếu cho đời sống tu hành, như: Y, bát, tọa cụ, thuốc,... Còn với đời sống kinh tế - xã hội, các vị cư sĩ và những người khác, khái niệm về sở hữu tài sản được mở rộng để phù hợp với hoàn cảnh thực tế, là những sở hữu thuộc về đất đai, tiền tệ, lương thực,... mà những tài sản này một phần chính yếu được tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp.

Từ đó, mới thấy được tầm quan trọng của doanh nghiệp trong sự tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội, phát triển đất nước. Đây là công việc vừa mang tính tiên quyết vừa mang tính đồng thời của những doanh nghiệp. Bởi lẽ phát triển kinh tế cũng chính là góp phần ổn định xã hội và phát triển đất nước. Đó là một sự hỗ

tương bất khả phân và đã được nhìn nhận khách quan từ thuở sơ kì Phật giáo.

Tài liệu trích dẫn:

- [1] Khoản 10 Điều 4, Luật Doanh Nghiệp 2020.
- [2] Khoản 21 Điều 4, Luật Doanh nghiệp 2020.
- [3] Xem khoản 1 Điều 2, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.
- [4] Khoản 1 Điều 10, Luật Doanh nghiệp 2020.
- [5] Tiểu Tạng Thanh Văn (2010), *Luật Từ Phần* (Tỷ kheo Thích Đồng Minh dịch; Tỷ kheo Thích Nguyên Chứng - Thích Đức Thắng hiệu chỉnh và chú thích), Nxb. Phương Đông.
- [6] Pāli: hai anh em thương khách: Tapussa và Bhalika. Theo chú thích Tiểu Tạng Thanh Văn (2010), *Sdd*, tr. 1094.
- [7] Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (1999), *Kinh Tiểu Bộ* (HT. Thích Minh Châu dịch), Nxb. TP HCM, tr.12.
- [8] Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (1999), *Sdd*, tr.13.
- [9] Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (2002), “Chương VI. Phẩm Sáu Bài Kệ 382. Chuyện Hai Thiên Nữ Siri Và Kālakanni,” *Kinh Tiểu Bộ* (HT. Thích Minh Châu dịch), Nxb. Tôn Giáo.
- [10] “Kinh số 1283,” *Kinh Tạp A - hàm* (Việt dịch: Thích Đức Thắng; Hiệu đính & Chú thích: Thích Tuệ Sỹ). Nguồn: https://www.budsas.org/uni/u-kinh-aham-tap/tap48.htm#_ftn43.



HOÀNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp





Lãnh đạo doanh nghiệp qua tinh thần Tứ nhiếp pháp



Đây là bốn phương pháp Bồ tát sử dụng để thu nhiếp chúng sinh khiến họ sinh khởi tâm thân ái mà dẫn dắt họ vào Phật Đạo để đạt đến khai ngộ. (Ảnh: Internet)

Thông Báo

Ngày nay, bê bối xảy ra thường liên quan đến những hành vi sai trái của các nhà lãnh đạo doanh nghiệp đối với nhân viên, dẫn đến lòng căm thù nội bộ, trì trệ trong sản xuất kinh doanh. Bởi không có sự gần gũi để giải quyết những vướng mắc nên số người thôi việc ngày một tăng. Vì vậy, muốn tổ chức phát triển bền vững, đầu tiên phải xây dựng mối quan hệ giữa lãnh đạo và cấp dưới thông qua việc trao đổi, đồng cảm, khuyến khích, động viên, nâng cao tinh thần và ý thức làm việc của nhân viên nhằm đi đến mục tiêu chung của tổ chức. Vì vậy, mối quan hệ này rất quan trọng, bởi nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của tổ chức đó. Phật giáo với giáo lý Tứ nhiếp pháp sẽ giúp người lãnh đạo mở ra phương thức hay cách tiếp cận của một nhà lãnh đạo đối với cấp dưới của mình bằng cách nhiếp phục, cảm hóa thông qua cách giao tiếp, hành động thu phục lòng người. Từ đó, đưa đến sự đoàn kết, hòa hợp và lợi ích cho tập thể, tạo ra sự đồng thuận của những người cùng chung chí hướng, giúp công ty, tổ chức tạo được nền tảng để phát triển bền vững dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

TỨ NHIỆP PHÁP

Theo *Phật Quang Đại từ điển*, Tứ nhiếp pháp tiếng Phạn là Catvāri samgraha-vastūni, cũng gọi là Tứ nhiếp sự, Tứ sự nhiếp pháp, Tứ tập vật. Đây là bốn phương pháp Bồ tát sử dụng để thu nhiếp chúng sinh khiến họ sinh khởi tâm thân ái mà dẫn dắt họ vào Phật Đạo để đạt đến khai ngộ. Bốn phương pháp ấy là: Bố thí nhiếp, Ái ngữ nhiếp, Lợi hành nhiếp, Đồng sự nhiếp [1]. Nhiếp có nghĩa là nhiếp phục, cảm hóa, nhiếp hóa; Pháp là biện pháp, phương pháp, cách thức. Tứ nhiếp pháp là bốn phương pháp thu phục khiến mọi người khởi lên lòng thân ái, để từ đó có thể nhiếp phục họ dễ

dàng và nhẹ nhàng nhất về cả hai mặt tinh thần lẫn vật chất, dù trong bất kỳ thời gian nào. Như lời Đức Phật đã dạy: “Nếu có pháp gì nhiếp thủ hội chúng thì tất cả đều là Bốn nhiếp sự. Hoặc có một pháp bố thí, một pháp ái ngữ, hoặc một pháp lợi hành, hoặc một pháp đồng sự nhiếp thủ mà chúng hội trong thời quá khứ có được sự nhiếp thủ cũng là Bốn nhiếp sự. Chúng hội đời vị lai được sự nhiếp thủ cũng là Bốn nhiếp sự;...” [2].

BỐ THÍ NHIỆP (DĀNA SAMGRAHA)

Bố thí nhiếp còn gọi là Bố thí tùy nhiếp phương tiện, Huệ thí,... Nghĩa là đem những gì mình có bằng vật chất lẫn tinh thần để cứu giúp người khác khi cần thiết, nhằm tạo sự thiện cảm để họ tâm phục, khẩu phục và mến mộ. Bố thí có ba phần: Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí.

Tài thí là ban tặng, giúp đỡ về mặt vật chất để cứu giúp mọi người trong cơn hoạn nạn, thiếu thốn khó khăn. Pháp thí, Pháp là những lời dạy của Đức Phật nhưng có thể hiểu pháp ở đây là đem lời Phật dạy giúp cho nhân viên giảm bớt phiền não, căng thẳng trong công việc hoặc đem những phương pháp làm ăn, nghề nghiệp chân chính dạy cho họ, giúp họ biết sinh sống mà không làm tổn hại đến người và vật. Vô úy thí là chia sẻ cách thức để mọi người biết cách sống không lo lắng, sợ hãi nhằm đem đến bình yên hạnh phúc, giúp họ an trú trong giờ phút hiện tại.

“ Viên toàn nhiếp sự ấy,
Phước hựu thật huy hoàng,
Chiếu xa như ánh nhật
Tiếng tốt truyền đi nhanh. ”

Người lãnh đạo thực hành Bố thí nhiếp như là cách cảm ơn nhân viên sau thời gian đã tận lực đóng góp, đem lại nhiều thành quả trong công việc. Nhân viên mỗi người một hoàn cảnh và có những khó khăn về mặt vật chất hoặc tinh thần, đa phần họ thường ngại nhờ cấp trên giúp đỡ. Vì vậy, một người lãnh đạo nên chủ động quan tâm đến từng hoàn cảnh của nhân viên mình, luôn luôn lắng nghe để giúp đỡ kịp thời. Đặc biệt, quan tâm đến các nhân viên như: Lao công, bảo vệ,... bởi đây là những người ít được tiếp cận nhất với lãnh đạo, nhưng họ là một phần không thể thiếu trong công ty. Ngoài giúp

đỡ về mặt vật chất thì giáo lý Phật giáo còn đề cập đến giúp đỡ về mặt tinh thần. Khi được gỡ bỏ mọi vướng mắc, nhân viên mới có thể toàn tâm toàn ý cống hiến cho công ty. Nhưng lưu ý, người lãnh đạo cần phải thực hành Bố thí Ba la mật, đó là cách bố thí không thấy có kẻ bố thí, người được bố thí và của được bố thí.

ÁI NGỮ NHIỆP (PRIYA-VĀDITA-SAMGRAHA)

Ái ngữ nhiếp nghĩa là khéo léo dùng lời nói hòa nhã, an ủi, khuyên lơn, nói đúng sự thật, làm cho mọi người nâng cao trình độ hiểu biết mà mềm phục, để rồi từ đó họ mới theo ta cùng nhau học hỏi và tu sửa.

Trong phong cách lãnh đạo, ái ngữ chính là một nghệ thuật. Túc họ sẽ biết dùng lời nói dịu



VƯỢT SÓNG CẢ VỮNG TAY CHÈO

dàng, hoà ái, khiêm tốn, biết điều gì nên nói và không nên nói, khiến người nghe sanh tâm hoan hỷ cảm mến, rồi từ đó thân cận với mình. Muốn có ái ngữ, người lãnh đạo phải có thái độ trầm tĩnh, nụ cười luôn trên môi. Trong giao tiếp hằng ngày giữa lãnh đạo và nhân viên, khi nói ra bất cứ điều gì cần mang tính cảm thông và xây dựng. Tùy theo trình độ, hoàn cảnh của từng nhân viên mà có lời nói cho phù hợp. Tránh vấp phải theo thói quen xưa nay là lạm dụng quyền hành để bắt ép nhân viên, đưa đến sự mất lòng tin giữa cấp trên và cấp dưới. Dĩ nhiên, quyền lực cũng cần thiết nhưng phải dùng đúng lúc, đúng chỗ, đúng nơi. Như vậy, sẽ nâng cao hình ảnh trong mắt nhân viên.

Còn nếu người lãnh đạo chỉ biết trách móc nhân viên khi họ sai lầm, không bao giờ nở một nụ cười thì chỉ khiến nhân viên cảm thấy áp lực mà không có sự kính phục. Từ đó, dẫn đến thái độ thiếu tôn trọng lãnh đạo, khó mà thu nhiếp nhân viên mình. Chính ái ngữ là công cụ đắc lực giúp người lãnh đạo dễ nhiếp phục lòng người và đủ công năng khích động kẻ khác tiến lên đến chỗ tốt đẹp. Vì vậy, một người lãnh đạo muốn có sức thuyết phục cao không thể không thực hành ái ngữ nhiếp.

LỢI HÀNH NHIẾP (ARTHA-CARYA-SAMGRAHA)

Lợi hành nhiếp cũng gọi là Lợi ích nhiếp, Linh nhập phương tiện, Độ phương tiện,... Nghĩa là làm lợi ích cho người bằng ý nghĩ, lời nói và hành động dẫn thân phục vụ, giúp người đạt được mục đích tốt đẹp, khiến họ sinh lòng cảm mến. Đây là làm việc vì mục đích

cao cả có lợi cho người, không so tính thiệt hơn, nếu không muốn nói hy sinh quyền lợi cá nhân vì người khác. Theo nghĩa này, người lãnh đạo sẽ dùng thân khẩu ý của mình làm tấm gương cho nhân viên noi theo. Nhất là về mặt chăm chỉ, sáng tạo, luôn lạc quan và có thái độ tích cực, như vậy mới xứng đáng là trụ cột của công ty khiến mọi người học hỏi và sẵn sàng nghe theo, làm theo những điều người lãnh đạo khuyên bảo.

Người lãnh đạo hành lợi cũng phải tùy thuộc vào từng đối tượng, bởi mỗi người đều có tài năng riêng. Với những nhân viên tốt thì nên thường xuyên ủng hộ, quan tâm những sáng kiến của họ, khích lệ ngay khi cần, giúp họ có thêm động lực cống hiến, thăng tiến trên con đường sự nghiệp. Nhưng muốn nhân viên có nhiều đóng góp thì phải có chế độ thưởng phạt rõ ràng. Bởi nếu được thưởng công bằng và hợp lý với những cống hiến tích cực thì nhân viên đó ngày càng có nhiều ý tưởng cải thiện năng suất cho công ty. Còn với những nhân viên có tư tưởng trái ngược, thì phải khuyên nhủ, tìm cách vực dậy tinh thần của họ, để họ phân biệt đúng sai mà sinh tâm kính phục, quay về hoàn thiện công việc của mình.

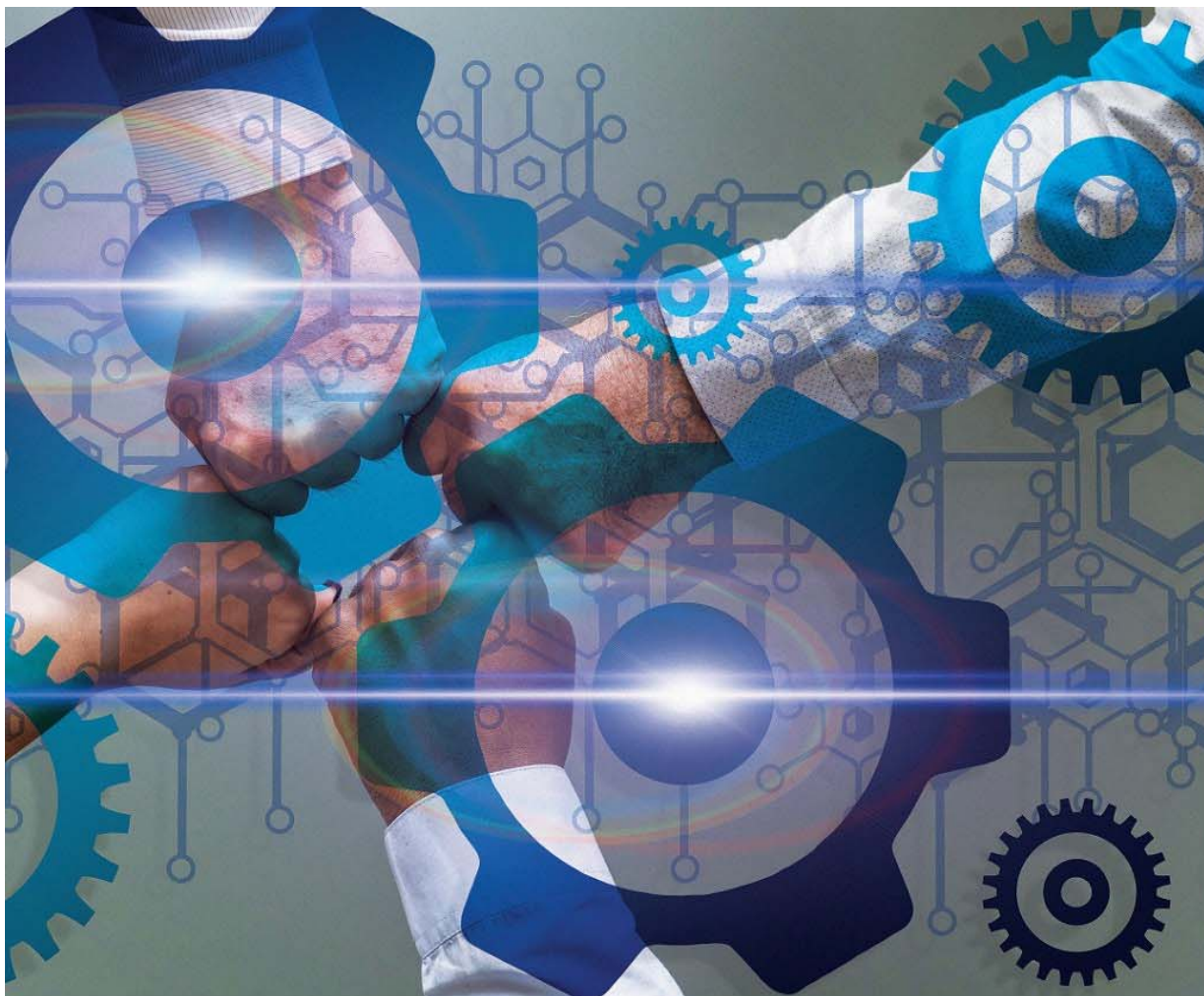
ĐỒNG SỰ NHIẾP (SAMĀNĀR-THATĀ-SAMGRAHA)

Đồng sự nhiếp hay Đồng sự tùy phương tiện, Tùy thuận phương tiện, Đồng hành,... là tạo điều kiện cùng làm chung một công việc, tạo phương tiện sống gần gũi với mọi người nhằm giúp đỡ họ làm tốt công việc ấy.



Không ai làm việc độc lập mà thành công cả, nên trong cùng công ty, phải có sự nối kết mật thiết giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa nhân viên này với nhân viên khác. Muốn như vậy, phải đồng hành, cùng làm việc, cùng gánh vác và sẻ chia. Từ sự gần gũi đó, sẽ đưa đến tình đoàn kết, hòa thuận giữa mọi người với nhau, nếu có nghi lầm cũng dễ dàng giải đáp. Khi có sự đoàn kết thì ngại gì khó khăn, gian khổ, không sóng gió nào mà không vượt qua.

Một chính sách tốt là chính sách bắt nguồn từ thực tiễn, từ sự lắng nghe, biết đặt mình vào vị trí của người khác. Người lãnh đạo có tâm



Muốn tổ chức phát triển bền vững, đầu tiên phải xây dựng mối quan hệ giữa lãnh đạo và cấp dưới thông qua việc trao đổi, đồng cảm, khuyến khích, động viên, nâng cao tinh thần và ý thức làm việc của nhân viên nhằm đi đến mục tiêu chung của tổ chức.

nhìn không bao giờ đứng trên ban lệnh xuống, mà luôn đồng hành cùng nhân viên của mình. Khi có lợi giữa đôi bên thì doanh nghiệp mới tồn tại và phát triển bền vững. Bởi trong công việc, có những điều rất đa dạng, khó lường, khó dự báo hết được. Cho nên, người lãnh đạo phải chủ động đồng hành cùng nhân viên và chính Đồng sự nhiếp sẽ là phương pháp có lợi ích cho người lãnh đạo và nhân viên.

Có thể thấy, Đồng sự nhiếp là phương pháp hiệu quả nhất để nhiếp hóa mọi người. Các nhiếp trên chỉ gián tiếp cảm hóa nhân viên chứ không ảnh hưởng trực tiếp như đồng sự. Điều đó không có nghĩa mỗi nhiếp đều tồn tại

độc lập, mà trong khi thực hành một nhiếp cần có cả ba nhiếp còn lại. Như vậy, pháp môn này có tính tương tức, tương nhập, hỗ trợ nhau trong vấn đề cảm phục rất hữu hiệu. Mỗi phương pháp nhiếp hóa sẽ chú trọng đến từng đối tượng nhưng chủ yếu vẫn bắt đầu từ bản thân người nhiếp hóa tức nhà lãnh đạo.

LỢI ÍCH CỦA VIỆC THỰC HÀNH TỨ NHIẾP PHÁP ĐỐI VỚI NGƯỜI LÃNH ĐẠO

Người lãnh đạo biết thực hành Tứ nhiếp pháp trước hết là một người gương mẫu. Mỗi lời nói hay hành động đều là một hạt giống thiện gieo vào ruộng phước mà sau này sẽ gặt được những kết quả quý

báu, tốt lành. Bên cạnh đó, khi thực hành Tứ nhiếp pháp, người lãnh đạo sẽ nâng cao uy tín cá nhân, những lời nói, việc làm đều được thông cảm, tán thành, mến phục. Từ đó dễ dàng thu hút nhân tâm. Quan trọng là được sự tuân thủ, trung thành và ủng hộ của cấp dưới nên dễ thành tựu trong công việc. Chỉ khi cấp dưới có niềm tin và kính phục cấp trên, người đó mới có thể lãnh đạo được tập thể. Chính từ sự gương mẫu với bản tính tốt đẹp đó sẽ khiến cấp dưới làm việc có trách nhiệm hơn. Nếu một tổ chức có nhiều người như vậy thì chắc chắn sẽ phát triển bền vững và tiếng tốt từ sự thực hành bốn nhiếp này của người lãnh đạo cũng lan rộng như lời Phật dạy:

VƯỢT SÓNG CẢ VỮNG TAY CHÈO

*“Viên toàn nhiếp sự ấy,
Phước hậu thật huy hoàng,
Chiếu xa như ánh nhật
Tiếng tốt truyền đi nhanh” [3].*

VẬN DỤNG TƯ NHIẾP PHÁP VÀO VIỆC ỨNG PHÓ TRƯỚC ĐẠI DỊCH

Quan tâm đến đời sống người lao động

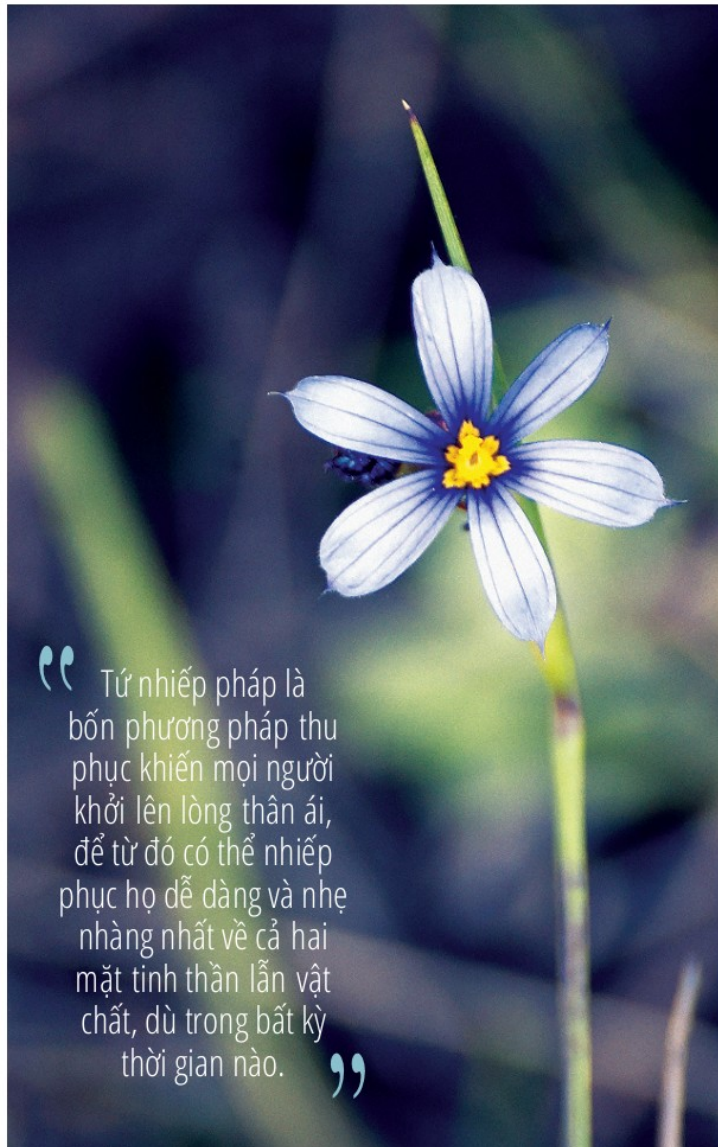
Thời gian qua, diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 đã gây khó khăn cho doanh nghiệp và người lao động. Là một người lãnh đạo, trước tiên phải sát cánh, đồng lòng, chung tay chăm lo đời sống của những người lao động khó khăn, không bỏ mặc họ bơ vơ trong mùa dịch, đó mới là bản lĩnh của người đứng trước đầu sóng. Bởi qua mùa dịch, chính người lao động sẽ là nhân tố vực dậy doanh nghiệp.

Những công ty vẫn đang hoạt động thì cố gắng giúp đỡ nhân viên về thực phẩm, dụng cụ y tế, hỗ trợ chi phí sinh hoạt. Đồng thời, chấp nhận gia tăng chi phí để bổ sung 3 tại chỗ và các biện pháp phòng, chống dịch.

Đối với những công ty tạm ngưng hoạt động, người lãnh đạo nên tìm cách hỗ trợ nhân viên. Bởi, có nhiều người lao động còn mang trên mình gánh nặng kinh tế khi phải nuôi dưỡng cha, mẹ, con cái ở quê, trong bối cảnh sống xa quê phải ở trọ, không có việc làm, tiền bạc cạn kiệt. Với tình hình này, người lãnh đạo phải tìm cách hỗ trợ và động viên, an ủi cho người lao động gặp khó khăn, góp phần giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch, đảm bảo đời sống và an toàn cho họ. Đây chính là tinh thần Bồ thí nhiếp và Ái ngữ nhiếp.

Có thể thấy, khi nhân viên cảm thấy mình được cấp trên quan tâm tận tình, họ sẽ không rời bỏ công ty, dù trong lúc khó khăn. Thực tế, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, nhiều công ty phải cho người lao động làm việc luân phiên, bố trí công việc không đúng chuyên môn, giảm thu nhập, tuy vất vả hơn nhưng nhiều lao động

vẫn cảm thấy vui vẻ bởi họ ý thức rằng nhờ chính sách đãi ngộ tốt của công ty mà cuộc sống ngày một tốt lên. Vì vậy, trong giai đoạn khó khăn này, người lao động càng phải chăm chỉ hơn, đem lại hiệu suất lao động cao hơn, chung tay cùng doanh nghiệp vượt qua khó khăn trong thời kỳ dịch bệnh. Đây chính là kết quả tốt đẹp khi



“ Tư nhiếp pháp là
bốn phương pháp thu
phục khiến mọi người
khởi lên lòng thân ái,
để từ đó có thể nhiếp
phục họ dễ dàng và nhẹ
nhàng nhất về cả hai
mặt tinh thần lẫn vật
chất, dù trong bất kỳ
thời gian nào. ”

người lãnh đạo biết thực hành Bồ thí nhiếp và Ái ngữ nhiếp.

SÁNG TẠO LỀ LÁI CÔNG TY VƯỢT KHÓ KHĂN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Sau khi quan tâm, hỗ trợ người lao động, về lâu dài, người lãnh đạo phải tìm cách lèo lái công ty vượt qua giai đoạn khó khăn. Theo ý nghĩa lợi hành và Đồng sự nhiếp, tức là thấu hiểu tâm tư, hoàn cảnh cấp dưới đang rất khó khăn. Đặt mình vào tình thế đó, người lãnh đạo thay vì loay hoay tìm lối thoát đại dịch, thì họ tìm cách thích nghi với hoàn cảnh để đưa ra những giải pháp và chiến lược kinh doanh phù hợp. Tất cả nhằm duy trì hoạt động của doanh nghiệp và tạo điều kiện cho người lao động tiếp tục cống hiến, tránh rơi vào tình thế sau khi được nói lòng giãn cách, lại gặp khó khăn trong việc khởi động một hệ thống lâu ngày không chạy. Điển hình là các đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã chuyển đổi quy trình sản xuất, sản phẩm, thúc đẩy chuyển đổi nhanh kết cấu mặt hàng truyền thống sang mặt hàng có khả năng thích ứng nhanh. Không chỉ sản xuất hàng may mặc thông thường mà còn tham gia sản xuất nguyên liệu vải kháng khuẩn dành để may khẩu trang, các dòng sản phẩm khẩu trang vải kháng khuẩn riêng của doanh nghiệp và bán trên toàn hệ thống bán lẻ toàn quốc.

Do vậy, nếu người lãnh đạo biết nhìn vào hướng tích cực và bắt kịp tâm lý xu hướng tiêu dùng người dân hiện nay để chuyển đổi sang các sản phẩm mà xã hội đang cần, vừa duy trì hoạt động

vừa tạo việc làm cho người lao động. Có như vậy, doanh nghiệp mới có thể bền vững trong mùa dịch và phát triển khi xã hội ổn định trở lại.

Bên cạnh đó, để đem lại lợi ích cho mọi người với ý nghĩa Lợi hành nhiếp, không thể không kể đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm. Các mặt hàng thiết yếu mùa dịch này ồ ạt sản xuất để cung cấp cho thị trường thì cũng nên chú trọng hơn vào chất lượng, bởi đây là thời điểm rất nhạy cảm, người dân không làm ra tiền mà phải mua hàng với giá cao nên sản phẩm kém chất lượng sẽ bị lên án nặng nề. Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP. Đà Nẵng yêu cầu tạm ngừng hoạt động cung ứng thực phẩm do vừa bị người dân phản ánh việc giao thịt kém chất lượng. Dù chưa biết được nguyên do, nhưng việc siết chặt khâu quản lý, nâng cao chất lượng thay vì tập trung vào số lượng sẽ đưa đến niềm tin cho người tiêu dùng hơn.

VỀ PHƯƠNG DIỆN XÃ HỘI

Theo tinh thần Lợi hành nhiếp, người lãnh đạo tốt luôn hướng nhân viên đến những điều tốt đẹp và có trách nhiệm với xã hội, tạo ra những giá trị chia sẻ đến cộng đồng. Thời điểm hiện tại, cùng với sự tiên phong của lực lượng tuyến đầu, các doanh nghiệp Việt cũng đang kêu gọi toàn thể nhân viên vững lòng để chiến đấu trên cả hai mặt trận: Phát triển kinh tế và chống dịch. Nhiều doanh nghiệp đã ủng hộ tiền và các trang thiết bị y tế cấp thiết cho công tác phòng chống dịch COVID-19 trên toàn quốc, cung cấp nhu yếu phẩm cho người dân và lực lượng tuyến đầu chống dịch tại nhiều tỉnh, thành

Việt Nam. Chính sự đồng cảm và muốn đồng hành cùng người dân vượt qua đại dịch, người lãnh đạo đã tạo ra những công việc thiện nguyện này, vừa san sẻ phần nào khó khăn với người dân vừa khơi gợi hạt giống thiện lành trong mỗi nhân viên.

Tóm lại, để phát triển bền vững trong kinh doanh, trước tiên phải đến từ sự cố gắng, đoàn kết của cả tổ chức. Người lãnh đạo phải là người tiên phong để tạo ra sự đoàn kết đó bằng cách thực hành Tứ nhiếp pháp. Nếu áp dụng được như thế thì lời dạy của Đức Phật không chỉ có giá trị là bản Kinh được cầu nguyện trong chốn Thiền môn, mà còn là đạo lý để sống, để giải quyết vấn đề của con người và xã hội. Tứ nhiếp pháp là “*bốn phương pháp đức nhân tâm*” hỗ trợ đắc lực cho người lãnh đạo để nhiếp hóa, cảm phục lòng người một cách có lợi ích thiết thực mà vẫn giữ được triết lý sống của Đạo Phật. Việc một nhà lãnh đạo biết áp dụng Tứ nhiếp pháp vào công tác điều hành, vừa giúp hoàn thành tư cách đạo đức của người dẫn đường, vừa tạo ra sự phối hợp nhịp nhàng giữa cấp trên và cấp dưới, mang lại lợi ích cho lãnh đạo và người lao động. Có được hai yếu tố này, doanh nghiệp mới tạo ra nhiều thành tựu to lớn. Đây chính là nền tảng tạo nên phong cách lãnh đạo phát triển bền vững mà giáo lý Tứ nhiếp pháp mang lại.

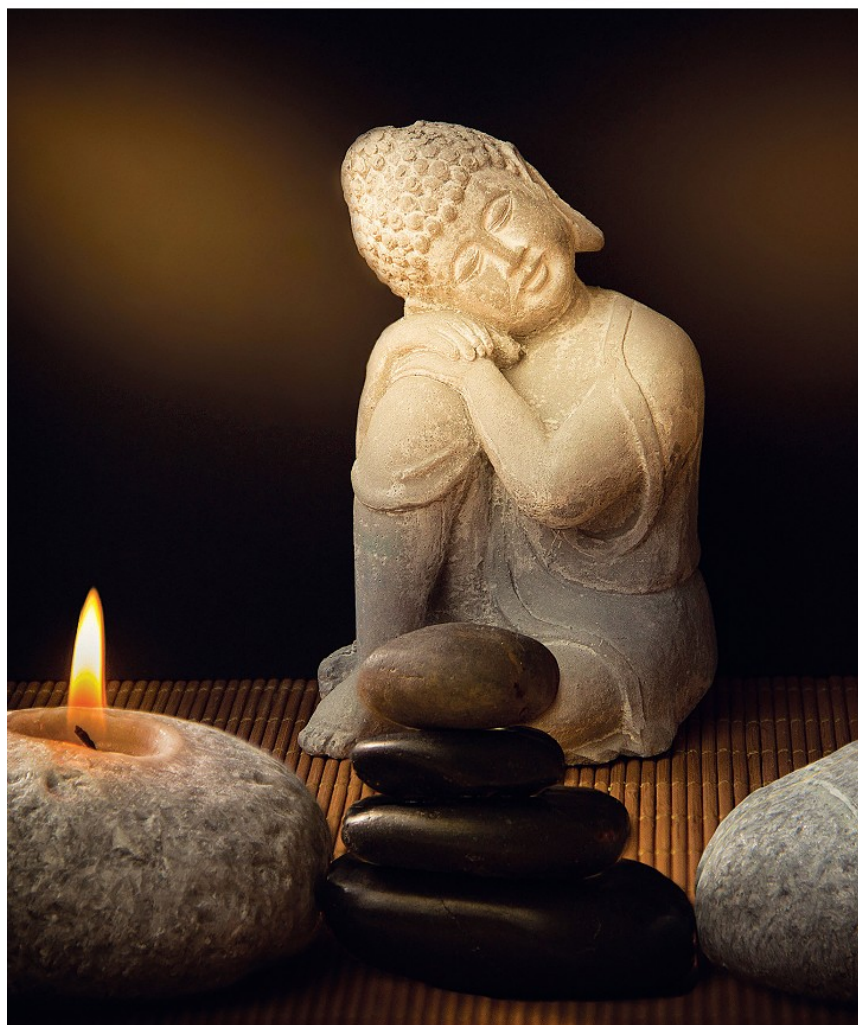
Chú thích:

- [1] Thích Quảng Độ dịch (2014), *Phật Quang Đại từ điển*, Nxb Phương Đông, TP HCM, tr.7507.
- [2] VNCPHVN (1994), *kinh Tập A-hàm*, Kinh số 669, quyển 26, tr.655.
- [3] VNCPHVN (1994), *Kinh Trung A-hàm*, kinh số 135, tr.270.



Dương và Âm Đức-

Ngọn đèn soi đường vượt sóng



Minh An

Triết lý nhà Phật có nói cuộc sống con người gói gọn trong một hơi thở để nhắc nhở mỗi chúng ta về sự vô thường ở đời này. Tuy vậy, trong “một hơi thở” đó lại chứa đựng biết bao hỷ - nộ - ái - ô, biết bao bài học mà có khi cả một đời người học mãi vẫn chưa xong.

“Có sinh ắt có diệt, có hợp ắt có tan, có thịnh ắt có suy. Khi bạn vui, hãy hiểu rằng niềm vui này không phải là vĩnh hằng. Khi bạn đau khổ, hãy nhớ rằng nỗi đau này cũng không trường tồn. Vạn pháp thế gian vốn vô thường”. Người can đảm nhất hẳn vẫn phải có những giây phút yếu đuối. Người kiên trì nhất cũng không thể tránh khỏi những lúc nản lòng. Người tràn đầy nhiệt huyết nhất rồi lúc nào đó cũng đành bỏ mặc sự tình buông lơi. Vậy trong cuộc sống ngắn ngủi đầy rẫy vô thường này, đâu là kim chỉ nam cho lúc chúng ta phải đương đầu với những cơn sóng dữ dội, gập ghềnh nhất của đời mình?

“Có sinh ắt có diệt, có hợp ắt có tan, có thịnh ắt có suy. Khi bạn vui, hãy hiểu rằng niềm vui này không phải là vĩnh hằng. Khi bạn đau khổ, hãy nhớ rằng nỗi đau này cũng không trường tồn. Vạn pháp thế gian vốn vô thường”.

Nhà bác học Archimedes từng nói: *“Hãy cho tôi một điểm tựa. Tôi sẽ nhắc bổng cả Trái Đất”*. Thật vậy! Có lẽ ai cũng cần cho mình một “điểm tựa”, không phải để nhắc bổng Trái Đất lên, mà để làm nơi nương náu mỗi khi chùn bước, yếu lòng nhất. Thế nhưng “điểm tựa” đó là gì, đến từ đâu? Ất hẳn sẽ là câu hỏi nhiều người đặt ra nhưng mãi chẳng tìm được đáp án chính xác cho mình. Có người sẽ bảo điểm tựa của họ là tiền tài, danh vọng vì như người đời vẫn thường bảo: “Có tiền là có tất cả”. Hoặc điểm tựa của ai đó sẽ là cuộc sống gia đình vẹn tròn hạnh phúc. Tuy vậy giữa tiền tài và hạnh phúc luôn là bài toán về quả trứng và con gà mà dưới góc độ, quan điểm của mỗi cá nhân sẽ có một đáp án khác nhau. Quả trứng có trước hay con gà có trước? Có vật chất rồi mới có hạnh phúc hay bản thân ta hạnh phúc thì vật chất sẽ đến dễ dàng hơn? Còn đối với người kính tin Phật, Tam bảo nói riêng và con người sống biết giữ gìn phẩm hạnh, nhân cách nói chung có lẽ điểm tựa vững chãi nhất lại là chữ “đức”.

“Có đức mặc sức mà ăn”. Câu nói không chỉ đơn giản, ngắn gọn như những con chữ cấu thành nên nó mà ẩn chứa bao hàm ý sâu xa. Chữ “ăn” không đơn thuần là động từ chỉ hành động mà là phép ẩn dụ để nói về cả một đời sống với quả ngọt trổ từ cây phước đức.

*Người trồng cây hạnh người chơi
Ta trồng cây Đức để đời mai sau
Người lo xây đắp sang giàu
Ta vun Đạo đức dồi trau tâm mình.*
(Ca dao Việt Nam)

Ông, Bà ta cũng luôn nhắc nhở con cháu phải: “Tích đức hành thiện” như một điều hay, lẽ phải cần tuân theo. Ngay cả đại thi hào Nguyễn Du cũng từng viết: *“Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài”*. Còn Kinh Phật dạy: *“Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng hương người đức hạnh
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc Chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời”*.
(Kinh Pháp Cú 54)

Nói về chữ “đức” lại có khái niệm về Dương đức và Âm đức. Tu sĩ, Cư sĩ hay những người đang trau

đáp bạn bằng vật chất hoặc khen thưởng biểu dương. Dương đức đã được báo đáp rồi thì sẽ hết. Làm việc tốt mà không để người khác biết gọi là “Âm đức”. Âm đức dù không được ai biết đến hay biểu dương, nhưng phúc báo lớn, tích được lâu dài”.

DƯƠNG ĐỨC - ÁNH NẮNG SUỐI ẨM TÂM HỒN

Nói như vậy, không có nghĩa chúng ta không coi trọng việc thực hành Dương đức. Trên thực tế, Dương đức được thể hiện đúng nghĩa của nó sẽ có tác dụng truyền cảm hứng, giúp mọi người có cái nhìn yêu thương và lạc quan hơn.

Ta sẽ không thể nào kể hết các việc tốt trong xã hội hằng ngày. Giữa cuộc sống đầy rẫy thị phi, cái ác; những thông tin, tấm gương về người tốt việc tốt như ánh sáng ban mai sưởi ấm tâm hồn, dẫn lối

“*Người trồng cây hạnh người chơi
Ta trồng cây Đức để đời mai sau
Người lo xây đắp sang giàu
Ta vun Đạo đức dồi trau tâm mình.*
(Ca dao Việt Nam)”

đời đời sống tâm linh thêm phong phú, chắc hẳn ít nhiều người cũng đã nghe qua hay tìm hiểu. Vậy Âm đức, Dương đức là gì và việc thực hành, vun bồi các phước đức ấy liệu có giúp mang đến những “điểm tựa” vững chắc khi đông bão cuộc đời nổi lên?

Trước hết, xin giải thích phóng ý chữ “Âm đức” như sau: Nghĩa là làm việc tốt thầm lặng, âm thầm, không hiển lộ ra bên ngoài, cứ lặng lẽ mà làm. Còn nhiều tầng nghĩa nữa, mỗi người sẽ có cảm nhận theo chính bản thân họ. Một định nghĩa khác thế này: *“Dương đức phúc báo nhanh: Người ta sẽ ca ngợi, tuyên dương, báo*



“ Đối với người kính tin Phật và Tam bảo nói riêng và con người sống biết giữ gìn phẩm hạnh, nhân cách nói chung có lẽ điểm tựa vững chãi nhất lại là chữ “đức”. ”



sự thiện lương. Mới đây, báo Tuổi Trẻ Online đưa tin Thượng úy Quân đội Ngô Văn Thứ lao xuống sông cứu cô gái đuối nước [1]. Đương nhiên, khi cứu cô gái anh không hề nghĩ đến những bằng khen từ đơn vị. Anh chia sẻ: “*Lúc đó tôi chỉ làm theo bản năng, thấy cô gái đang ở lằn ranh giữa sự sống và cái chết quá mong manh nên tôi lao xuống sông. Tôi cũng không nghĩ khi mình xuống liệu có cứu được không, hay mình có tồn tại hay không*”. Hay như việc có biết bao trẻ em mồ côi đang được nuôi nấng tại các trường tình thương, tu viện, tịnh thất... Trải dài khắp đất nước, nơi đâu cũng có những nhóm thiện nguyện với những việc làm đầy ý nghĩa như: Kêu gọi những người mẹ trẻ lầm lỡ không bỏ con và cưu mang cả mẹ lẫn bé, giúp người nhiễm HIV/AIDS vượt qua bệnh tật và hoàn lương, hỗ trợ phạm nhân mãn hạn tù tái hòa nhập cộng đồng... Ngay cả các chương trình truyền hình cũng hướng đến mục tiêu nhân đạo hoặc ca ngợi, lan toả những hành động mang tính nhân đạo. Chương trình thực tế “*Điều ước thứ 7*” lay động trái tim người xem truyền hình, là nơi hiện thực hóa những mong muốn, hạnh phúc giản đơn của nhân vật. Chương trình “*Lục lạc vàng - kết nối những miền quê*” thể hiện truyền thống “lá lành đùm lá rách” của dân tộc Việt Nam. Chương trình “*Vượt lên chính mình*” giúp người xem thấy được tình yêu thương, giúp đỡ giữa con người với con người; qua gameshow đã có nhiều gia đình thoát khỏi khó khăn, vươn lên trong cuộc sống và còn nhiều nữa những chương trình nhân văn như thế.

Trước làn sóng đại dịch COVID-19, những hình ảnh vô cùng đẹp từ các hoạt động thiện nguyện như: Bếp ăn từ thiện, tình nguyện viên xung phong đi vào tâm dịch, các đội mai táng miễn phí, các siêu thị 0 đồng,... ắt hẳn càng củng cố tinh thần của toàn thể người dân Việt Nam, rằng với sự yêu thương và đoàn kết, rồi chúng ta cũng sẽ vượt qua cơn sóng dữ này như bao lần khác trong lịch sử dân tộc. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp/cơ sở kinh doanh dù bị ảnh hưởng nặng nề nhưng vẫn không nề hà góp sức mình vào công cuộc chống dịch của cả nước. The Moshav Farm là một trong những đơn vị như thế. Là một cơ sở kinh doanh theo mô hình nông nghiệp xanh tại Khánh Hoà, dù việc vận chuyển hàng hoá đi khắp cả nước gặp nhiều trục trặc, đứt gãy nhưng những người đồng sáng lập vẫn không quên góp ít sức mình qua việc ủng hộ sản phẩm sẵn có đến các y bác sĩ tuyến đầu chống dịch

ở tỉnh, tặng các phần quà đến bà con nông dân địa phương, mong góp phần giúp bà con vượt qua khó khăn mùa dịch và vẫn duy trì các công việc giúp đỡ các em nhỏ nơi nông trại hoạt động. Ở TP HCM, chỉ sau hai giờ kêu gọi, diễn đàn Caravan.vn đã huy động được 40 xe bán tải và 4 xe tải từ các thành viên đều là doanh nhân, hình thành “Đội xe xung kích” tham gia vận chuyển hàng hóa, phục vụ công tác phòng chống dịch COVID-19 [2].

Ở Biên Hoà, lại có tấm gương của anh Hoàng Đình Sơn - Giám đốc một doanh nghiệp chuyên gia công công nhôm đúc ở phường Trảng Dài. Với kinh tế khá giả, lẽ ra trong thời điểm giãn cách xã hội, anh sẽ dành thời gian nghỉ ngơi, chăm lo cho gia đình nhưng anh lại bận rộn hơn với công tác từ thiện xã hội. Công việc hằng ngày của anh Sơn là liên hệ các đầu mối để mua hoặc vận động nguồn lương thực, thực phẩm hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn trong vùng phong tỏa, cách ly y tế trên địa bàn phường Trảng Dài - một phường có khoảng 150 ngàn người và phần lớn là công nhân lao động nhập cư. Là giám đốc, người lãnh đạo của nhiều doanh nghiệp, thay vì ở nhà tránh dịch, họ chọn cho mình con đường khó khăn, nguy hiểm hơn, chỉ mong sao cùng san sẻ bớt khó khăn với người dân. Có lẽ, thật không hề cường điệu khi nói rằng những tấm lòng của họ đã trở thành “điểm tựa” cho biết bao hoàn cảnh khó khăn.

Thiết nghĩ, trái tim chúng ta không thể nào không lay động và sẽ luôn có sự thôi thúc để sống đẹp hơn, sẽ chia nhiều hơn khi nhìn thấy những tấm gương ấy. Vậy, trước khi tích đức phần “Âm đức”, những hành động mang tính chất “Dương đức” cũng đã vô cùng đẹp như hoa hướng dương rạng rỡ dưới ánh nắng mặt trời rồi. Cũng như việc sống luôn hướng về điều thiện, việc lành sẽ là chiếc kim chỉ nam chỉ đúng hướng cho chúng ta vững tay chèo vượt sóng gió.

ÂM ĐỨC - NGỌN ĐÈN THẤP ĐƯỜNG CHO BẢN THÂN

Âm đức là gì? Việc gì sẽ tích Âm đức? Đó là việc làm từ thiện ẩn danh, cho đi nhưng không giữ tâm mong cầu được hồi đáp. Đó cũng đơn giản chỉ là một nụ cười, lời chúc lành xuất phát từ tâm. Là việc dùng tài năng cống hiến cho xã hội; làm trọn vẹn và hết mình trong công việc và vị trí hiện có;

biết chia sẻ, hy sinh và đồng cảm; sống chung thủy, giữ gìn hạnh khiêm nhường; thành thật, tôn trọng mọi người; tạo cơ hội cho người khác, cùng nâng đỡ nhau; biết quý trọng, biết ơn mọi điều; biết lắng nghe, khoan dung, động viên nhau. Ngoài ra, còn là việc giữ tâm hành trì các giới, định tâm, đọc kinh hồi hướng... Quả thật rất nhiều việc trên đời này có thể giúp ta tích được Âm đức.

Người nào có cơ duyên tích Âm đức hơn? Chúng ta ai cũng cùng chung “đồng máu đỏ”, nên Âm đức không chọn lựa hay dựa vào xuất thân, giai cấp, giàu, nghèo, độ tuổi, nghiệp nhiều hay ít... Chỉ cần biết hướng tâm thiện lành thì mỗi giây, mỗi phút đều có thể tích Âm đức. Có đoạn chia sẻ thể này trong một bài viết về Âm đức: *“Vận số dù thuộc loại cao tốt nhất, nếu phạm vào các việc thất đức, tùy theo mức độ mà bị trừ đi, trở thành số cùng khổ ngay. Vận mệnh ở loại thấp nhất nếu làm được nhiều việc thiện cũng tùy theo mức độ mà tăng lên”*. Tóm lại, Âm đức có nhiều cách để tích. Hãy là một người sống chan hòa, không hại người và giúp đỡ người khác khi có thể thì ta đã có thể tích Âm đức rồi.

Thế nhưng, sẽ không ít thắc mắc cho rằng cuộc sống đã đủ phức tạp với bao sự việc, biến cố xoay vần; nỗi lo mưu sinh luôn đè nặng trên vai; thân và tâm người phàm phu có mấy khi được thanh thản; giờ lại phải lo tích Âm đức làm gì? Đặc biệt, khi thực hành những việc nói trên, ta không hề thấy kết quả ngay tức thì. Nhưng thật ra khi có Âm đức, ta sẽ thấy trong những lúc nguy nan khi mọi lối đi đều mịt mờ thăm thẳm, khi đang ngụp lặn trong những cơn sóng dữ cuộc đời, Âm đức đó sẽ là ngọn đèn soi rọi để chúng ta nương vào mà “lội” qua những biển cố. Hay đơn giản là “tích đủ điểm” để mỗi người phát huy hết những giá trị tiềm tàng của bản thân, trở thành một nguồn sáng không chỉ cho chính mình, mà còn giúp đỡ, tiếp tục thấp lên cho những ngọn đèn khác đang chờ “mồi lửa”. Hoặc nói cách khác, Âm đức chính là điểm tựa vô cùng vững chãi ở những cột mốc khó khăn mà đời người ai rồi cũng sẽ kinh qua đôi bận.

Âm đức hiểu gần nghĩa nhất là hỗ trợ “người âm”. Trong đời sống thường nhật, hãy luôn duy trì trong khả năng để dành một buổi trong ngày đọc thay phiên các loại kinh và hồi hướng cho những hương linh. Người mới bắt đầu có thể mở các bài kinh trên

Youtube nghe theo giọng của các thầy để đọc theo. Sau khi quen dần với nhịp thì tự đọc. Cái hay của thời buổi công nghệ là có các video đọc kinh có sẵn chữ nên mọi người nếu nhà không có kinh thì vẫn nhìn theo đọc được. Tuy duyên ta có thể chọn nào là: Chú Đại Bi, Kinh Dược Sư, Kinh Địa Tạng, Chú Lăng Nghiêm, Kinh A Di Đà, Kinh Phổ Môn, Sám Hối, Sám hối Hồng Danh, Từ Bi Thủy Sám,... Mỗi ngày, tùy theo quỹ thời gian rảnh sẽ chọn đọc loại kinh phù hợp. Như Kinh Địa Tạng dài quá thì hay đọc vào cuối tuần. Còn nếu đọc không hết thì đọc từng chương. Ngày hôm sau, trước khi đọc chương tiếp, thì mình cần dành vài phút quán lại chương hôm trước mình đọc là về nội dung gì, sơ lược ý của chương cũ rồi bắt đầu chương tiếp theo. Thế nhưng, thật sự chúng ta nên cố gắng đọc xong hết một lần, đừng vất từ ngày này qua ngày khác để sinh tâm giải đãi. Về lực của các kinh và ngữ cảnh để chọn loại kinh thì không có quy chuẩn. Cứ đọc theo sức và lắng nghe bản thân thấy phù hợp với loại kinh kệ nào, cũng như linh hoạt uyển chuyển theo sức của bản thân. Như ngày hôm đó ta thấy mệt chẳng hạn thì có thể ngồi im mờ mantra, nhạc Thiền, lẩn chuỗi, mờ nhạc tần số rồi nhiếp tâm hồi hướng. Miễn là giữ cái tâm thật sự hướng đến muôn loài, vạn vật và không “quên” họ thì hình thức nào cũng có thể gửi đến họ. Dù sinh linh ở bất kỳ cảnh giới nào thì cũng cần tình thương và nương tựa nhau thôi mà. Cứ lấy tình thương làm gốc thì tự nhiên cảm được những thời kinh lúc ấy thật ý nghĩa. Dần lâu, dù cho những nỗi sợ vô hình hay vọng tưởng thấy đều mất dần. Chúng ta hay sợ cái chúng ta không biết rõ. Biết rõ rồi, quen rồi, sẽ tự dung hoá “thân tình”.

Trong nguy có cơ, khi dịch bệnh phức tạp chặn đứng nguồn kết nối giữa người với người, rất may mắn vì các hoạt động cầu nguyện vẫn được diễn ra online dưới sự chủ trì của các vị Tăng, Ni. Ở khía cạnh khác, dành cho các vị mới bắt đầu tu tập, công ty MayQ Inspiration dưới sự dẫn dắt của cô Lê Đỗ Quỳnh Hương cũng đã thực hiện rất nhiều khoá thiền Đại Cộng Hưởng vừa giúp kết nối mọi người, vừa khuyến khích tu tập, đọc kinh. Điều đáng trân quý của các buổi cộng hưởng này đó là hàng trăm cho đến hàng ngàn con người đều đọc Kinh A Di Đà hồi hướng cho ông, bà, tổ tiên, các thai nhi chết non, các em bé mất sớm, các nạn nhân vì dịch bệnh và rộng ra là hết thảy các sinh linh dù có duyên hay không duyên.

Vậy nên mới thấy, hoá ra cái việc âm thầm tự đọc kinh, sám hối hay tu tập Thiền tha thứ, Thiền yêu thương hằng ngày đâu chỉ cho mình mà còn mang đến bao nhiêu lợi lạc dù vô hình nhưng rất quý giá. Để lỡ sóng gió có ập đến, thì sức mạnh của nội tâm cũng như niềm tin nội tại sẽ giúp ta vững bước, không quá cố chấp để tự gây đau khổ cho mình và cho người.

THẮP ĐÈN TRONG TÂM CHO NGƯỜI THÂN, VẠN VẬT CHÚNG SINH

Cùng với việc hành trì kinh, hướng lòng vào các hành động để tích Âm đức như ở trên vừa chia sẻ. Có thêm một cách thức để vừa tích Âm đức, vừa hộ trì cho phần Dương đức, nghĩa là những điều có kết quả ngay cho bản thân, cho gia đình và cho chúng sinh. Sẽ có những lúc bạn gặp muôn vàn khó khăn trong cuộc sống, tưởng chừng như mọi cánh cửa đổ sập ngay trước mắt. Cả nước Việt Nam đang oằn mình chống dịch và cũng đã có biết bao hoàn cảnh trở trêu như thế: Con mất cha, mẹ, vợ mất chồng, trẻ nhỏ bơ vơ... Theo báo Quân Đội Nhân Dân, đợt dịch COVID-19 lần thứ 4 tại TP HCM đã tác động rất lớn đến đời sống người dân, khiến nhiều gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn, hơn 1.500 học sinh đã không may mồ côi cha, mẹ. Vậy khi ta bất lực nhất giữa dòng đời, khi đường cùng cảnh quẩn, điều đơn giản nhất ta có thể làm là giữ vững niềm tin và nương tựa vào tâm linh.

Hãy thắp lên ngọn đèn từ tâm thay vì tuyệt vọng. Nếu không tiện đến chùa, mọi người có thể thắp lên ngọn đèn dầu, hoặc nến ở bàn thờ Phật tại gia, bàn thờ Gia tiên và hướng lòng nhất tâm để giúp cho “ánh sáng” và “hơi ấm” hữu hình lẫn vô hình có thể lan tỏa đến tất cả những ai đang khốn khó ở khắp mọi nơi. Đó thật sự cũng là một cách tạo Âm đức bất khả tư nghị.

CÔNG ĐỨC THẮP ĐÈN VỚI TÂM THIỀN LÀNH

Kinh Thí Đẳng Công Đức ghi lời Đức Phật nói về công đức của việc thắp đèn cúng Phật thế này: “*Này Xá-lợi-phất, ngọn đèn của người kia hoặc tự nhiên vụt tắt, hoặc gió thổi tắt, hoặc dầu hết mà tắt, hoặc do bác đèn hết mà tắt, hoặc tắt cả đều hết mà tắt. Nếu có người trong khoảng thời gian ngắn như thế cúng dường chùa, tháp, Phật một ít đèn sáng, vì tin Phật - Pháp - Tăng, nên phúc điền cúng dường chút*



ít đèn này, sẽ được quả báo, thành tựu phúc đức, chỉ có Phật mới biết được.

Người kia chỉ dùng dùi châm thắp ít đèn sáng mà còn được nhiều phúc đức không thể tính kể như thế, huống là sau khi Ta diệt độ, nếu có người tự mình hoặc dạy người khác đốt một ngọn đèn, hai ngọn đèn hoặc nhiều ngọn đèn cùng đường..”..

Vậy xin hãy hiểu, thắp đèn ở đây theo nghĩa thông thường sẽ chỉ là một hình thức phương tiện ban đầu để chúng ta phát lòng, phát tâm, chứ không phải chỉ dừng lại ở hành động mua đèn đến dâng cúng là mọi việc đều toại ý. Dâng đèn còn mang ẩn nghĩa về sự soi sáng của Trí tuệ trong Phật pháp nhiệm màu, trong sự tinh tấn, nỗ lực của mỗi người và trong lòng phát nguyện dồn tâm dồn lực đến những ai đang cần san sẻ.

THẮP ĐÈN HƯỚNG LÒNG ĐẾN NHỮNG NƠI DỊCH BỆNH VÀ THIÊN TAI

Nếu bạn có thời gian và điều kiện, hãy cùng dành một buổi trong ngày để hành trì kinh, hoặc đơn giản là thắp lên một ngọn đèn dầu, ngọn nến hay đơn giản nhất là “ngọn đèn từ tâm” và giữ tâm tĩnh lặng nguyện lành đến những hoàn cảnh đang gặp bất trắc trên cuộc đời này, mong ơn gia hộ cảm ứng của chư Phật, Bồ tát để rồi sớm thôi, tất cả sẽ “*năm châu an tịnh, bốn biển thanh bình*”. Tâm bình chính là ngọn đèn sáng thành kính nhất của mỗi người. Dĩ nhiên khi đó, chính cuộc sống của ta, gia đình chúng ta cũng sẽ yên lành và an vui. Đôi khi, chính chúng ta cũng không thể hình dung được, phần Âm đức ta đang làm sẽ mang đến một sự vi diệu che chở và bảo bọc cho

các thành viên trong gia đình mình. Âm đức là có hiển hiện. Thêm nữa, trong bối cảnh chẳng lấy làm gì vui và dễ chịu như hiện nay, mọi người ai có duyên cũng cố gắng duy trì việc đọc, nghe kinh, hay chỉ đơn giản là sống thật bình thường nhưng không tầm thường với các điều thiện ý, để chúng ta cùng tích lũy Âm đức. Âm đức vững thì Dương đức cũng đến. Mọi điều sẽ suôn sẻ trong cuộc sống, mà dù không suôn sẻ thì cũng sẽ nhẹ nhàng hơn rất nhiều. “Gặp hung hóa cát”, có lẽ cũng do đức mà ra.

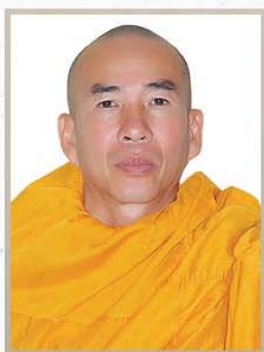
Ngọn sáng cả cuộc đời, không ai mà không gặp. Đức Phật có câu: “*Con người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự của nghiệp*”. Những cơn sóng cả đó âu cũng là nghiệp tự thân mỗi người mà ra. Không điều gì tự đến và tự đi cả, tất cả rồi cũng chỉ là bài học mà mỗi người cần tự nếm trải trong cuộc đời mình. Thiết nghĩ, chỉ khi chúng ta có những quý tắc, giới luật cho riêng mình để tựa vào ngay cả những lúc bình yên, thì khi gặp sóng dữ tâm mới có thể kiên định mà vượt qua sóng gió. Dương và Âm đức sẽ luôn là điểm tựa, là ngọn đèn soi đường đưa ta vượt qua nguy biến. Thế nên, đừng đợi đến khi té ngã mới vội vã thực hành, vì ở đời này, chẳng ai biết được khi nào khó khăn sẽ ập đến. Lời ông, bà ta đã dạy như đã nhắc ở đoạn đầu: “*Hành thiện tích đức*” - lối sống ấy chính là chiếc la bàn hữu hiệu chỉ dẫn chẳng hề sai.

Tham khảo:

1. <https://tuoitre.vn/thuong-uy-quan-doi-lao-xuong-song-cuu-co-gai-nhay-cau-tu-tu-20210918103612409.htm>.
2. <https://baodautu.vn/tphcm-gan-40-doanh-nhan-tham-gia-doi-caravan-tinh-nguyen-ho-tro-chong-dich-d146971.html>.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thấp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn



PHẬT GIÁO &
THỜI ĐẠI



Doanh nhân và phụng sự xã hội:

Một góc nhìn từ thế hệ doanh nhân Nam Kỳ
thời Pháp thuộc

Võ Phúc Toàn*



Tờ báo Việt ngữ đề cao việc thúc đẩy tinh thần phụng sự xã hội ở Sài Gòn có thể kể đến là tờ Phụ-nữ Tân-văn của vợ chồng doanh nhân Nguyễn Đức Nhuận. (Ảnh: sưu tầm)

THẾ HỆ DOANH NHÂN MỚI RA ĐỜI VÀO ĐẦU THẾ KỶ XX

Trải qua những lần sóng đầu tranh quân sự mạnh mẽ chống lại sự xâm lược và cai trị của người Pháp trong nửa cuối thế kỷ XIX, đến đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam có nhiều sự thay đổi quan trọng. Bên cạnh những yếu tố tiêu cực do cuộc xâm lược mang lại, chế độ thuộc địa của người Pháp đã mở cửa nền kinh tế, du nhập phương thức kinh doanh tư bản vào Việt Nam. Để vận hành nền kinh tế thuộc địa, bên cạnh giới tư bản Pháp, người Pháp cũng tạo điều kiện cho Hoa kiều và Ấn kiều đến Việt Nam làm ăn, nhất là ở Nam Kỳ.

Riêng với cộng đồng người Việt, việc chấp nhận và tham gia hoạt động kinh doanh theo lối làm ăn mới mất một khoảng thời gian khá dài. Chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho giáo, người Việt không xem trọng nghề buôn bán. Tư duy kinh tế theo đúng quan niệm tứ dân: Sĩ, nông, công, thương. Nghề buôn bán thường dành cho người phụ nữ, còn người đàn ông thì chú trọng vào nghề nông và việc học hành thi khoa cử. Quan điểm này chi phối đến tư tưởng người Việt trong một thời gian khá dài.

Phải đến đầu thế kỷ XX, nhiều cuộc vận động làm thay đổi tư duy kinh tế của người Việt mới diễn ra. Năm 1901, tờ báo kinh tế đầu tiên là *Nông cổ mín đàm* ra đời ở Nam Kỳ do Lương Khắc Ninh làm chủ bút. Nhiều bài viết trên *Nông cổ mín đàm* đã cổ vũ người Việt thay đổi tư duy kinh tế, chú trọng vào việc làm ăn kinh doanh: “*Người bốn xứ cứ chuyên làm ruộng rẫy, đặng thất cho trời đất. Không thấy ai buôn bán cho cả thế, và cũng không có ai hùn hiệp chung cùng với ai mà làm cho ra cuộc đại thương. Vì sao? Ấy là bởi tục quen trong nước, hễ chưa có người bày trước, để vậy thì có lẽ luôn luôn như vậy mà thôi... Bởi vậy cho nên, xin phép nhà nước mà lập nhựt báo này đặng luận về kỹ - nghệ và thương cổ, chớ chẳng phải có ý tham lợi bán chữ mà lấy tiền*” [1].

Sự ra đời của các phong trào vận động, cải cách đầu thế kỷ XX như phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa thực, Minh Tân càng khuyến khích người Việt thay đổi lối tư duy cũ, chú trọng vào thực nghiệp. Song song với các cuộc vận động này, quá trình làm việc, giúp việc cho các công ty, thương nhân người Pháp, người Hoa đã giúp cho người Việt dần dần làm quen với con đường kinh doanh kiểu mới. Ban đầu họ làm thư ký, thông ngôn cho các dự án của người Pháp, nhất là trong giai đoạn xây dựng các công trình giao thông công cộng trong thời kỳ khai thác thuộc lần thứ I. Một số nhân vật nhạy bén đã nhảy ra làm thầu khoán, cung cấp nguyên vật liệu cho các dự án của người Pháp như: Bạch Thái

Bưởi, Bùi Huy Tín, Trần Ngọc Thiện,... Không ít người sau khi làm công cho các xưởng, công ty người Pháp, người Hoa thì đứng ra mở xưởng làm ăn riêng như: Nguyễn Sơn Hà, Trịnh Đình Kính. Họ trở thành thể hệ doanh nhân người Việt đầu tiên theo lối kinh doanh hiện đại.

Riêng ở Nam Kỳ, lợi nhuận của việc xuất cảng lúa, gạo càng giúp cho nông nghiệp duy trì ưu thế trong đời sống kinh tế. Năm 1897, Đinh Thái Sơn mở xưởng in người Việt đầu tiên lấy tên là Phát Toán ở Tân Định, Sài Gòn. Sau Đinh Thái Sơn thì có xưởng in của Nguyễn Văn Viết, Nguyễn Văn Cua. Phải sau cuộc

“ Khoa bảng Nam Định, 1897. Chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho giáo, người Việt không xem trọng nghề buôn bán. ”

vận động chấn hưng nội hóa năm 1919, nhiều cơ sở kinh doanh của người Việt mới ra đời ở Sài Gòn và nhiều tỉnh Nam kỳ như: Nam Đồng Lợi của Bùi Quang Chiêu, Háo Vĩnh công ty của Nguyễn Háo Vĩnh, Đức Thành Hưng của Lê Thị Ngọc, An Nam thương cuộc công ty do Nguyễn Phú Khai làm Hội trưởng,...

Thế hệ doanh nhân này trưởng thành trong thời kỳ xã hội bắt đầu có biến chuyển lớn, chứng kiến sự giao thời giữa Đông và Tây. Cùng với những thay đổi trong sinh hoạt kinh tế, chế độ

thuộc địa được áp dụng ở Nam kỳ cũng du nhập những thiết chế xã hội phương Tây như chế độ báo chí và nghị viện. Vì thế, ở Nam Kỳ, giới tinh hoa bản xứ có thể dùng báo chí và nghị viện để đấu tranh, đòi hỏi quyền lợi cũng như thúc đẩy sự tiến bộ trong xã hội thuộc địa. Giới doanh nhân ở Nam Kỳ sau khi đã có một sức mạnh kinh tế nhất định họ cũng mong muốn nâng cao địa vị và uy tín của mình trong xã hội. Họ có thể tham gia nghị trường, xuất bản báo chí hay tham gia các hoạt động xã hội. Uy tín xã hội càng tăng, càng củng cố địa vị của họ trên trường kinh tế. Đặc biệt, dù chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Pháp về văn hóa và sinh hoạt kinh tế nhưng các doanh nhân cấp tiến giai đoạn này vẫn giữ gìn văn hóa truyền thống của dân tộc, tình nghĩa đồng bào. Họ đã tiếp nối đạo lý tương thân tương ái ở một hình



Khoa bảng Nam Định, 1897. Chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho giáo, người Việt không xem trọng nghề buôn bán. Tư duy kinh tế theo đúng quan niệm tứ dân: Sĩ, nông, công, thương. Nghề buôn bán thường dành cho người phụ nữ, còn người đàn ông thì chú trọng vào nghề nông và việc học hành thi khoa cử.

thức mới, thông qua các thiết chế như báo chí hay Hội cứu tế. Tinh thần phụng sự xã hội của doanh nhân người Việt đã sớm định hình như thế.

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG PHỤNG SỰ XÃ HỘI CỦA CÁC DOANH NHÂN NAM KỲ THỜI PHÁP THUỘC

Sài Gòn giữ vai trò là trung tâm kinh tế - chính trị, hội tụ các dòng chảy văn hóa, kinh tế của cả xứ Nam Kỳ. Chế độ báo chí và nghị trường ở Sài Gòn vô hình trung tạo cho giới tinh hoa bản xứ những công cụ để cải tiến vị thế của mình trong xã hội thuộc địa. Qua các cuộc vận động Minh Tân năm 1907, chấn hưng nội hóa năm 1919, chống độc quyền cảng Sài Gòn năm 1923 đã cho thấy giới tinh hoa người Việt đã phát huy tốt các thiết chế cộng đồng trong xã hội. Trên phương diện phụng sự xã hội, báo chí đã tận dụng hiệu quả.

Tờ báo Việt ngữ đề cao việc thúc đẩy tinh thần phụng sự xã hội ở Sài Gòn có thể kể đến là tờ *Phụ-nữ Tân-văn* của vợ, chồng doanh nhân Nguyễn Đức Nhuận [2]. Hiệu buôn của Nguyễn Đức Nhuận ra đời năm 1917, với số vốn năm 1929 đã lên tới 250.000 đồng Đông Dương. Trụ sở của hiệu buôn đặt ở 40 - 58 đường Vanier, Sài Gòn và có chi nhánh ở số 42 đường Catinat, Sài Gòn chuyên bán hàng lụa, gấm nhiều [3]. Công việc kinh doanh thuận lợi và tinh thần tiến bộ, đến tháng 5/1929, ông, bà Nguyễn Đức Nhuận cho ra đời tờ báo *Phụ-nữ Tân-văn* (1929-1935) nổi tiếng trong nền báo chí Việt Nam trước năm 1945.

Thời gian xuất hiện trên văn đàn chỉ có 6 năm nhưng *Phụ-nữ Tân-văn* đã cho thấy sự tiên phong, đột phá trong nhiều phong trào xã hội, tiếng vang vượt khỏi phạm vi Sài Gòn, quy tụ một đội ngũ cây bút tên tuổi của làng báo cả nước lúc bấy giờ như: Đào Trinh Nhất, Phan Khôi, Tân Đà, Nguyễn Thị Manh Manh, Phan Văn Hùm, Diệp Văn Kỳ...

[4] Tờ *Phụ-nữ Tân-văn* đã dành nhiều chuyên mục, bài viết để kêu gọi phụ nữ Việt Nam mau chóng thức tỉnh, mưu cầu sự tiến bộ như mục: “Vấn đề giải phóng phụ nữ”, “Phụ nữ và gia đình”,... Từ đó, nhiều bài viết mang tính tiến bộ đấu tranh cho nữ quyền như: “Phong trào phụ nữ thế thao”, “Sự mê tín của phụ nữ”, “Chị em ta nên bỏ cái tục lạy trong gia đình đi”,... đã ra đời và có sức ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội [5]. Bên cạnh đó, *Phụ-nữ Tân-văn* còn đi đầu trong việc kêu gọi lập học bổng “Việt Nam phụ nữ học bổng” từ xã hội, một dạng học bổng “xã hội hóa” từ rất sớm trong đời sống xã hội Việt Nam.

Trong bài “Phát cờ bác ái”, Ban Biên tập báo đã kêu gọi: “Chúng tôi quả quyết nói lớn rằng: Có một cách cứu vớt, một cách lo liệu cho việc giáo dục được hoàn toàn, được ích lợi.

Thật vậy, trừ việc giáo dục ra, còn sự gì là đáng làm và cần phải làm hơn nữa?

... Chúng tôi tuy tài hèn sức mọn, song nếu đồng bào cho lời bày tỏ trên này là phải, thì chúng tôi dám quả quyết với đồng bào rằng: Trong hạn 90 ngày, chúng tôi đã có thể lập học bổng cho học sinh nghèo được đi du học” [6].

KY-AN

(Tiếp theo)

HỘI THỨC MƯỜI TÂM

KIỆN THO-ĐỊA KHỔ THỨA NAI.

CẨM LAM ƯNG KHÔNG BIỆN KACH.

Thi-Công dạy, hiện mấy tên phạm rồi, liên bảo đảm hối thấy cầm riêng một chỗ, không cho thấy Cẩn-Hoàng, công-sai đáp ứng đảm đi. Liên dạy, đòi người kiện Tho-địa, người ấy đến qui trước công-đường. Thi-Công hỏi: “Mày là người kiện Tho-địa phải không?” Người ấy bần phẫn, và khai rằng: “Kể tiểu nhân ở ngoài thành huyện, làng Đào-Hoa, tên Lữ-Tự-Thuận, cưới vợ ở trong làng, con gái nhà họ Vương, sau mẹ mất hết và cũng không anh em con cái chi, nhơn nghèo khổ, ước phăng đã mới đi kiếm làm ăn, ước khổ đư ba năm rồi, đã đư đúng 5, 6, lượng bạc, nhờ nhà tôi về, vì nghèo kiếm được mà ăn khổ lắm, gần đến nỗi, muốn biết lòng vợ ra thế nào, nên ghé vào miếu Tho-địa, ngó hơn phía không có ai biết, bèn đem bạc chôn trong hư hương, kẻo gọi cho ông địa, về tay không; thấy vợ chịu nghèo thì tiếc, nên bữa sau đến miếu, bợc hư hương, đem lấy bạc, thì bạc ấy, mất rồi; nghĩ không biết làm sao, mới đến kiện Tho-địa, làm thân bất chính, xin làm gia đình xử. Thi-Công nghe miếu cười nói: “Lữ-Tự-Thuận, mày đem bạc gửi cho Tho-địa; nhân ấy là đất, nói bậy, đáng và mày cho sưng miệng, đòi về đi, mai cớm phải đến tại miếu chờ đón bryan đến đó xét Tho-địa cho.” Lữ-Tự-Thuận cúi đầu lui ra. Thi-Công bảo kêu bu người đồn ông và đồn bà vô đơn kiện đó, đợi xét hỏi. Công-sai đáp ứng kêu vào qui, Thi-Công hỏi: “Các người kiện việc chi, phải bẩm ngay, nếu có lời dối trá, hồn huyện, lượng

SAIGON, --Imp. de l'OPINION

Trong bản thể lệ học bổng, Tòa soạn báo *Phụ-nữ Tân-văn* dự kiến dành 15% số tiền bán báo hằng năm thành lập quỹ học bổng và khi nào đủ 2.000 đồng sẽ tổ chức Hội đồng chọn ứng cử viên trong số các học sinh đã có bằng Brevet élémentaire hay Diplôme d'Etudes complémentaires, ... [7]. Trong vòng 3 tháng, *Phụ-nữ Tân-văn* đã gây một nguồn quỹ học bổng lên tới 1.862,35 đồng từ tiền bán báo và quyền góp của bạn đọc gần xa [8]. Hướng ứng lời kêu gọi đóng góp của báo *Phụ-nữ Tân-văn*, Việt Nam Ngân

NÔNG-CỔ MÍN-ĐÀM



CAUSERIES SUR L'AGRICULTURE ET LE COMMERCE

MỖI TUẦN LỄ IN NGÀY THỨ NĂM

GIẤY BÀN NHỰT TRÌNH		Chủ nhơn: CANAVAGGIO	ANNONCÉS
Chữ Bút: LƯƠNG-KHẮC-NINH		Từ Đỗ-Thức	1ère et 2e Pages..... le cent. 3500
Số tháng..... 4 00		Đường PELLERIN, 84-140	Autres pages..... le cent. 1 50
Mỗi số..... 0 10		SAIGON	

GIA LỬA -- Lửa chữ tôi tại nhà máy Chợ Lớn, bán ở đồng ruộng cho các đồng.

Siêng làm, dư tiền Siêng xài, thiếu

Thập theo

Trên sáu chữ, người Bôn-quốc già, trẻ sang hèn đều thấy, và biết rõ: rằng đất Bôn-quốc dễ làm; vì đất tốt, sanh sản hoa lợi ra nhiều, một năm đều sáu bảy lần ra, muốn muốn vâng vàng; cho đến, đổi người

lão lại dui diều, cũng không chốt dũi; người nước khác đến ở đây kiếm ăn, như là người phương đông, khách, người Ấn-độ, Chà; những người ấy đến hai tay không, bán bắp, bán chuối, bán ca-vi, trong một ít năm; thì khai tiệm lớn, lâu năm thì cất nhà lầu, và một ban trưởng Mái-chính. Người ta thì vậy, còn như người Bôn-quốc thì sao?

Người Bôn-quốc từ sang đến hèn, từ giàu đến nghèo, đều siêng xài tiền lắm. Láo hủ bốn mươi năm trước, thì nước mình; người còn trông bông làm vải, để bán làm lụa; người Bôn-quốc ăn, mặc xài phí, còn có chữ, người nhà dư ăn, thì mặt to lùa, còn nhà nghèo thì vải bố. Đến nay già, trẻ, giàu và

đúng. -- Người mặt mạnh mẽ đó bầm trán rằng: « Tôi tên Châu-Thuận ở ngoài thành, cậu Ngũ-Tỷ, cha mẹ mất hết, không có anh-ém, người đời bà này là vợ của tôi, tuy nghèo mà giữ phận thật thà, còn người cầm đầu họ Võ, người không bộ-tộc ở đây, thường nghèo khổ, nên tôi nuôi, cho ăn mặc, sự kiện chút đỉnh; nay đổi lòng, muốn đoạt vợ tôi, xúi dao chém cây, liều mạng rồi tôi, tôi không biết làm sao, vợ chồng đều đến kiện, xúi lão gia xử đoán. -- nói rồi cái đầu. -- Tên cầm ở một bên, ở ở huơ liêu đĩnh, trợn mắt sáng như đèn, nước mắt xuống như mưa, dầm hông, chỉ trỏ, gào gào, vỗ gò má, mặt nổi không dặng, ở ở loạn xị, ai xem thấy đều tức cười. -- Thi-Công nói: « Mi chớ gá gáp, mi và Châu-Thuận, đi ra một lát là xử xong việc cho. -- Thi-Công lập kế, hỏi người đời bà ấy rằng: « Bôn huyện hỏi mi là tướng vợ chồng tôi đều có lòng tốt, còn thằng cầm đầu khi trước, nó thật thà, nên mi cùng Châu-Thuận thường con mớ côi, nên nuôi nó, đáng giận nó, sao không sợ pháp, nói ngược ngược mi là vợ nó, bôn huyện giận muốn xử nặng nó. Nay bôn huyện hỏi mi phải khai cho này, mi là vợ nó hay là vợ của Châu-Thuận vậy? mau khai thật đi. -- Người đời bà ấy đáp rằng: « Tôi thiệt vợ Châu-Thuận. -- Thi-Công nói: « Bôn huyện tưởng tại, nên mi tên cầm không có tiền thật chi, thì không lẽ nó dám nói vậy, ta muốn cho mi nói thiệt một tiếng, thì bôn huyện mau mau lập tức giết mạng không nó cho rồi. -- Thi-Công nói nghe điều ngọt, người đời bà ấy tưởng là tình thiệt mới bầm rằng.

Sau tiếp

Hoàng-Tái.

Le Garant: Léon ISIDORE

Imprimerie

Hay

Năm 1901, tờ báo kinh tế đầu tiên là Nông cổ mín đàm ra đời ở Nam kỳ do Lương Khắc Ninh làm chủ bút. Nhiều bài viết trên Nông cổ mín đàm đã cổ vũ người Việt thay đổi tư duy kinh tế, chú trọng vào việc làm ăn kinh doanh.

(Ảnh: sưu tầm)

hàng cũng ra Thông cáo cho vay lâu dài, giao tiền theo từng đợt để giúp học sinh người Việt đi du học ở nước ngoài. Người vay có thể về nước trả một lần hay trả góp theo tháng. Số lượng cho vay dự kiến là 20 người xét hồ sơ từ tháng 02/1929 [9]. Một số doanh nhân, tổ chức cũng đóng góp cho học bổng của Phụ-nữ Tân-văn như: Nguyễn Văn Việt, Hội Bắc Kỳ ái hữu, Xuân Mai, Nguyễn Văn Đoàn... Một ban xét chọn học bổng do các trí thức, doanh nhân có địa vị trong xã hội được thành lập, do kỹ sư Lưu Văn

Lang đứng đầu, thành viên gồm: Bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh, trạng sư Trịnh Đình Thảo, doanh nhân Nguyễn Văn Cua, doanh nhân Nguyễn Tấn Văn. Trong số 20 thí sinh tham gia dự tuyển học bổng, hai học sinh Nguyễn Hiếu ở Thái Bình và Lê Văn Hai ở Thủ Dầu Một cùng đạt số điểm như nhau nên cả hai cùng nhận học bổng sang Pháp. Nguyễn Hiếu sang Paris học tại trường Trung học Janson de Sailly còn Lê Văn Hai thì học ở tỉnh Bordeaux [10]. Từ chỗ chỉ có một Học bổng Phụ nữ Việt Nam do Phụ-nữ Tân-

văn khởi xướng trong năm 1929, đến năm 1930 ở Nam Kỳ đã có hơn 14 học bổng của các nhà từ thiện hay Hội đoàn lập ra. Nhiều doanh nhân cũng tích cực đóng góp cho các học bổng này như Nguyễn Thanh Liêm dành 1.000 đồng mỗi năm cho học bổng Lương hữu cựu sanh viên trường Bôn quốc cho học sinh nghèo, vượt khó học tập [11].

Từ thành công bước đầu của Học bổng Phụ nữ Việt Nam, phu nhân của nhiều thương gia, trí thức như: Lưu Văn Lang, Trương Vĩnh



Chợ Lớn thời Pháp thuộc. (Ảnh: ordi.vn)

Tổng, Trịnh Đình Thảo, Nguyễn Đức Nhuận, Trần Văn Đôn... đã đứng ra xin phép chính quyền thành lập Hội Dục Anh vào ngày 7/11/1931. Mục đích của Hội là “tìm mọi phương pháp để giúp đỡ cho con nhà nghèo” như: Lập sở nuôi trẻ em, viện Dục Anh [12]. Hội Dục Anh đã khánh thành cơ sở đầu tiên ở số 58 Huỳnh Quang Tiên (nay là đường Hồ Hảo Hớn, Quận 1) vào ngày 28/11/1932, sau đó các cơ sở ở gần chợ Sài Gòn (1933), Cầu Kho (1934) cũng đi vào hoạt động. Theo tờ *Tân văn* ngày 04/8/1934 thì tài chính của Hội Dục Anh trong năm 1933 thu được 2.833,36 đồng, năm 1934 thu được 1.900,16 đồng [13].

Không chỉ vậy, trước cảnh khó khăn của đồng bào trong Nam ngoài Bắc, giới doanh nhân ở Sài Gòn đã phát động nhiều phong trào, thành lập tổ chức cứu tế người bị nạn. Truyền thống “tương thân, tương ái”, “lá lành đùm lá rách” của dân tộc đã được chuyển tải dưới những màu sắc mới. Ngày 19/5/1930, Hội Nam Kỳ cứu tế

nạn dân (Comité Cochinchinois de Secours aux Victimes des Calamités publiques) được thành lập do Nguyễn Văn Cù làm Chánh Hội trưởng; thành viên Ban Trị sự có: Hồ Văn Kính, Thầu khoán; Bùi Thế Xương, Đốc phủ sứ; Nguyễn Đức Nhuận, Thương gia, Chủ nhiệm tờ *Phụ nữ Tân-văn*; Trần Quý, Quản lý tờ *Phụ nữ Tân-văn*; Nguyễn Văn Sâm, Hội đồng Quản hạt, Chủ nhiệm báo *Đuốc nhà Nam* [14]. Hội đã phát động quyên góp giúp đỡ đồng bào nhận được nhiều sự góp sức ở khắp Nam Kỳ và cả người Việt ở Campuchia. Một số hội buôn, doanh nhân như: Nguyễn Văn Viêt, Nguyễn Văn Ngừ, Nguyễn Thị Kinh, Việt Nam Ngân hàng,... cũng góp tài, lực cứu tế. Năm 1931, Hội quyên góp cho đồng bào Cà Mau bị ảnh hưởng của bão số tiền 27.000 đồng. Trong cuộc họp ngày 16/01/1931, công quỹ của Hội được công bố là 52.538,59 đồng được gửi vào ngân hàng [15].

Cũng nên nhắc đến Nguyễn Văn

Cù (1873-1941), một nhân vật có sức ảnh hưởng lớn trong xã hội Nam Kỳ. Nguyễn Văn Cù xuất thân là thầy giáo tại tỉnh Gia Định (TP HCM) có 15 năm hoạt động trong hệ thống chính quyền, được ban Huyện Hàm năm 1904 nên thường được gọi là Huyện Cù. Từ năm 1908, ông bắt đầu rời cuộc sống công chức, chuyển sang kinh doanh in ấn và hoạt động báo chí. Năm 1917, ông cùng với Renoux thành lập tờ *Nam Trung nhật báo* và mua lại tờ *Lục tỉnh tân văn* năm 1919. Thời điểm này, Nguyễn Văn Cù đã là Phó Hội trưởng của Nam Kỳ báo chương Hội, bao gồm cả báo giới người Pháp và Việt. Nguyễn Văn Cù còn tham gia vận động thành lập nhiều tổ chức đoàn thể kinh tế và xã hội người Việt trong những năm 1920, 1930 như: Hội Thương mại và kỹ nghệ An Nam tại Nam Kỳ (1917, Hội trưởng đầu tiên), Việt Nam Ngân hàng (1927, sáng lập viên) [16], Hội Nam Kỳ cứu tế nạn dân (1930, Hội trưởng đầu tiên),... Khi Nguyễn Văn Cù qua đời (10/5/1941), một đám tang

trọng thể, với gần 3.000 người đưa tiễn vào ngày 13/5/1941, có cả Thống đốc Nam Kỳ Rivoal và các nhân vật lớn trong xã hội Nam Kỳ như: Bùi Quang Chiêu, Lê Quang Liêm, Lưu Văn Lang, Lê Phát Vinh, Nguyễn Phú Khai, Trần Trinh Trạch,...[17] Nhờ vào uy tín và địa vị xã hội này của Nguyễn Văn Cù khi giữ chức Hội trưởng, càng tạo thuận lợi cho công việc của Hội Nam Kỳ cứu tế nạn dân. Năm 1937, Hội đã làm được những công việc nổi bật như: Quyên góp cho quỹ xây dựng nhà thương ở Sài Gòn 500 đồng; trợ cấp những người hỏa hoạn ở đường Nguyễn Tấn Nghiệm với số tiền 219 đồng, tiền gạo 19 đồng; gửi trợ cấp người bị hỏa hoạn ở Ngã Năm (Rạch Giá) số tiền 5.000 đồng; gửi trợ cấp cho người bị hỏa hoạn ở Sóc Trăng 1.000 đồng [18].

Lời kết

Như vậy, có thể thấy, từ đầu thế kỷ XX, tầng lớp doanh nhân theo lối kinh doanh hiện đại ở Việt Nam đã ra đời. Họ có thể là thầu khoán, nghiệp chủ, chủ hãng buôn, hiệu buôn,... với hành trạng xã hội phong phú và đa dạng. Ra đời trong xã hội thuộc địa, chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Pháp nhưng chúng ta thấy rõ những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc vẫn có sức sống mạnh mẽ trong họ. Các công cụ, thiết chế văn hóa, xã hội của văn minh phương Tây dù có thể làm thay đổi lối sống, sinh hoạt cộng đồng nhưng không thể thay thế tâm hồn, văn hóa Việt. Vì thế, đứng trước cảnh khó khăn, đau khổ của đồng bào, thế hệ doanh nhân này đã không đứng ngoài cuộc. Họ tự đứng ra vận động, dùng các công cụ có trong tay để kêu gọi tình bác ái, nghĩa

đồng bào, cứu giúp nạn dân ngay cả trong thời kỳ chịu ảnh hưởng trầm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933. Ở đây, cũng nên nhắc đến vai trò của các cá nhân doanh nhân có uy tín, địa vị trong xã hội. Họ càng đóng góp cho xã hội càng nhiều thì uy tín của họ trên thương trường càng được nâng cao và ngược lại. Tinh thần phụng sự của thế hệ doanh nhân giai đoạn này đã đóng vai trò chuyển tiếp cho truyền thống tương thân tương ái của dân tộc từ xã hội truyền thống sang hiện đại. Tinh thần dân tộc và tinh thần phụng sự xã hội đã trở thành vốn quý của tầng lớp doanh nhân hiện đại từ khi ra đời cho đến ngày nay.

Trong bối cảnh đất nước hiện nay đối mặt với những khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra, tinh thần bác ái, “tương thân, tương ái” một lần nữa được đội ngũ doanh nhân Việt Nam phát huy, tương trợ đồng bào vượt qua đại dịch. Dù bị ảnh hưởng ít nhiều do dịch bệnh, nhiều doanh nghiệp vẫn sẵn sàng chung tay hỗ trợ người lao động, các khu vực bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh và giãn cách xã hội. Bác ái và phụng sự đã trở thành những giá trị nhân văn của đội ngũ doanh nhân cấp tiến, cùng xã hội vượt qua khó khăn.

Chú thích:

* Thạc sĩ Sử học Võ Phúc Toàn, trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

[1] Lương Khắc Ninh (1901), “Thương cổ luận”, *Nông cổ minh đàm*, số 1, năm 1901, tr.2.

[2] Trong làng báo Sài Gòn trước 1945 có đến 3 nhân vật cùng mang tên Nguyễn Đức Nhuận: Bút Trà Nguyễn Đức Nhuận chủ nhiệm báo *Sài Gòn*; Nguyễn Đức Nhuận của báo *Phụ-nữ Tân-văn* và Phú Đức Nguyễn Đức Nhuận, nhà văn.

[3] *Phụ-nữ Tân-văn*, số 01, ngày 02/5/1929.

[4] Thiện Mộc Lan (2010), *Phụ-nữ Tân-văn phần son tô điểm sơn hà*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, tr.18.

[5] Bằng Giang (2018), *Sài Gòn cổ sự*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, tr.38-39.

[6] *Phụ-nữ Tân-văn*, số 3, ngày 16/5/1929, tr.17.

[7] *Phụ-nữ Tân-văn*, số 3, ngày 16/5/1929, tr.17.

[8] *Phụ-nữ Tân-văn*, số 18, ngày 29/8/1929, tr.9.

[9] *Phụ-nữ Tân-văn*, số 18, ngày 29/8/1929, tr.8.

[10] *Phụ-nữ Tân-văn*, số 68, ngày 04/9/1930, tr.7.

[11] T.V (1930), “Nói chuyện học bổng: một cái gương cho nhà giàu”, báo *Phụ-nữ Tân-văn*, số 68, ngày 04/9/1930, tr.1 - 2.

[12] Thiện Mộc Lan (2010), *Phụ-nữ Tân-văn phần son tô điểm sơn hà*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, tr.63.

[13] “Hội Dục Anh”, báo *Tân văn*, số 01, ngày 04/8/1934, tr.7.

[14] *Hà thành ngộ báo*, số 842, ngày 28/5/1930, tr.2.

[15] Nguyễn Văn Cù (1931), Hội Nam kỳ cứu tế nạn dân, báo *Sài thành nhật báo*, số 52, ngày 23/01/1931, tr.1.

[16] Việc vận động thành lập Việt Nam ngân hàng, ngân hàng đầu tiên của người Việt diễn ra 2 lần vào năm 1919 và 1927. Trong cả hai lần, Nguyễn Văn Cù đều đóng vai trò quan trọng.

[17] Báo *Sài Gòn*, số 14.672, ngày 15/5/1941, tr.1&4.

[18] Hội Nam kỳ cứu tế nạn dân vẫn tiếp hành công việc, báo *Sài Gòn*, số 1076, ngày 9/4/1937, tr.8.

Tài liệu tham khảo:

1. Bằng Giang (2018), *Sài Gòn cổ sự*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
2. Báo *Sài Gòn*, số 1.076, ngày 9/4/1937.
3. Báo *Sài Gòn*, số 14.672, ngày 15/5/1941.
4. Báo *Tân văn*, số 01, ngày 04/8/1934.
5. *Hà thành ngộ báo*, số 842, ngày 28/5/1930.
6. Lương Khắc Ninh (1901), “Thương cổ luận”, *Nông cổ minh đàm*, số 1, năm 1901.
7. Nguyễn Văn Cù (1931), “Hội Nam kỳ cứu tế nạn dân”, báo *Sài thành nhật báo*, số 52, ngày 23/01/1931.
8. *Phụ-nữ Tân-văn*, số 01, ngày 02/5/1929.
9. *Phụ-nữ Tân-văn*, số 3, ngày 16/5/1929.
10. *Phụ-nữ Tân-văn*, số 68, ngày 04/9/1930.
11. Thiện Mộc Lan (2010), *Phụ-nữ Tân-văn phần son tô điểm sơn hà*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.



Vua Asoka - người hộ trì Phật giáo dưới góc nhìn bia ký



Trụ đá Ashoka tại Sarnath. (Ảnh: sưu tầm)

SC. Thích Nữ Chúc Hòa*



Asoka – vị vua Phật Tử.
(Ảnh: thuviengdpt.info)

Vua Asoka xuất hiện trong lịch sử Ấn Độ với hai tư cách: Một Quân vương chinh phục và một Quân chủ bảo hộ Phật giáo nhiệt thành. Sự sùng kính của nhà vua đối với Tam bảo đã đem lại lợi ích lớn lao cho nhân dân và cho Phật giáo. Bài viết trình bày một số nội dung về cuộc đời và hành hoạt hộ pháp của vua Asoka qua các bia ký tại Kalinga, Lumbini, Sarnath và Bairat.

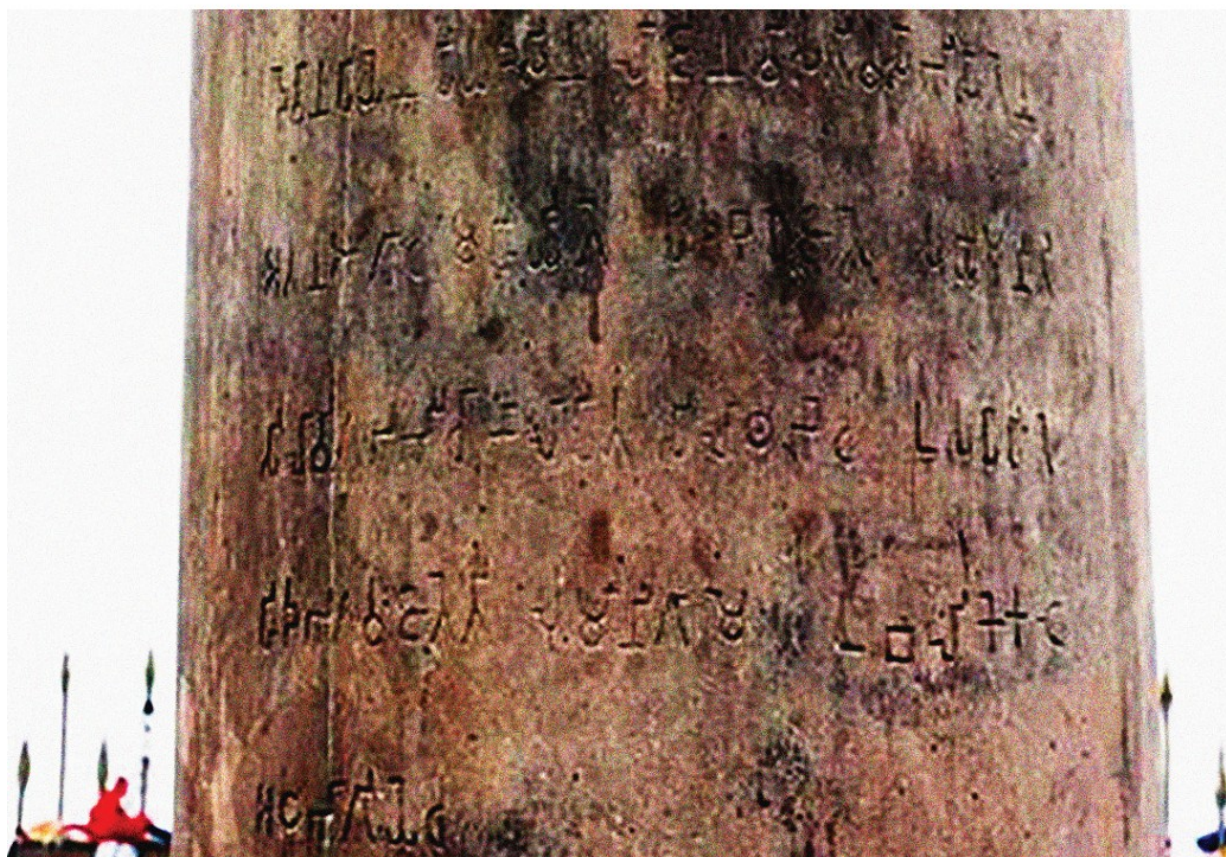
TIỂU SỬ VUA ASOKA

Ngược dòng lịch sử, vào thời đại trị vì của vương triều Maurya (Không Tước) ở xứ Ấn Độ, đã xuất hiện một nhân vật lịch sử, đó là vua Asoka (304-232 TCN), tên tuổi của ông đã trở thành huyền thoại và đi vào lịch sử nhân loại. Asoka trước hết được biết đến là Hoàng đế của một triều đại hùng mạnh và cực thịnh trong lịch sử Ấn Độ cổ đại, ông nội là vua Chandragupta, thân phụ là vua Bindusara. Vua Asoka nổi tiếng bởi đường lối lãnh đạo đầy nhân bản của Ngài, đỉnh cao trong cuộc đời Asoka là sự từ bỏ chiến tranh, quyết tâm theo đuổi hòa bình và nỗ lực xây dựng một vương quốc thánh thiện nhất trong lịch sử: “Asoka là vị Hoàng đế đầu tiên trong lịch sử nhân loại chủ trương tự thắng chính mình hơn chiến thắng người khác và dùng pháp âm thay cho tiếng trống trận” [1]. Lịch sử Phật giáo đã ghi nhận đóng góp to lớn của vua Asoka trong việc hộ trì Chánh pháp, phát triển Đạo Phật. Chính Ngài đã bảo trợ kỷ kết tập Kinh điển lần thứ III, đưa chín phái đoàn truyền giáo ra nước ngoài để truyền bá Chánh pháp, cho xây

dựng tháp thờ Xá lợi Phật trên khắp đất nước. Đặc biệt, vua ra các huấn lệnh liên quan đến Phật giáo, cho khắc vào các bia ký và trụ đá trở thành minh chứng lịch sử cho sự đóng góp của Ngài đối với Phật giáo, đồng thời, làm sáng tỏ cuộc đời của vị Thánh vương cai trị bằng Chánh pháp.

BIA KÝ TẠI KALINGA

Đầu thế kỷ XIX, các nhà khảo cổ tìm thấy “Một tập hợp 14 chỉ sắc lệnh nổi tiếng của vua A Dục khoảng một dặm về phía Đông Junagarh, thủ phủ bang Junagah trong bán đảo Kahiavar tạo lối vào của một hẻm núi dẫn đến thung lũng bao quanh ngọn núi thiêng liêng, hùng vĩ Girnar” [2]. Mười bốn sắc dụ chính được đánh số từ I đến XIV, hai sắc dụ chính trên đá tại Kalinga và nhiều sắc dụ khác, tổng cộng có 33 sắc dụ Asoka đã được tìm thấy. Chúng là những trụ đá độc đáo cả về nội dung lẫn nghệ thuật điêu khắc, phản ánh cuộc đời vua Asoka, một người đã thực hành Chánh pháp vì hòa bình, hạnh phúc cho mọi người và vì phụng sự đạo pháp.



Trụ đá ở vườn Lâm-tỳ-ni ghi “Sắc lệnh trên trụ đá”, trên thân trụ có khắc 5 hàng cổ ngữ Brahmi. (Ảnh: sưu tầm)

Bia ký ghi lại nguyên nhân vua Asoka đến với Phật giáo sau trận chiến Kalinga: “Canda Asoka chống gươm lạng ngấm thâm cảnh kinh hoàng. Trái tim của vị Đại đế chùng xuống, ông cảm thấy hối hận, bẽ lười guom thể, quyết từ nay không sử dụng vũ lực để gây nên một cuộc can qua nào nữa” [3]. Sự tàn khốc của cuộc chiến Kalinga khiến ông tỉnh ngộ cùng với trái tim đầy lòng thương cảm tạo động lực thúc đẩy Asoka đến với Phật giáo. Bia ký Shanbazgarhi cho thấy bước ngoặt quan trọng của triều đại Maurya khi Asoka chấm dứt chinh phạt, quy hướng Phật pháp: “Sau khi chinh phục xứ Kalinga, đức Thánh tượng Priyadarsi, người con yêu quý của các Thần linh đã thực hành Chánh pháp, yêu quý Chánh pháp và giảng dạy Chánh pháp” [4]. Đối với ông, Đức Phật “như người dựng đứng lại những gì bị quăng bỏ xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường

cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc” [5]. Có lẽ ông nhận ra chỉ có Đức Phật và Chánh pháp mới mở ra con đường cho những ai muốn sống đời sống thánh thiện, giải thoát khổ đau, nên Asoka chọn quy hướng Phật giáo: “...tiếng trống trận (bheri-ghosa) năm xưa biến thành tiếng gọi của Chánh pháp (Dharma-ghosa) mở ra cho mọi người quang cảnh các thế giới thần tiên, các loài voi” [6]. Asoka tuyên bố thực hành Chánh pháp, dùng pháp âm thay tiếng trống trận, lấy tiếng gọi Chánh pháp tạo dựng “tịnh thổ” ngay “cõi Ta Bà”. Ông công khai quay lưng với chiến tranh và các nước lân bang cũng ủng hộ việc này: “Không có bằng chứng lịch sử nào nói rằng có vua láng giềng nào đã lợi dụng sự sùng đạo của Asoka để tấn công về quân sự hay có một cuộc nổi loạn nào trong đế quốc ông sinh thời” [7].



Nội dung bia ký trên đá tại Bairat. (Ảnh: sưu tầm)

Nếu trước đó, ông được biết đến với tên Asoka tàn bạo, bây giờ với lòng từ bi xóa bỏ hận thù, vì lợi lạc chúng sanh, ông trở thành vị Thánh vương với danh hiệu Dhammasoka. Sự ân hận trước những tàn hại của chiến tranh và mong muốn chấm dứt việc giết chóc đã đưa vua đến với Phật giáo:

*“Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn
Thật chiến thắng tối thượng”* [8].

BIA KÝ TẠI BAIRAT

Giáo lý của Đức Phật mang lại lợi ích to lớn và được triều đình vua Asoka tin theo vì *“Pháp Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến dễ mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”* [9]. Vì sự sùng kính và muốn phổ thuyết Phật giáo cho thần dân, nhà vua đã dựng nhiều bia ký trên khắp vương quốc, văn khắc trên bia đá thể hiện niềm tin, sự tôn kính ba ngôi báu và xiển dương Kinh Phật của vua.

Bia ký Bairat ghi như sau: *“1. Vua Thiên Ái Thiện Kiến, nước Ma Kiệt Đà đánh lễ Tăng già, mong rằng các vị khỏe mạnh và an lạc; 2. Như các vị đã biết, thừa các Tôn giả, lòng tin bất thối và lòng kính trọng của Trẫm đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng; 3. Bất cứ điều gì, thừa các Tôn giả, được tuyên thuyết từ Đấng Giác ngộ, tất cả điều ấy là*

thiện thuyết. 4. Thừa các Tôn giả, cho phép Trẫm được nói rằng: Điều mà Trẫm tin tưởng sẽ đóng góp vào việc trường tồn của Chánh pháp; 5. Thừa các Tôn giả, những đoạn sau đây (được trích) từ Pháp: 1. Vinaya-samukasa; 2. Alya-vasasnh; 3. Anagata-bhayas; 4. Muni-gasthas; 5. Moneya-sutta; 6. Upatisa-pasina; 7. Laghulovada; 6. Trẫm muốn rằng Tăng, Ni trùng tụng, lắng nghe những đoạn này của Chánh pháp và rằng sẽ ảnh hưởng đến các vị; 7. Cùng một cách như vậy, hàng Cư sĩ áo trắng nam và nữ cũng nên thực hành theo; 8. Vì mục đích đó, thừa các Tôn giả, Trẫm hạ chỉ được viết ra để mọi người biết được bản ý của Trẫm” [10].

Bia ký được phát hiện tại Bairat trên một ngọn đồi kề bên thị trấn Bairat năm 1840. Ngôn ngữ trên bia ký là tiếng Prakrit, gồm 8 hàng chữ viết bằng hệ Brahmi, nội dung cho biết Asoka đã đến Bairat thăm viếng, cầu chúc sức khỏe và đánh lễ Tăng già. Sau khi tin theo Phật giáo, thể hiện lòng tin bất thối và sự kính trọng Phật, Pháp, Tăng như một người Cư sĩ hộ pháp. *“Tức vị tới năm thứ 2, vua lại phát tâm thọ giới Ưu-bà-tắc, ngộ được chính trí, năm thứ 12 thường thường công bố nhiều sắc lệnh chấn hưng Phật giáo”* [11]. Theo Phật giáo, niềm tin là một trong bảy tài sản của bậc Thánh và người có niềm tin nơi Tam bảo mới đủ khả năng thực hành Chánh pháp và vua Asoka đã thực hành điều đó: *“A Dục Vương sùng Phật, làm việc bố thí rất rộng rãi, chi phí hàng trăm vạn xây dựng*

tháp Xá lợi Phật đến tám vạn bốn nghìn ngôi, tu dựng tinh xá, cung phụng Tăng già” [12]. Bia ký này được xem là chỉ dụ riêng của đức vua với Tăng già và xác nhận vua Thiên Ái Thiện Kiến cũng chính Asoka vua nước Ma Kiệt Đà. Mặt khác, nội dung bia ký đề cập Asoka tán dương giáo lý Đức Phật khéo thuyết và nhắc tên bảy Kinh xem căn bản và quan trọng cho đời sống Tăng, Ni nam nữ Cư sĩ: “1. Luận về tầm quan trọng của giới luật, 2. Thánh cư hay nếp sống phạm hạnh cao cả, 3. Các lo lắng về tương lai, 4. Các bài kệ nói về đời sống ẩn sĩ, 5. Bài Kinh đề cập sự tịch tịnh, 6. Những câu hỏi của Xá Lợi Phất, 7. Giáo Giới La Hầu La” [13].

Bảy tên Kinh khắc trên đá thể hiện ý muốn vua Asoka xiển dương Kinh, Luật để thần dân đều ghi nhớ, học tập, đạt lợi ích lớn lao. Bia ký còn cho thấy vào lúc này, Kinh văn Phật giáo đã được kết tập và có khả năng phổ biến trong quần chúng.

BIÁ KÝ TẠI SARNATH

Vua Asoka rất chú ý đến vấn đề hòa hợp và phát triển Tăng đoàn. Bia ký trên trụ đá tại Sarnath có cùng nội dung với trụ đá tại Kausambi và Sanchi, chữ Brahmi của triều đại Maurya ghi rõ: “1. Thiên Ái..., 2. ... Hoa Thị Thành; ... 3. Tăng già không thể phân chia bởi bất cứ người nào; 4. Bất cứ Tỷ kheo hay Tỷ kheo Ni nào chia rẽ Tăng già sẽ bị lột y (cho mặc đồ trắng) và đuổi ra khỏi tu viện (cho ở nơi không phải tu viện); 5. Sắc lệnh này hãy được thông báo cho Tăng đoàn lần Ni đoàn; 6. Thiên Ái Thiện Kiến Vương nói như thế; 7. Hãy để một bản sắc lệnh này trong văn phòng của Tăng già và một bản nữa cho người Cư sĩ áo trắng; 8. Những người Cư sĩ áo trắng có thể đến đây vào ngày trường tịnh để được tăng trưởng tín tâm vào sắc lệnh này. Cũng như vậy, các vị “Tôn giáo quan” (mahamatra) đến đây vào ngày trường tịnh để tăng trưởng tín tâm vào sắc lệnh này; 9. Xa cho đến nơi ở của các người hãy phải đi một vị quan của triều đình đến mọi nơi để biết và thực hành theo sắc lệnh này” [15]. Sắc lệnh này được ban ra trong những năm cuối đời của Asoka. Vua muốn Chánh pháp được trường tồn nên ngoài việc ủng hộ Hội nghị Kết tập Kinh điển lần thứ ba do Trưởng lão Moggaliputta Tissa chủ trì, cử các phái đoàn truyền giáo sang Kashmir, Gandhara, Mahisamandala, Varanasi, Silanka... phổ biến Phật pháp, Asoka lệnh cho toàn dân ghi nhớ không được chia rẽ Tăng đoàn. Sự chia rẽ Tăng già do không cùng quan điểm trong một số vấn đề góp

phần phân chia bộ phái và dẫn tới Đại hội Kết tập Kinh điển lần thứ ba. Tăng đoàn vững chãi, thống nhất thì Phật giáo mới trường tồn trên thế gian.

Đối chiếu với các sử liệu bấy giờ cho thấy, vì được sự ủng hộ của triều đình nên nhiều người trả trộn vào Tăng đoàn để hưởng thụ lợi dưỡng, không chịu tu tập, giảng giải những giáo lý sai lệch, khiến Tăng đoàn bị suy vi. Nhờ các bậc cao Tăng và sự hộ pháp của vua Asoka nên Tăng đoàn đã được thanh tịnh và hòa hợp trở lại. Cũng nên nói thêm, ngoài Phật giáo được trọng vọng, vua Asoka cũng dành sự tôn trọng nhất định đối với các tôn giáo khác.

BIÁ KÝ TẠI LUMBINI

Bia ký tại Lumbini dựng nơi khu vườn Đức Phật Đản sanh cũng thuộc văn hệ Brahmi, được tiến sĩ A.A.Fuhrer tìm thấy năm 1896, trùng khớp mô tả trong Đại Đường Tây Vực Ký của Huyền Tráng. Bia có nội dung nói về việc thu thuế và giảm thuế cho dân: “Hai mươi năm sau khi lên ngôi, vua Thiên Ái Thiện Kiến đích thân đánh lễ nơi này bởi vì Đức Thích Ca đã Đản sanh nơi đây... Ngài hạ chỉ giảm thuế cho làng Lum Bi Ni và chỉ đóng một phần tám sản lượng” [16]. Sự chiêm bái các Thánh tích Phật giáo của Asoka được lịch sử ghi nhận và tán dương. Asoka đã thực hành lời dạy của Thế Tôn: “Này Ananda, có bốn Thánh tích, người thiện tín Cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính” [17].

Asoka chiêm bái các Phật tích như: Lumbini, Bồ đề Đạo tràng, vườn Lộc dã, rừng Sa La Song Thọ. Mỗi Thánh tích Asoka đều cho xây tháp cúng dường, dựng trụ đá. Tại nơi Đức Phật Đản sanh - Lumbini, để tỏ lòng tri ân bậc Đạo sư đã khai sáng con đường giác ngộ, Ngài cho giảm thuế, chỉ đóng một phần tám sản lượng thu hoạch. Hành động này của vua xét trong bối cảnh bấy giờ là rất đáng quý.

Nguồn thuế dưới thời vua Asoka được chi cho nhiều việc từ thiện và an sinh như: Làm đường, xây nhà dưỡng lão, bệnh viện cho người và thú như trong bia ký II Girnar ghi: “Xây dựng hai loại hình trị liệu, chăm sóc y tế cho người và trị liệu cho thú vật. Các loại cây làm thuốc cần cho việc điều trị người và thú vật được phép nhập khẩu và cho trồng tại những nơi chưa có. Trên các trục lộ, các giếng nước được xây và các loại cây được gieo trồng để phục vụ tiện ích cho người và súc vật” [18]. Vua Asoka khuyến



Quyết tâm theo đuổi hòa bình và nỗ lực xây dựng một vương quốc thánh thiện nhất trong lịch sử: “Asoka là vị hoàng đế đầu tiên trong lịch sử nhân loại chủ trương tự thắng chính mình hơn chiến thắng người khác và dùng Pháp âm thay cho tiếng trống trận”.

khích tôn trọng loài hữu tình, bảo vệ sự sống, làm lợi lạc chúng sanh.

Đạo Phật chủ trương dùng thiện pháp chuyển hóa nhận thức của mọi người, không phân biệt là người bình dân hay người giữ cương vị trọng yếu của đất nước. Vua Asoka - bậc quân vương, đã từ bỏ chiến tranh, chọn lối đi hòa bình theo Chánh pháp và đề cao đạo đức, bất bạo lực. Ông thật xứng danh hiệu Dhammasoka. Thời đại của vua Asoka là thời đại thịnh trị Phật pháp trong lịch sử Ấn Độ. Các trụ đá đã phản ánh chân thực tình hình Phật giáo lúc bấy giờ và chính sách trọng thị Phật giáo của nhà vua.

Chú thích:

* SC. Thích Nữ Chúc Hòa: Học viện Cao học khóa III tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

[1] Pháp sư Thánh Nghiêm, Thích Tâm Trí (dịch) (2008), *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Phương Đông, tr.143.

[2] Thích Chơn Minh, *Tài liệu Văn bia và Khảo Cổ Học Phật giáo*, The Girnar Rock, Khóa XII, tr.1.

[3] Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2008), *Sử Phật Giáo Thế Giới tập 1*, Nxb.Thuận Hóa, tr.55.

[4] Thích Tâm Minh (2004), *A Dục Vương cuộc đời và sự*

nghiệp, Bia ký Shahbazgarhi, Nxb.Tôn giáo, tr.316.

[5] Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam (2017), *Đại Tạng Kinh Nam Truyền Kinh Trung Bộ 1*, Nxb.Tôn giáo, tr.65.

[6] Thích Tâm Minh (2004), Nxb.Tôn giáo *Sdd*, tr.306.

[7] Thích Tâm Minh (2004), *Sdd*, Nxb.Tôn giáo, tr.119-120.

[8] Thích Minh Châu (dịch) (1999), *Kinh Tiểu Bộ 1, Pháp Cú*, Viện NCPHVN, tr.52.

[9] Thích Minh Châu (dịch) (1991), *Kinh Tương Ưng 5*, Viện NCPHVN, tr.502.

[10] Thích Chơn Minh, *Tài liệu Văn bia và Khảo Cổ học Phật giáo*, The Calcutta-Bairat Rock-Inscription, Khóa XII.

[11] Thích Thanh Kiểm (2014), *Lịch sử Phật Giáo Ấn Độ*, Nxb.Tôn giáo, Hà Nội, tr.93.

[12] Thánh Nghiêm - Tịnh Hải (2008), *Lịch sử Phật giáo Thế Giới*, Nxb.Khoa Học Xã Hội, tr.125.

[13] Thích Tâm Minh (2004), Nxb.Tôn giáo *Sdd*, tr.299.

[14] Thích Chơn Minh, *Tài liệu Văn Bia và Khảo Cổ học Phật giáo*, The Calcutta-Bairat Rock-Inscription, Khóa XII, tr.2

[15] Thích Chơn Minh, *Tài liệu Văn bia và Khảo Cổ học Phật giáo*, Sarnath Pillar Inscription, Khóa XII.

[16] Thích Chơn Minh, *Tài liệu Văn bia và Khảo Cổ Học Phật Giáo*, The Rummindei pillar inscription, Khóa XII, tr.1

[17] Thích Minh Châu (dịch) (1991), *Kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ Kinh*, Viện NCPHVN Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.328.

[18] Thích Tâm Minh (2004), Nxb. Tôn giáo *Sdd*, tr.305.



Doanh nghiệp Việt

thích nghi và vượt khó
trong bối cảnh Covid-19

Lam Phương

Sự tác động của đại dịch COVID-19, đặc biệt, trong đợt bùng phát lần thứ 4, đã ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, nhất là hoạt động sản xuất, kinh doanh, cũng như sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Doanh nghiệp là đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề, nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, cũng không ít doanh nghiệp đã dẫn chủ động thích nghi, ứng phó và chung tay với cộng đồng chống lại dịch COVID-19.

LAO ĐAO VÌ ĐẠI DỊCH

Theo kết quả khảo sát đánh giá tác động của dịch COVID-19 đối với các doanh nghiệp do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Ngân hàng Thế giới, trên 87% doanh nghiệp trong nước bị ảnh hưởng. Các lĩnh vực như: Dệt may, truyền thông, bất động sản, sản xuất thiết bị điện, xe có động cơ, giáo dục, lao động, bán lẻ, điện tử, du lịch,... chịu tác động nhiều nhất.

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, 6 tháng đầu năm 2021, có 70.200 doanh nghiệp trên cả nước phải tạm dừng kinh doanh có thời hạn, dừng hoạt động để chờ thực hiện thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể tăng 24,9% so với cùng kỳ năm 2020. Điều này cho thấy sức tàn phá khủng khiếp của dịch bệnh tác động đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và cộng đồng doanh nghiệp nói riêng [1]. Đặc biệt, doanh thu của doanh nghiệp ở các mảng: Du lịch, dịch vụ, ăn uống, nghỉ dưỡng trong 7 tháng đầu năm nay giảm 16,6% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu Du lịch lữ hành 7 tháng đầu năm ước tính cũng giảm sâu tới 55,4% so với cùng kỳ năm trước.

Theo Hiệp hội Doanh nghiệp TP HCM, dịch bệnh đã khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh của hơn 70% doanh nghiệp bị ảnh hưởng. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đang phải cầm cự, thậm chí tê liệt do gặp khó khăn trong bố trí sản xuất, cũng như phải đối mặt với chi phí hàng hóa gia tăng. Bên cạnh nhiều doanh nghiệp phải tạm ngưng hoạt động hoặc giải thể, đa số đều giảm 50-90% doanh thu so với thời điểm trước dịch.

Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp ở nhiều tỉnh, thành, đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (TP HCM, Bình Dương, Đồng Nai) khiến các doanh nghiệp đau đầu khi giải bài toán “sống chung với dịch”, vừa đảm bảo an toàn cho con người vừa phát triển được kinh tế, mang lại



được các “đơn hàng”. Trước tình hình trên, nhiều doanh nghiệp đã phải chủ động tìm hướng đi mới để tự “cứu mình”.

THÍCH NGHI VÀ TÌM KIẾM CƠ HỘI TRONG THÁCH THỨC

Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch, nhưng vẫn có những yếu tố tích cực để doanh nghiệp Việt Nam cải thiện năng lực. Giai đoạn bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 là cơ hội để các doanh nghiệp kiểm chứng lại sức chịu đựng và khả năng thích nghi với tình hình mới; tự đánh giá về thực trạng sản xuất kinh doanh, điểm mạnh, điểm yếu và lợi thế cạnh tranh, trên cơ sở đó cải tiến mô hình sản

5.000 chiếc giường xếp do Hưng Thịnh trao tặng nhanh chóng được chuyển đến bệnh viện dã chiến thu dung điều trị COVID-19.
(Ảnh: sưu tầm)



Việc nhanh chóng thích nghi và thay đổi là yếu tố tiên quyết để doanh nghiệp Việt sớm có thể “sống chung” và “sống khỏe” trong đại dịch. Đồng hành cùng Chính phủ và hỗ trợ người dân trong cuộc chiến chống lại COVID-19 cũng là cơ sở để doanh nghiệp thực hiện mục tiêu kép “vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế”.



200 máy thở oxy đã được Tập đoàn Hưng Thịnh trao tặng trực tiếp đến các bệnh viện. (Ảnh: Internet)

xuất kinh doanh theo hướng hiệu quả và bền vững.

Ảnh hưởng của dịch bệnh còn tạo ra thay đổi về nhu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ; đem lại cơ hội gia nhập các thị trường ngoài thị trường truyền thống cho doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng. Bên cạnh đó, các chính sách hội nhập quốc tế sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, hình thành chuỗi giá trị mới, đặc biệt cần tận dụng những lợi thế từ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU.

Theo TS. Trần Quang Thắng, Viện trưởng Viện Kinh tế và Quản lý TP HCM, các ngành dịch vụ hiện phải chấp nhận, chung tay phòng, chống dịch vì cộng đồng. “Mặc dù chúng ta đảm bảo vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế, song cần thận trọng. Việc giao hàng tận nơi cần được đẩy mạnh, kết hợp với

hình thức truyền thống trong thời điểm hiện tại, tránh tụ tập đông người”, ông Thắng nhận định. [2]

Còn theo TS. Nguyễn Hoàng Bảo - Trưởng bộ môn Kinh tế đầu tư, kế hoạch và phát triển của trường Đại học Kinh tế TP HCM, do dịch bệnh nên nhiều doanh nghiệp dần chuyển đổi sang xu thế bán hàng trực tuyến. “Nhưng khi bán hàng online trở nên phổ biến hơn, cạnh tranh hơn. Một miếng bánh bị xâu xé, đương nhiên khách sẽ vắng”, TS. Bảo chia sẻ. Ngoài ra, trong đại dịch, người dân không chỉ cắt giảm chi tiêu khi thu nhập giảm mà cả khi thu nhập kỳ vọng cho tương lai không được đảm bảo. Có thể thời gian tới, công việc không ổn định, người tiêu dùng cần các khoản dự phòng và phải thắt lưng buộc bụng. Các yếu tố trên sẽ tác động trực tiếp lên hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, khi người dân không sẵn sàng mở hầu bao chi tiêu.

Nhiều chuyên gia nhận định, với diễn biến phức tạp của dịch bệnh, các start-up cùng doanh nghiệp vừa và cần chú trọng đào tạo đội ngũ nhân viên, nắm bắt và đầu tư phát triển các giải pháp công nghệ để có thể biến những ý tưởng kinh doanh trở thành hiện thực. Trong đó, chuyển đổi số chính là chìa khóa để doanh nghiệp khơi thông chuỗi cung ứng toàn cầu. Câu chuyện về chuyển đổi số đã được nhắc đến trong vài năm gần đây, với bài học thành công từ những tập đoàn lớn như: FPT, Viettel,... nhưng nó sẽ trở nên cấp bách và quen thuộc hơn khi chúng ta bước vào quá trình “bình thường mới”.

Điển hình như Công ty CP Ô tô Trường Hải (Thaco) đã tiến hành chuyển đổi số bắt đầu từ tự động hóa các dây chuyền sản xuất ở các nhà máy, rồi từng bước thay đổi quy trình, công nghệ, quản trị và đạt được những thành công đáng kể. Hiện nay, Thaco vẫn

đang trong lộ trình chuyển đổi số ở cả 5 lĩnh vực đầu tư gồm: Ô tô, nông nghiệp, xây dựng, logistics và thương mại dịch vụ.

Ông Shawn W.Tan, chuyên gia kinh tế cao cấp WB tại Việt Nam cho biết: Sự chuyển dịch sang công nghệ số, hoạt động trên nền tảng số của các doanh nghiệp tham gia khảo sát đã tăng nhanh trong năm 2020. Đỉnh cao là mức tăng 48% vào tháng 6/2020, sau đó giảm, chỉ còn tăng 11% vào tháng 10/2020. Hiện có 12% số doanh nghiệp tham gia khảo sát cho thấy, đã đầu tư vào chuyển đổi số, nhưng chủ yếu là các doanh nghiệp cỡ vừa và cỡ lớn. Nhiều điều chỉnh về nền tảng số được các doanh nghiệp thực hiện như tiếp xúc trực tuyến, bán hàng trực tuyến... nhưng ở những công đoạn sau của hoạt động sản xuất kinh doanh phức tạp hơn thì vẫn chưa áp dụng... [3]

Để chuẩn bị cho “bình thường mới”, thay vì tập trung về số lượng thì giờ đây các doanh nghiệp cần chú trọng hơn vào chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, do giảm doanh thu nên các mô hình kinh doanh cần thay đổi về cấu trúc chi phí, như cắt giảm chi phí thuê văn phòng hay thuê mặt bằng khi không hiệu quả. Các xáo trộn cũng là cơ hội để tìm kiếm thị trường, khách hàng mới nếu doanh nghiệp có các lợi thế về chi phí, sản phẩm, chất lượng và kênh phân phối đa dạng, đặc biệt là biết cách tận dụng lợi thế internet.

Nhiều doanh nghiệp còn tận dụng cơ sở vật chất hiện có để chuyển đổi công năng. Vietnam Airlines đã tháo ghế, chuyển đổi một số

máy bay chở khách để vận chuyển hàng hoá. Một số doanh nghiệp từ sản xuất hàng hóa về may mặc, chuyển sang may khẩu trang, đồ bảo hộ...

Ngoài ra, đứng trước khó khăn do đại dịch gây ra, nhiều doanh nghiệp không chỉ tái cấu trúc các hoạt động tổ chức sản xuất, kinh doanh, mà còn giúp người lao động thích nghi bằng tư tưởng sống tích cực. Thực tế, cuộc chiến với đại dịch COVID-19 đã, đang và sẽ tiếp diễn trong một thời gian dài. Với tình hình dịch bệnh lan rộng, các doanh nghiệp hầu như không thể dự báo hết những tác động đến đời sống sản xuất kinh doanh, nhưng phải hứng chịu tác động trực tiếp của nó. Trước bối cảnh ấy, chỉ có tinh thần vững vàng, thái độ tích cực và chính sách phù hợp mới giúp doanh nghiệp vượt qua được khó khăn. Đặc biệt, Phật giáo với hệ thống giáo lý, tư tưởng, triết lý riêng đã và đang đem lại cho những người tin theo có thái độ, năng lượng sống tích cực. Những lời dạy của Đức Phật sẽ giúp ta nhìn nhận được những khía cạnh tích cực khi đối mặt với những hoàn cảnh nguy hiểm.

Theo Thượng tọa Thích Thọ Lạc - Trưởng ban Văn hoá Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam chia sẻ trong buổi Tọa đàm do Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp tổ chức vào cuối tháng 8 vừa qua, thấu hiểu giáo lý của Đức Phật không chỉ giúp mỗi người hiểu được cách chấp nhận sự việc và hoàn cảnh một cách tích cực hơn, mà còn buông bỏ những muộn phiền, áp lực cuộc sống một cách tự nhiên hơn. Từ đó, có cái nhìn tích cực, lạc quan, đa chiều với

mọi vật mọi việc trong cuộc sống. Đồng thời, năng lượng tích cực cũng góp phần tạo động lực và truyền cảm hứng tới những người xung quanh để cùng “đồng lòng” chống dịch và vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay. Bên cạnh đó, trước bối cảnh dịch bệnh COVID, tinh thần vô ngã, vô thường của Phật giáo sẽ giúp con người cảm thấy mạnh mẽ hơn khi đối diện, tinh thần duyên sinh, cộng sinh để cùng nhau tương trợ lẫn nhau, phải nhập thế dần thân, chia sẻ chung tay góp sức cùng xã hội.

CHUNG TAY CÙNG CỘNG ĐỒNG VƯỢT QUA ĐẠI DỊCH

Trận chiến chống lại dịch bệnh COVID-19 đòi hỏi sự chung sức đồng lòng của tất cả người dân, trong đó chia sẻ gánh nặng với Chính phủ chính là sứ mệnh quan trọng của doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp không chỉ tự cứu mình mà còn sẵn sàng đồng lòng cùng Chính phủ, nhân dân trong việc đối phó với đại dịch. Từ các tập đoàn lớn cho đến những doanh nghiệp vừa và nhỏ trên nhiều lĩnh vực đã có nhiều hoạt động đóng góp cả về kinh phí lẫn vật tư y tế hỗ trợ tuyến đầu.

Mới đây, đầu tháng 9/2021, Tập đoàn Sovico đã hỗ trợ TP HCM xét nghiệm 2 triệu mẫu và tặng 1 triệu kit xét nghiệm nhanh phòng chống dịch COVID-19, trị giá tương đương 200 tỉ đồng. Hoạt động này nhằm tiếp sức và ủng hộ chương trình xét nghiệm thần tốc của thành phố trong công tác phòng chống dịch bệnh [4].

Với mong muốn “San sẽ yêu thương - Chung tay cùng vượt



Đại diện Tập đoàn Hoa Sen trao tặng phần quà cho Bếp thiện nguyện chùa Giác Ngộ. (Ảnh: internet)

qua đại dịch”, Tập đoàn Hoa Sen đã trao tặng hơn 21 tấn gạo, 10 tấn rau, củ, quả, 11 tấn mì và các gia vị thiết yếu đến 7 điểm bếp ăn thiện nguyện, công suất hơn 30.000 suất ăn miễn phí/ngày và 8 điểm phát quà đến bà con có hoàn cảnh khó khăn tại TP HCM. Đây là số lượng quà và nhu yếu phẩm trong đợt 1 của chương trình. Danh sách 7 bếp thiện nguyện bao gồm: Bếp thiện nguyện Trung tâm công tác xã hội thanh niên; Bếp thiện nguyện Mãn Tự Vegan - Chùa Vĩnh Nghiêm; Bếp thiện nguyện Chùa Giác Ngộ; Bếp thiện nguyện Sư cô Tuệ Phước; Bệnh viện Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch; Bếp thiện nguyện Chùa Tường Nguyên và Bếp thiện nguyện Suối Mát Từ Tâm [5].

Nhằm hỗ trợ TP HCM trong việc

điều trị bệnh nhân COVID-19, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố đã trao tặng 10.000 túi thuốc hỗ trợ các bệnh nhân này, dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ chuyên môn của Sở Y tế TP. Cụ thể, 10.000 túi thuốc này gồm 6 loại thuốc, khẩu trang y tế, nước muối sinh lý NaCl 0,9%, được thiết kế trên cơ sở hướng dẫn của ngành y tế. Trong đó, các túi thuốc được đóng gói theo tiêu chuẩn: Túi thuốc A (dành cho bệnh nhân chưa có triệu chứng) và túi thuốc B (dành cho bệnh nhân có triệu chứng nhẹ), kèm theo hướng dẫn và chỉ dẫn cụ thể.

Thời gian qua, Tập đoàn Hưng Thịnh đã hỗ trợ tích cực cho công tác phòng chống dịch bệnh của TP HCM, như: Trao tặng 200 máy thở oxy, 50.000 bộ kit xét nghiệm nhanh SARS-CoV-2, 75 máy theo dõi bệnh nhân (monitor 5 thông

số) cho 9 bệnh viện tuyến đầu điều trị COVID-19, 5.000 chiếc giường xếp cho bệnh viện dã chiến thu dung. Song song với chuỗi hành động thiết thực tại TP HCM, Hưng Thịnh cũng đã triển khai hàng loạt công tác sẻ chia tại nhiều tỉnh thành khác, với tổng mức tài trợ từ đầu năm đến nay lên đến hơn 130 tỷ đồng (theo Forbes Vietnam).

Có thể nói, dịch COVID -19 đã, đang và sẽ tiếp tục làm thay đổi thế giới, cả trong tư duy và phương thức quản lý, sản xuất, phân phối, tiêu dùng các nguồn lực và của cái xã hội, cả vĩ mô và vi mô, cả quản trị doanh nghiệp, cũng như quản lý nhà nước đối với hoạt động của các doanh nghiệp. Việc nhanh chóng thích nghi và thay đổi là yếu tố tiên quyết để doanh nghiệp Việt sớm có thể “sống chung” và “sống khỏe” trong đại dịch. Đồng hành cùng Chính phủ và hỗ trợ người dân trong cuộc chiến chống lại COVID-19 cũng là cơ sở để doanh nghiệp thực hiện mục tiêu kép “vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế”.

Chú thích:

- [1] Báo Chính phủ, <http://baochinhphu.vn/Doanh-nghiep/Ung-pho-voi-dai-dich-COVID19-Doanh-nghiep-phan-anh-bo-nganh-go-kho/441542.vgp>.
- [2] Đại học Kinh tế TP HCM, <https://www.ueh.edu.vn/khoa-hoc/chu-dong-thay-doi-mo-hinh-kinh-doanh-thich-nghi-voi-tinh-hinh-dich-benh-57190>.
- [3] Báo điện tử Đảng CSVN, <https://dangcongsan.vn/kinh-te/doanh-nghiep-bien-thach-thuc-thanh-co-hoi-trong-dai-dich-584696.html>.
- [4] Theo Tuổi Trẻ Online, <https://tuoitre.vn/tap-doan-sovico-ho-tro-tphcm-xet-nghiem-2-trieu-mau-va-tang-1-trieu-kit-xet-nghiem-20210925101023508.htm>.
- [5] Theo VTV, <https://vtv.vn/xa-hoi/ton-hoa-sen-chung-tay-cung-tp-ho-chi-minh-ho-tro-nhung-hoan-canh-kho-khan-trong-dai-dich-covid-19-20210717174721902.htm>.



CHÚT TÂM TÌNH GỬI NGÀNH Y

LÊ THỊ NGỌC NỮ

Sài Gòn mùa thu đẹp man mác, từng tia nắng lung linh xuyên qua vòm lá. Hồ Con Rùa, những cánh hoa dầu thả chậm chậm, xoay trong gió, thiếu bàn tay người nâng niu. Sài Gòn vẫn cố mỉm cười khi đang vật vã vì dịch bệnh, giống như tôi vẫn hy vọng và nguyện cầu cho thành phố mau trở lại bình yên.

Ngày đầu tháng 8, tôi được tin gia đình cậu ruột ở quận Bình Thạnh dương tính COVID-19, phải điều trị tại bệnh viện dã chiến. Mỗi ngày, má tôi lo lắng nhiều hơn khi nghe tin mợ và em trai có chỉ số SpO2 xuống dưới 90% dù đã thở máy. Rồi đến tin gia đình đi và cô tôi ở quận Phú Nhuận dương tính, COVID-19 không chữa một ai, dù mọi người cũng cố gắng giữ an toàn. Cả nhà tôi lo lắng nhưng không biết phải làm gì ngoài động viên tinh thần và cầu nguyện...

Sau bốn mươi ngày điều trị, nhờ phép mầu từ những thiên thần áo trắng, cả gia đình tôi được khỏi bệnh, âm tính và xuất viện. Mợ tôi xúc động kể cho tôi nghe về khoảng thời gian cận kề lần ranh tử sinh và những hy sinh thầm lặng của đội ngũ y bác sĩ, các bạn điều dưỡng cùng tình nguyện viên. “Mợ nợ mọi người một mạng sống vừa được tái sinh”, mợ tôi hồi tưởng.

Qua lời kể của mợ, tôi như hòa mình vào không gian bên trong bệnh viện dã chiến để cảm nhận tình cảnh nơi đây... Ngoài việc dành hết sức lực cứu chữa, chăm sóc bệnh nhân, các y bác sĩ còn là chỗ dựa tinh thần vững chắc, từ việc làm hồ sơ đến lắng nghe, quan sát bệnh nhân, hỗ trợ, giúp đỡ đồng nghiệp, nhất là phải gạt qua một bên nỗi đau mất người thân, bạn bè. Chiếc máy đo sinh hiệu

và máy thở đang báo động khi bệnh nhân trút hơi thở cuối cùng nằm đó. Sự yên lặng như cổ che lấp nỗi đau đang nuốt ngược vào lòng của đội ngũ y bác sĩ, hòa cùng nỗi đau của gia đình bệnh nhân ở đâu đó ngoài kia.

Bức tường trắng, giường bệnh trắng với cánh cửa mở ra khép vào. Mẹ nằm đó, nhắm mắt nghe đêm thức, buồn vui trong gang tấc, đội ngũ lương y giành giật từng mạng sống bệnh nhân từ tay tử thần với những lời động viên: “Thở, cố gắng thở, thở là sống, thở để giành sự sống”. Mẹ tôi hít thở yếu ớt nhưng không bỏ cuộc, bờ sinh tử chỉ cách nhau nhịp thở, mẹ mơ ngày về đoàn tụ cùng gia đình, được tắm gội thỏa thích, thơm tho, được ôm các cháu nội, ngoại vào lòng mà hôn hít; hai vợ chồng già tay trong tay sánh bước giữa Sài Gòn lung linh ánh đèn màu, khu phố thân quen không còn rào chắn và nụ cười chào nhau không cần che kín mặt, không còn cách ly, không còn giãn cách, một Sài Gòn lại khỏe mạnh, bình yên.

Mẹ mở mắt và bắt gặp cô y tá với đôi bàn tay nhăn rộp, khô khốc, móp méo khi phải mang găng y tế cả ngày, cặp kính mờ hơi, mồ hôi đọng lại sau tấm chắn... Dẫu mệt mỏi nhưng các thiên thần áo trắng vẫn cư xử với các bệnh nhân thật dễ thương, dịu dàng, từ tâm như mẹ hiền. Nằm thở máy, ăn uống và đi vệ sinh tại chỗ, tất cả đều nhờ vào bàn tay của các bạn điều dưỡng, thanh niên tình nguyện, họ không ngại dơ bẩn, cực nhọc... Hết lòng giúp đỡ, hỗ trợ bệnh nhân, mẹ đã xúc động rơi nước mắt trước việc làm của các bạn ấy.

Chai nước truyền dịch chậm chậm rơi từng giọt, cứ ngỡ tàn hơi nhưng nhờ sự tiếp sức của những thiên thần áo trắng mà mẹ tôi đã vượt qua ranh giới tử thần trong gang tấc. Trước ngày xuất viện, mẹ chứng kiến cảnh nữ bác sĩ nơi tâm dịch nhận tin dữ từ gia đình: Mẹ mất. Đôi vai luôn vững chãi gồng gánh, yêu

gương mặt. Dù mật độ công việc căng thẳng, liên tục và thường trực, mệnh lệnh của trái tim vẫn luôn vượt lên sự vất vả thể xác và căng thẳng tinh thần. Hy sinh này không thể nào đo đếm, ngôn ngữ trong tôi dường như cũng bất lực chẳng diễn đạt hết được. Tôi từng chứng kiến niềm vui vỡ òa của đội ngũ y tế



thương bệnh nhân run lên bần bật, mẹ biết cô ấy tâm trí rối bời, day dứt vì đã không thể bên mẹ chăm sóc những ngày cuối đời, phút sanh ly tử biệt cũng không có mặt để chịu tang. Tiếng còi xe cứu thương xé nát màn đêm, nén nghẹn ngào, gượng mạnh mẽ, cô ấy gác lại niềm riêng, tập trung tinh thần cùng ê-kíp lao vào cuộc chiến chống dịch đầy cam go. Nghĩ đến đây, nước mắt mẹ tôi ướt đầm chiếc gối tự khi nào.

Sau một ngày tất bật với công việc, người mẹ khoác chiếc blouse trắng nhớ nhà, nhớ con thơ, mắt cứ đỏ hoe nhìn vào màn hình điện thoại, những vết khâu trang hằn dọc ngang trên

khi cả khu phố có kết quả xét nghiệm âm tính, được treo băng “vùng xanh” sau bao ngày đồn sức truy vết.

Mỗi người chúng ta hãy thấu hiểu và hợp tác để cùng vững vàng tiếp bước trong cuộc chiến đầy cam go này. Lấy đoàn kết làm vũ khí chống dịch, nhân đôi chân tình lúc hoạn nạn để người bệnh âm tính xuất viện trở về cùng gia đình trong hạnh phúc, để vùng xanh lan tỏa nhanh rộng hơn. Tôi đang xúc động, tự hào, ngưỡng mộ và biết ơn đội ngũ y tế khi viết chút tâm tình này, mong mọi người luôn khỏe mạnh, bình an, cùng niềm tin đất nước ta rồi sẽ vượt qua đại dịch COVID-19.

A vibrant yellow flower with a green stem and leaves grows from a bed of multi-colored pebbles. The background is a bright blue sky with white clouds, rendered in a soft bokeh effect. The text is overlaid on the right side of the image.

PHẬT GIÁO
VĂN HÓA
& ĐỜI SỐNG

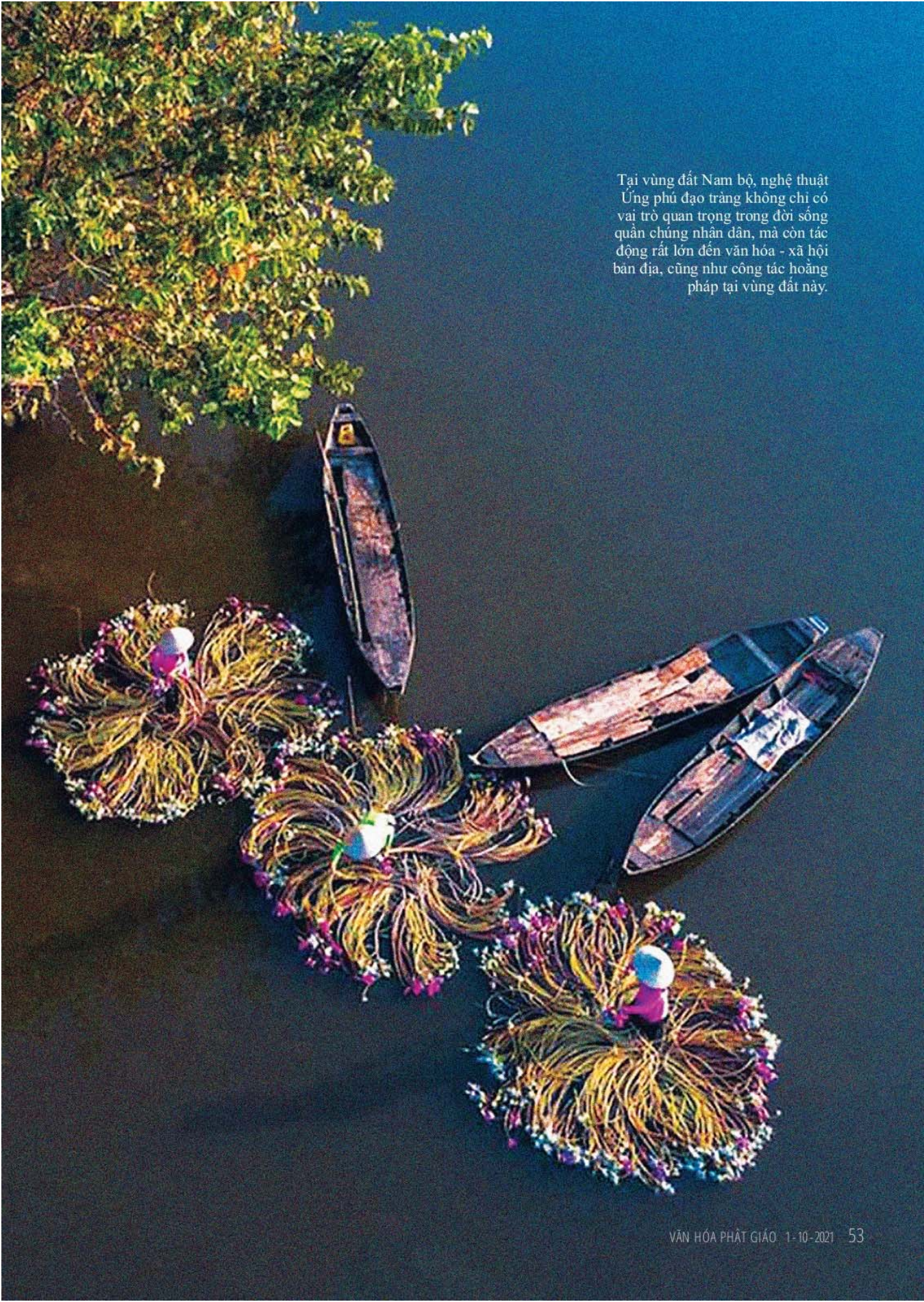
NGHỆ THUẬT ỨNG PHÚ ĐẠO TRÀNG Ở NAM BỘ

ĐD. Thích Huệ Nghiêm*



Nghi lễ là một bộ phận quan trọng của Phật giáo, không chỉ là phương tiện hoằng pháp hữu dụng, mà còn đóng góp thiết thực vào sự nghiệp bảo vệ đạo pháp, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa Phật giáo, bản sắc dân tộc. Do tính đặc thù, đa dạng của bản sắc văn hóa Việt Nam, nghi lễ Phật giáo cũng hình thành nên những đặc thù riêng biệt gắn liền với văn hóa, phong tục, tập quán của con người mỗi vùng miền.

Đặc biệt, khi nhắc đến Phật giáo ở Nam bộ đồng nghĩa với việc nhắc đến một nét nghệ thuật nghi lễ âm nhạc độc đáo đó là khoa “Ứng phú đạo tràng” đã đồng hành, gắn bó sát son với đời sống tín ngưỡng tâm linh dân gian. Trong quá trình kế thừa và phát triển, có thể khẳng định rằng nghệ thuật Ứng phú đạo tràng đã và đang là phương tiện độ sanh tích cực trong việc truyền bá giáo lý Phật Đà, cũng như giữ vai trò quan trọng trong đời sống thường nhật của người dân tại vùng đất Nam bộ, góp phần tạo nên nét phong phú, tô điểm cho bức tranh văn hóa, nghi lễ Phật giáo Việt Nam thêm phong phú và sinh động.



Tại vùng đất Nam bộ, nghệ thuật
Ứng phú đạo tràng không chỉ có
vai trò quan trọng trong đời sống
quần chúng nhân dân, mà còn tác
động rất lớn đến văn hóa - xã hội
bản địa, cũng như công tác hoàng
pháp tại vùng đất này.

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM NGHỆ THUẬT ỨNG PHÚ ĐẠO TRÀNG

Theo nghiên cứu và nhận định của Hòa thượng Thích Đồng Bôn [1], danh từ “Ứng phú đạo tràng” có khởi nguồn từ Trung Hoa, thời Minh (1368-1644).

Năm 1368, sau khi nhà Nguyên sụp đổ, Chu Nguyên Chương thành lập nên nhà Minh. Trong quá trình xây dựng đất nước, ông nhận thấy các nhà sư Phật giáo trong xã hội lúc bấy giờ chủ yếu thuộc ba tông phái lớn: Thiền tông, Tịnh độ tông và Mật tông. Đối với Mật tông, do các nhà sư Đạt-lai Lạt-ma từng gắn bó với nhà Nguyên nên không còn phù hợp với nền thống trị hiện hữu; các sư Thiền tông do ngài Đức Sơn đảm trách có quan điểm thích ngao du sơn thủy, cũng như các nhà sư Tịnh độ tông luôn cầu về cảnh giới Cực Lạc không chịu sự quản lý và chi phối bởi triều đình. Do đó, chỉ có những nhà sư gắn bó và đáp ứng được những nhu cầu tín ngưỡng trong quần chúng dân gian, đồng thời, chịu sự quản lý của triều đình mới đáng tin cậy và khế hợp. Vì thế, Chu Thái Tổ thành lập nên một tổ chức Phật giáo gọi là “Giáo tông” chuyên về việc cúng bái, thực hành các sinh hoạt về nghi lễ, Ứng phú đạo tràng nhằm giải quyết các nhu cầu tín ngưỡng tâm linh, chống mê tín dị đoan và các hủ tục lạc hậu đang hiện hữu. Đồng thời, tổ chức Phật giáo này có sự liên kết mật thiết và chịu sự quản lý về hành chính của triều đình nhà Minh [2]. Sau này, dân gian thường dùng từ “Ứng phú đạo tràng” hơn là “Giáo tông” để chỉ cho các nhà sư của tông phái Phật giáo này.

Đến khi nhà Thanh thay thế nhà Minh ở Trung Quốc, do xáo trộn chính trị khiến các vị Tăng sĩ theo giáo phái này cùng đoàn người Minh Hương phải lưu vong đến vùng đất Nam bộ nước ta. Tại đây, nghệ thuật Ứng phú đạo tràng cũng như nghi lễ Phật giáo từng bước được hoằng truyền và phát triển.

Đề cập đến khái niệm “Ứng phú đạo tràng” ở nước ta, trong “*Thiền sư Việt Nam*”, mục “*Tăng Cang Tiên Giác - Hải Tịnh*”, Hòa thượng Thích Thanh Từ có giải thích từ “Ứng phú” như sau: “*Ứng phú là dùng âm nhạc cổ truyền của đạo Phật và dân tộc vào các buổi lễ tại chùa hay các lễ cầu an, cầu siêu, tang lễ... ở nhà các tín đồ*”.

Về Hán ngữ, nguyên “Ứng phú đạo tràng” có nghĩa: “Ứng” (應) là đáp lời mời; “Phó” (赴) [3] là đi đến, quang lâm; “Đạo tràng” (道場) là nơi hành đạo,



HT. Thích Thiện Đức – bậc Thầy nghệ thuật Ứng phú đạo tràng Nam bộ. (Ảnh: sưu tầm)

thuyết pháp, truyền giới, những nơi thực hiện các Phật sự đều gọi chung là đạo tràng”. Như vậy, có thể định nghĩa “Ứng phú đạo tràng” là “*lời thỉnh mời chư Tăng đến nhà tín đồ, Phật tử để thực hiện các nghi lễ về Phật giáo*”; mà danh từ bình dân thường được gọi là “đi làm đám”.

Ứng phú đạo tràng không chỉ giới hạn trong khuôn khổ của Phật giáo, mà đây còn là một loại hình nghệ thuật. Bởi lẽ, chúng ta biết rằng: “*Nghệ thuật là sự sáng tạo, là các lĩnh vực hoạt động để tạo ra các sản phẩm mang lại những giá trị to lớn về tinh thần, tư tưởng và mang tính thẩm mỹ, chứa đựng những giá trị văn hóa, đạo đức và làm rung động cảm xúc, tư tưởng tình cảm của khán giả. Trong mỗi loại hình nghệ thuật lại có những quy định và ý nghĩa khác nhau, nhưng đều có chung quan điểm để con người chiêm nghiệm, thưởng thức qua các giác quan, từ đó ngưỡng mộ bởi trình độ, tài năng, kỹ xảo cao vượt lên trên mức thông thường phổ biến, thậm chí siêu việt*”. Do vậy, Ứng phú đạo tràng được xem là một loại hình nghệ thuật khi hoạt động này hội đủ và dung hòa được các yếu tố: *Giá trị tinh thần; giá trị thẩm mỹ và bản sắc văn hóa*.

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NGHỆ THUẬT ỨNG PHÚ ĐẠO TRÀNG Ở NAM BỘ

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm. Theo *Đại Việt Sử ký Toàn thư*: Từ cuối thế kỷ thứ I, một số Thiền sư Ấn Độ đã theo những thuyền



Khi nhắc đến Phật giáo ở Nam bộ đồng nghĩa với việc nói đến một nét nghệ thuật nghi lễ âm nhạc độc đáo đó là khoa “Ứng phú đạo tràng” đã đồng hành, gắn bó sát son với đời sống tín ngưỡng tâm linh dân gian. (Ảnh: phatgiao.org.vn)

buôn để đến Giao Châu, tiếp đến các vị Cao Tăng từ Trung Quốc cũng sang đất Giao Châu để truyền đạo..., như ngài Khương Tăng Hội (ở Giao Châu), ngài Trúc Pháp Lan, Chi Khiêm, Cưu Ma La Thập (ở Lạc Dương). Các Ngài dạy dân bản xứ, thấp nhang, lễ Phật, cúng bái, dạy đọc các Kệ tụng, theo Kệ Khúc (gọi là Phạm bá [4]). Từ đó, chư Tổ sư cùng dân bản xứ cảm nhận được những điệu khúc và hoá thành tín ngưỡng tâm linh quan trọng của người dân. Đạo Phật từ đây đã bén rễ, ăn sâu vào đời sống sinh hoạt thường nhật của dân gian, cùng với sự phát triển của âm nhạc cổ truyền đã trở thành nghi lễ Phật giáo. Như vậy, đạo Phật Việt Nam từ thời kỳ du nhập đã lấy nghi lễ làm phương tiện để truyền đạo rất hữu hiệu và thiết thực [5].

Tại vùng đất Nam bộ, kể từ khi du nhập, đạo Phật đã có những tiền đề lịch sử - xã hội cho sự phát triển của mình. Những ngôi chùa đầu tiên trên vùng đất mới như: Vạn An, Hộ Quốc, Long Thiền, Đại Giác, Kim Cang, Hội Khánh... ở Đông Nam bộ; Khai Tường, Từ Ân, Giác Lâm ở Gia Định; Tam Bảo ở Hà Tiên... là những ngôi chùa theo các hệ phái Bắc tông và Tông phái Lâm Tế, cùng với sự hoằng hóa truyền đạo của các Thiền sư Trung Hoa đến Nam bộ vào thế kỷ XVII như: “Thiền sư Minh Hoằng - Từ Dung (đời thứ 34 tông Lâm Tế), Bồn Quả - Khoáng Viên (đời thứ 32 tông Lâm Tế), Thiền sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch (đời thứ 33 tông Lâm Tế), Thiền sư Minh Hải - Pháp

Bảo (đời thứ 34 của tông Lâm Tế). Các Thiền sư Việt Nam kế thế truyền thừa vào thế kỷ XVIII, XIX thuộc tông Lâm tế như: Thiền sư Thành Đạo - Kỳ Phương, Thiền sư Thành Nhạc - Ấn Sơn (đời thứ 34 tông Lâm Tế), Thiền sư Thiết Diệu - Liễu Quán (đời thứ 35 tông Lâm Tế), Thiền sư Phật Ý - Linh Nhạc (đời thứ 35 tông Lâm Tế), Tổ tông - Viên Quang (đời thứ 36 tông Lâm Tế), Thiền sư Tiên Thiện - Từ Lâm, Thiền sư Tiên Giác - Hải Tịnh (đời thứ 37 tông Lâm Tế), Thiền sư Minh Giảng - Thiện Đạo (đời thứ 38 tông Lâm tế), Thiền sư Như Hiện - Chí Thành, Thiền sư Như Trí - Khánh Hòa (đời thứ 39, tông Lâm Tế)...từ những ngôi chùa đầu tiên này cùng với sự hoằng hóa của các Thiền sư tông Lâm Tế, Phật giáo được phát triển mạnh mẽ trong đó có nghi lễ Phật giáo và khoa nghi Ứng phú đạo tràng.

Nghệ thuật Ứng phú trong Phật giáo Nam bộ bắt đầu phát triển cực thịnh từ giữa thế kỷ XIX, gắn liền với thời kỳ hành đạo của Tăng Càng Tiên Giác - Hải Tịnh, Ngài được xem là vị Tổ của nghệ thuật Ứng phú đạo tràng tại vùng đất Nam bộ.

NHỮNG GIÁ TRỊ ĐỘC ĐÁO CỦA NGHỆ THUẬT ỨNG PHÚ ĐẠO TRÀNG

Sở dĩ được gọi là nghệ thuật, bởi vì Ứng phú đạo tràng trong Phật giáo cổ truyền Nam bộ là sự kết hợp hài hòa, tinh tế giữa nhiều yếu tố khác nhau, tạo nên những nét đặc trưng riêng biệt, gắn liền với



Ban Nhạc lễ Ứng phú Nam bộ (ảnh do Émilie Gsell người Pháp chụp khoảng vào năm 1875 - 1879)



Vị sám chủ (giữa) và kinh sư Ứng phú Nam bộ (ảnh do Émilie Gsell người Pháp chụp khoảng vào năm 1875 - 1879)

phong tục tập quán của dân gian, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng và tín đồ Phật tử để duy trì, phát triển ở Nam bộ như những đặc trưng về: *Ban Kinh sư, pháp phục, pháp khí, các thể loại điệu thức xướng tụng, các khoa nghi, những đặc trưng trong lễ nhạc Phật giáo Nam bộ,...*

Ban Kinh sư

Ban Kinh sư Ứng phú tại Nam bộ thông thường là những vị được đào tạo rất tinh chuyên, có khả năng vận dụng các pháp khí, cũng như các thể loại tán tụng và đi Đàn theo vị thầy dạy Ứng phú cho mình, trong đó có thể cố định vị trí chức sự hoặc thay đổi nhiệm vụ trong tùy trường hợp, tất cả do sự chỉ dạy và sắp xếp của vị Sám chủ Đàn tràng [6]. Theo thường lệ, Ban Kinh sư có 7, 9 hoặc 13 vị [7], gồm: 02 vị Sám chủ (Nội và Ngoại đàn) [8]; 02 vị tả, hữu Dạ đã phụ tá việc tán tụng hai bên trái, phải vị Sám chủ; 02 vị Thủ Vĩ (01 vị Vĩ thuận, 01 vị Vĩ nghịch); 02 hoặc 04 vị Trung khoan chia đều ở giữa hai bên (phụ tá việc hộ Đàn, tụng Kinh...; 01 vị Tư chung, 01 vị Tư cô).

Pháp phục

Thuở ban đầu, pháp phục Kinh sư rất đơn sơ, khi chưa có thuốc nhuộm hóa học, muốn nhuộm màu cho áo hậu, chư Tăng thường dùng lá bàng, vỏ cây dẻ, cây cóc, lá và, vỏ sù vệt hoặc trái dưa nưa..., cho nên áo hậu của chư Tăng thuở đó hay có màu trắng, vàng ngà và màu xanh. Khi có vải nhập cảng, thì dùng vải ú, lụa satin, phi, vì tính tiện dụng, phù

hợp với khí hậu Nam bộ. Sau này, vải gấm được sử dụng rộng rãi, có xuất phát từ đời nhà Tống (Trung Quốc), khi du nhập vào Việt Nam được thịnh hành ở miền Bắc. Đến cuối thế kỷ XVII, hát bội đã phát triển đến một mức đáng kể ở Nam bộ, cho nên khoa Ứng phú đã tiếp biến và có điều kiện để áp dụng với trang phục áo hậu màu xanh ngọc thạch; cổ và tay áo viền màu; nền vải thường có hình lá cây, Rồng nhí, chữ Thọ... để phục vụ các lễ nghi cúng cầu an và cầu siêu tại vùng đất này.

Đối với vị thầy Cả, áo hậu có màu vàng, xanh dương hoặc áo bá nạp tùy vào từng khoa giáo; y được sử dụng là hồng y. Về hồng y, tại Nam bộ, "*hồng y được may bằng vải thường màu đỏ hoặc gấm hoa văn chữ Thọ cách điệu, đệm thêm vào đó hoa lá xen lẫn mây, màu đỏ tươi có 25 điều, mỗi điều là tiêu biểu cho ruộng phước điền, nhưng có khác là hậu, vì chiếc hậu miền Nam là hậu bá nạp màu trắng và đen, đan xen với nhau thành từng mảng, mỗi mảng vải được ghép lại với nhau từ nhiều hình chữ nhật*" [9]. Thêm vào đó, khi cử hành các lễ Nhập tịch, Khai kinh, cúng Phật, cúng Ngộ, thầy Cả Văn trong đàn Trình thì vị Sám chủ đầu đội mào Hiệp Chương; thầy Cả đàn Chân tế đội mào Tỳ Lô (mào trái bí đặc thù của miền Nam) có thêm Ngũ quang Phật; ngoài ra, trong lễ Nhập tịch hay thầy Cả Võ trong đàn Trình cũng có thể đội mào Tỳ Lô; chân đi hia hoặc giày. Đối với vị Pháp sư đăng tòa thuyết pháp, mặc hậu vàng, đắp hồng y, đầu đội mào Hiệp Chương, chân đi giày.



Đám Trai đàn Chấn tế tại Sài Gòn năm 1955



HT. Huệ Thành, Tăng thống GHPG Cổ truyền Việt Nam, đáp y hồng Hiệp chương Chứng minh Đại hội Phật giáo Cổ truyền.

Các vị trong Ban Kinh sư không đội mũ, mặc áo hậu vàng, đắp y, chân đi giày. Ngày nay, Kinh sư thường có đồng phục quy định theo từng Ban để có sự thống nhất và trang nghiêm đạo tràng khi hành lễ.

Pháp khí

Pháp khí của Ban Kinh sư gồm có: Thủ lư, Thủ xích, đầu [10], khăn ấn, Tích trượng, gậy Như ý [11], Linh xư, gương, bút đề phan, chuông, mõ, khánh, chập chồa, tiểu chung, bản, Đại hồng chung, đại cổ,... Đặc biệt, trong Khoa giáo Cổ truyền Nam bộ phải có tum và đầu, nếu không thì khoa nghi đó đã cải cách không còn bản chất cổ truyền nữa.

Các thể loại, điệu thức xướng tụng

Các điệu thức xướng tụng trong khoa nghi Ứng phú rất đa dạng, phong phú với những khúc chiết gồm có như: Bạch, nói, thỉnh, nguyện, tụng, tán, dẫn, tán mắc [12], điệu Tầu mã, điệu Tứ cú, điệu tán dẫn, điệu tán trạo, điệu Khách tử, ...

Theo đó, Tán là điệu thức phổ biến và quan trọng nhất trong nghệ thuật của khoa nghi này. Tán có nghĩa khác là tán thán, xưng tán, ngợi khen những công hạnh của chư Phật và Bồ tát, khi tán phải theo nhịp đầu, nhịp tum và hòa cùng nhạc lễ, với quy cách: *4 nhịp sẽ thành một lớp đầu; 8 nhịp sẽ thành một lớp đàn của nhạc lễ; cho nên số lớp trong mỗi bài tán, điệu tán đều rơi vào con số chẵn như 6, 8, 10 lớp, ...* Ví dụ: Câu 1 trong điệu tán Tứ cú sẽ có 24 nhịp tương đương với 6 lớp đầu, thì tất nhiên sẽ là 3

lớp đàn, cả bài 4 câu như vậy sẽ là 24 lớp đầu bằng 12 lớp đàn,... Ngoài ra, hiện nay nếu chỉ tính riêng loại hình “Tán” sẽ có trên 20 thể điệu, cách thức khác nhau như: Điệu Tứ cú, tán dẫn, tán rơi, tán Thiên, tán Tầu mã, tán sóc, tán chúc Thánh, ... trình độ cao hơn là “Tán mắc”. Các điệu tán Ứng phú thường đưa hơi ngân nga, luyện lấy bằng câu “í...a...” thay vì “ừ...ừ...” như hát bội hoặc “hò...hơ...” như hò.

Nói đến việc tán tụng, trong một buổi nói chuyện về âm nhạc Phật giáo, GS.TS. Trần Văn Khê đã khẳng định: *“Tán tụng Phật giáo không phải là tán tụng để chơi, mà mỗi câu, mỗi bài đều mang ý nghĩa nhiệm mầu, gắn liền với những giáo lý, chuyển tải hình tượng Phật giáo. Khi tán tụng, phải để hết tâm tư cảm nhận và hiểu hết lời kinh tiếng kệ, nhằm loại bỏ tham, sân, si đạt trạng thái tâm thanh thản, Thiền định”* và đây cũng chính là dụng ý của chư Tổ sư khoa nghi này.

Ngoài ra, với nghi lễ Phật giáo Cổ truyền Nam bộ không thể thiếu những bộ điệu, bộ Kim Cang, Thất Tinh và Học trò lễ trong Đàn Trình Thập (Lục) cúng - loại hình nghi thức đặc trưng của các vị Sư Ứng phú Nam bộ, đó là các bước đi khoan thai, tự tại kết hợp với những nghi thức mang ngôn phong súc tích và biểu đạt với sự học tập điều luyện cụ thể cũng là một nghệ thuật không phải ai cũng thực hiện được mà tất cả đều được học và tập luyện rất công phu. Những bộ này đòi hỏi thể hiện sự trang nghiêm, nhưng cũng không thiếu sự linh hoạt, uyển chuyển, chính những



HT. Thích Giác Điền Khai kinh, bạch Phật



HT. Thích Huệ Thông cùng các già thực

yêu cầu này đã thể hiện phần nào quá trình rèn luyện thân và tâm của những vị sư Ứng phú.

Lễ nhạc

Trong nghệ thuật Ứng phú đạo tràng tại Nam bộ, ngoài các pháp khí của Ban Kinh sư thì Ban Nhạc lễ Ứng phú còn giữ vai trò rất quan trọng góp phần tạo nên sự trang nghiêm và thành tựu trong khóa lễ. Lễ nhạc Nam bộ là âm nhạc được sinh ra do nhu cầu phục vụ tín ngưỡng, lễ thức và đời sống tinh thần của người di dân, là vốn văn hóa dân gian của những lưu dân người Việt vào khai khẩn đất Nam bộ trong giai đoạn đầu, nhạc lễ Nam bộ được tiếp biến từ Nhã nhạc Cung đình Huế, thông qua những người làm Nhạc sư triều Nguyễn, đồng thời là hệ quả của sự giao lưu, thụ ứng và tiếp biến âm nhạc của cộng đồng các dân tộc cùng chung sống.

Trong Phật giáo, lễ nhạc là một trong sáu món cúng dường (Lục cúng: Hương, hoa, đăng, trà, quả, nhạc). Ban Nhạc lễ thường sử dụng các nhạc cụ như: Đàn cò, đàn gáo, đàn sến, đàn kim, đàn tranh, đàn bầu, ghi-ta thùng phím lồm (sau này có guitar điện), kèn lá, kèn tiêu cùng trống đạo và xáng bạc với ngũ cung: *Hồ, xự, xang, xê, cồng*, phối hợp theo từng khoa, từng nghi thức mà có sự quy chuẩn nhất định theo 20 bài Tổ của nhạc lễ Cổ truyền [13]. Những tiết tấu thể hiện sự trang nghiêm, uy nghi, đồng đặc sẽ sử dụng bài Hạ, Hời xuân, Tham lễ,...; những tiết tấu thể hiện sự tang thương, ai oán sẽ sử dụng bài Xuân Nử (thành phố), Nam Ai...; những tiết tấu thể hiện tính

thoát tục, như về phía vô định sẽ sử dụng bài Nam đảo (năm lớp cổ truyền), Nam xuân - bùa...; những tiết tấu hồi hả, khẩn trương sẽ sử dụng bài Bình Bán Vắn, Lưu Thủy Đoàn... Ngoài ra, còn theo các lớp, điệu tán khác nhau, đòi hỏi nhạc công phải tìm đến học với các vị Ứng phú Sư. Tại Nam bộ đã đào tạo các vị Nhạc sư nổi tiếng trong lĩnh vực nhạc lễ như: Nhạc sư Tư Bộ (Thủ Dầu Một), Mười Liễu (đòn cò), Tư Khía (Kèn), Nhạc sư Hai Mến (quận 4), Nhạc sĩ Ba Vị, Nhạc sĩ Cổ truyền Lê Hoàng, Nhạc sĩ Phú Quý (TP HCM), Nhạc Hùng (Kiên Giang), sư Bửu Vô, (Vĩnh Long), Hữu Phước (Bắc Bình Minh, Cần Thơ), Tư Khôi (Vĩnh Phú)...

Đặc biệt, quý thầy Kinh sư ở Thủ Dầu Một (Bình Dương) thường còn thông thạo khoa Bát Bộ. Đám Trai đàn có riêng chương trình hát tuồng: “Quan Âm giáng thế” do quý thầy Kinh sư đảm nhiệm (quý Hòa thượng như: Thới Đạt, Thới Liên, Thới Thiên là Kinh sư danh tiếng khắp miền Đông và Tây Nam bộ lúc bấy giờ) [14].

Nội dung

Có thể phân biệt thành hai loại là Khoa Giàn và Khoa Đất [15]. Trong đó, Khoa Giàn là nghi thức Trai đàn Chấn tế; Khoa Đất: gồm có 14 khoa: Khoa Nghinh Thần chủ, Khoa Thịnh Thánh, Khoa Phát Chí tâm (Phát lược), Khoa Trí Linh, Khoa Cấp thủy, Khoa Mộc dục, Khoa Tịnh trừ, Khoa Trừ Thân (Trừ Phục), Khoa Trình Thập cúng (Lục cúng), Khoa Phát tấu, Khoa Mông chuông, Khoa Dương Phan, Khoa Thập



hiện nghi thức Tiên sư, huý kỵ lần thứ 15 Hòa thượng thượng Thiện hạ Từ tại chùa Minh Đạo năm 2021.

Điện, Khoa Dược Sư. Ngoài ra, trong các khoa này còn có các tiểu mục gọi là “Phần” như: Phần sái, Phần chỉ, và các “Nghì” như: Nghì Đề Triệu, Đề Phan, nghi Hưng tác (thỉnh Thần hoàng Bốn cảnh), nghi thượng phan, nghi tiền linh, nghi xá hạt, xá mã...

Bên cạnh những nghi lễ truyền thống của Phật giáo, tại Nam bộ thực hiện theo những nghi thức Ứng phú như: Tết Nguyên Đán, Lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan, Lễ Tam Ngươn (Rằm tháng Giêng - Thượng ngươn Thiên quan Giáng phước, Rằm tháng Bảy - Trung ngươn Địa quan Xá tội, Rằm tháng Mười - Hạ ngươn Thủy quan Giải ách), Lễ Tống chư Thiên (đưa chư Thiên vào khuya ngày 23 hoặc 25 tháng Chạp), Lễ Nghinh Thiên (rước chư Thiên, vào đêm 30 tháng Chạp), tổng Tăng... tất cả được thực hiện tại Già Lam, những khoa giáo này còn thực hiện tại tư gia của tín đồ Phật tử.

Khoa nghi Ứng phú này gồm các pháp sự khoa nghi được thực hành ở các cuộc lễ theo yêu cầu tín ngưỡng của công chúng, nhằm khế hợp với cơ duyên của thể nhân, ngõ hầu hoằng hóa chúng sinh theo chủ trương “dĩ huyền độ chơn”, tức vận dụng các hình thức, phương tiện diễn xướng nghi lễ nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng và truyền bá đạo pháp.

Các khoa nghi Ứng phú có nhiều nguồn gốc khác nhau, có nhiều nghi thức bắt nguồn từ Phật giáo, nhưng cũng có một số nghi lễ tuy trên danh nghĩa là

của Phật giáo nhưng bị ảnh hưởng hoặc mượn hình thức của Nho giáo, Đạo giáo và những tín ngưỡng từ dân gian, văn hóa bản địa theo tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên”. Hiện nay, có rất nhiều nghi thức khác nhau thuộc lĩnh vực chúc thọ, cầu an, cầu siêu, tang ma, nương tinh, giải hạn, Tam nguyên, Tứ quý. Đặc biệt, các khoa nghi sử dụng nhiều Thần chú, ấn quyết theo Mật tông Phật giáo kết hợp với âm điệu diễn xướng, pháp khí, cùng hình thức bày biện Đàn lễ và nghi lễ trang nghiêm khiến cho không khí buổi lễ trở nên huyền bí, hiếm kỳ, dễ dàng thâm nhập và phổ biến đến mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội. Chính vì vậy mà Khoa nghi Ứng phú đã là một trong những phương tiện hoằng pháp thiện xảo mà chư Tổ đã thực hiện và lưu truyền đến ngày nay.

Ý NGHĨA CỦA NGHỆ THUẬT ỨNG PHÚ ĐẠO TRÀNG

Ứng phú đạo tràng biểu hiện lòng tôn kính Tam bảo

Không chỉ riêng đối với nghệ thuật Ứng phú đạo tràng tại Nam bộ, mà với nghi lễ Phật giáo nói chung, đây là một phương thức bày tỏ niềm tin, lòng thành kính đối với Đức Phật, chánh pháp và chúng Tăng, người Phật tử đánh lễ cúng dường, ca ngợi Tam bảo, khiến niềm tin thêm vững chắc sẽ tạo nên sự chuyển hóa tốt đẹp trong tâm hồn của họ. Trong nghĩa rộng hơn của nghi lễ thì ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh đều là nghi lễ cả, cũng như nghệ thuật Ứng phú đạo tràng Cổ truyền Nam bộ chính là một phương pháp, phương tiện để thể



HT. Thích Thiện Đức chùa Linh Tiên, (vị Tổ Ứng phú đạo tràng tại Nam bộ) dâng hương tại Chùa Phước Tường, TP Thuận An



hiện sự trang nghiêm, oai nghi của chư Tăng, qua đó truyền tải những hình ảnh cao đẹp, trang nghiêm của Tăng đoàn và bày tỏ lòng kính tin Tam bảo của tín đồ Phật tử. Do vậy, để có thể thực hành các Khóa lễ Ứng phú, chư Tăng cần phải trải qua một quá trình học tập, rèn luyện, nâng cao được giới hạnh, cũng như khổ luyện về thân và tâm.

Ứng phú đạo tràng nghệ thuật hóa triết học Phật giáo

Nền triết học của đạo Phật rất cao siêu, nên đối với quần chúng trong xã hội rất khó thâm nhập. Đặc biệt, với đặc thù của vùng đất Nam bộ, dân cư sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp, đời sống đơn thuần, tính tình con người chất phác, giản dị, do đó thông qua nghệ thuật Ứng phú đạo tràng, giáo lý cao siêu của Phật giáo được truyền tải và cảm nhận bằng tình cảm của chư Tăng đối với gia đình Phật tử, bằng lòng mến đạo, bằng các hình thức sinh hoạt nghệ thuật dân gian sẽ thuận tiện và dễ dàng hơn với những bài tán, kệ tụng mang ý nghĩa thâm thúy, nội hàm nhân quả, giải thoát, dung chứa nhiều tư tưởng triết lý Phật giáo sẽ dễ dàng ăn sâu và đi vào lòng người hơn là những bài giảng khô khan như nhận định của Thiền sư Tiên Giác - Hải Tịnh.

Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh, nghi lễ nói chung và nghệ thuật Ứng phú chính là những pháp phương tiện của Phật giáo, một khi đã được xác quyết là pháp phương tiện thì chúng không phải là cứu cánh. Cũng vậy, vị thầy thực hành Ứng phú cần có những giới hạn nhất định và nên có thái độ vô chấp đối với nghi

lễ. Nhất là phải tạo cho nghi lễ có những ý nghĩa giải thoát mọi sự ràng buộc, khổ đau. Từ triết lý Phật giáo hóa thành nghệ thuật và từ nghệ thuật Ứng phú đạo tràng chuyển chở thành triết lý Phật giáo.

Diễn hình như văn thỉnh Bồ tát Địa Tạng: “*Địa ngục vị không thệ bất thành Phật, chúng sanh độ tận phương chứng Bồ đề*”, mới nghe qua chúng ta chỉ hình dung đây là câu phát nguyện của ngài Địa Tạng, thế nhưng ý nghĩa lại rất thâm thúy: “Địa Ngục, chúng sanh” chỉ cho sự đau khổ, vô minh, phiền não, tham sân si...; “Phật, Bồ đề” là sự giác ngộ, giải thoát, Niết bàn. Khi nào địa ngục không còn, nghĩa là mọi khổ đau phiền não do tham, sân, si của chúng sanh không còn phát khởi, thì ngay lúc đó sự giác ngộ, giải thoát và trí tuệ liền xuất hiện. Đó mới thực là ý nghĩa thâm thúy và vai trò chân thật của nghệ thuật Ứng phú trong Phật giáo.

Ứng phú đạo tràng là một pháp môn tu tập

Nghi lễ là phương tiện khơi gợi lên sự rung cảm nơi tâm thức con người, nên khi thực hành nghi lễ chính là một con đường đưa đến giải thoát mọi nỗi khổ niềm đau. Con đường đó là bằng tư duy để ngộ nhập chân lý, nghi lễ tác động trực tiếp đến năng lực tinh thần, từ đó tạo dựng lòng tin Tam bảo, giúp con người vượt lên những khổ ải, bi lụy.

Trong các phương tiện dẫn dắt người dân vào đạo, nghi lễ là một phương tiện phổ biến, diệu dụng. Thực tế cho thấy, có nhiều người không bao giờ đi chùa, nhưng khi gia đình có hỷ sự như: cha, mẹ,

ông, bà, thân quyến qua đời, liền thỉnh quý thầy đến giúp trong lễ tang, từ đó họ phát tín tâm đi chùa, quy y Tam bảo. Trước những áp lực từ cuộc sống, nhu cầu về tinh thần của con người trong xã hội là rất lớn. Đối diện với những bế tắc chưa được giải quyết, con người thường lựa chọn việc cầu nguyện như một phương pháp tốt nhất khi những bất an xảy đến cho họ mà không thể hoặc chưa giải quyết được bằng các phương diện khác.

Ứng phú Đạo tràng làm trang nghiêm thân và tâm

Trang nghiêm là cốt lõi của nghi lễ Phật giáo. Với Ứng phú đạo tràng là sự dung hòa của nghi lễ và nhạc lễ, trong đó “Nghiêm” là cốt lõi của nghi lễ, “Hòa” là cốt lõi của nhạc lễ [16]. Để hành sự Ứng phú được nghiêm thì “lễ” phải có “nghi” và Ban Nhạc lễ được hòa thì “nhạc” phải có “điệu”. Đây là nguyên tắc cơ bản mà buộc những vị Tăng sĩ hành sự phải kinh qua quá trình tu tập, rèn luyện bản tâm, cũng như thành thực trong việc thực hành nghi lễ, khoa giáo. “Nghi nghiêm - nhạc hòa” là hai yếu tố cơ bản định danh nên pháp môn “Nghi lễ Thiền gia”. Vì vậy, “nghi nghiêm” và “nhạc hòa” hay đề “danh” song hành với “thực” nên mới có câu: “*Lễ nhạc hòa minh - Thánh Hiền vân tập*”.

Từ những yêu cầu mang tính chuẩn mực ấy, nghi lễ trong Phật giáo nói chung đòi hỏi người hành tri nghi lễ, đối tượng nghi lễ và nội dung nghi lễ phải có một số phẩm chất nhất định:

Đối với người hành lễ

Cần hội đủ những phẩm chất sau: Có Thanh văn tướng trang nghiêm (tức âm thanh sắc tướng) có chiều sâu nhất định (Về mặt tu tập tâm linh, từ 10 hạ lập trở lên), có sự thuần thực về nghi lễ (phải thông thạo và thấu đạt nghĩa lý của các bản văn khoa nghi tán tụng nội - ngoại khoa, Hán văn) [17].

Về đối tượng nghi lễ

Ở đây chính là những đối tượng mà nghi lễ phục vụ, hay nói một cách khác hơn là những người có nhu cầu về tín ngưỡng tâm linh, phải có “Thành”, có “Tín” và có “Lễ”, có sự thành tâm, tin tưởng thì nghi lễ mới thật sự có ý nghĩa, có giá trị và phát sinh hiệu dụng.

Về nội dung nghi lễ

Khi tiến hành một cuộc lễ, người chủ lễ cùng những người tham dự lễ phải giữ cho thân, khẩu, ý đều thanh

tịnh, chuyên chú vào nội dung cuộc lễ, được như vậy thì tâm của mọi người đều được trang nghiêm. Đạo tràng pháp sự phải trang nghiêm, tương tự như ba yếu tố cốt tủy trong các Đại Giới đàn của Phật giáo: “*Giới từ phát tâm đồng mãnh, Giới sư thanh tịnh, Giới tràng trang nghiêm*” - “*Tín chủ thành tâm, Tăng chúng thanh tịnh, Đàn tràng trang nghiêm*”. Nếu một Khóa lễ Ứng phú không đảm bảo được ba đặc tính căn bản này thì khóa lễ Ứng phú sẽ không mang lại lợi lạc mà còn có những hệ lụy tiêu cực.

NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀ SỰ TRUYỀN THỪA CỦA NGHỆ THUẬT ỨNG PHÚ ĐẠO TRÀNG

Từ những vai trò mà Ứng phú đạo tràng, hay nói rộng ra là nghi lễ Phật giáo mang lại, chúng ta có thể kết luận, nghi lễ hay Ứng phú có vai trò rất lớn và quan trọng đối với Phật giáo Việt Nam.

Trên chặng đường thăng trầm hình thành và phát triển của nghệ thuật Ứng phú đạo tràng ở Nam bộ, lịch sử Phật giáo đã ghi nhận sự cống hiến to lớn của những bậc danh Tăng Thạc đức, tiên hiền thiện nghệ như: Hòa thượng Ấn Nhâm - Từ Lương [18], Từ Phong (chùa Sắc Tứ Thiên Tôn, Thuận An), Hòa thượng Nguyên Chất - Giác Điền (Tây Ninh), Hòa thượng Thiện An (Thầy Mười Chi, Bàu Lớn, Tây Ninh), Hòa thượng Chơn Thịnh - Từ Văn (chùa Hội Khánh, Thủ Dầu Một), Hòa thượng Huệ Thành (chùa Long Thiền, Đồng Nai), Hòa thượng Thới Đạt, Thới Liên, Thới Thiện (Thủ Dầu Một), Hòa thượng Chơn Hữu, sư Thiện Chánh (chùa Phước Lưu, Tây Ninh), Hòa thượng Như Phòng - Mỹ Định (chùa Hội Sơn, Thủ Dầu Một), Hòa thượng Bửu Thanh (chùa Sắc Tứ Thiên Tôn, Thuận An), Hòa thượng Hồng Võ (chùa Từ Quang, Gia Định), Hòa thượng Hồng Nhơn (chùa Từ Hoàn, quận 8, TP HCM), Hòa thượng Thiện An (Sông Bé), Hòa thượng Nhật Thiện (chùa Định Thành, TP HCM), Hòa thượng “Trà Úi” (Cần Thơ), Hòa thượng Thiện Thành (Bạc Liêu), Hòa thượng Thiện Tài, Hòa thượng Nhật Quang (Đồng Tháp) Hòa thượng Hồng Hớn - Thiện Thanh (Thuận An), Hòa thượng Thiện Huệ, (Chùa Phước Quang, Thuận An), Hòa thượng Mỹ Phước (chùa Long Sơn, Thủ Dầu Một), Hòa thượng Huệ Trang (Tu viện Giác Nguyên, Long An), TT. Minh Phát - Nguyên Đức (TP HCM), ... Tại đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh Bạc Liêu, đầu thế kỷ XX nổi bật nhất có Thiền sư Nguyệt Chiếu (1882-1947), người đã có công tập hợp, biên soạn lại các bài nhạc lễ Phật giáo, làm nền tảng cho lễ nhạc

PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

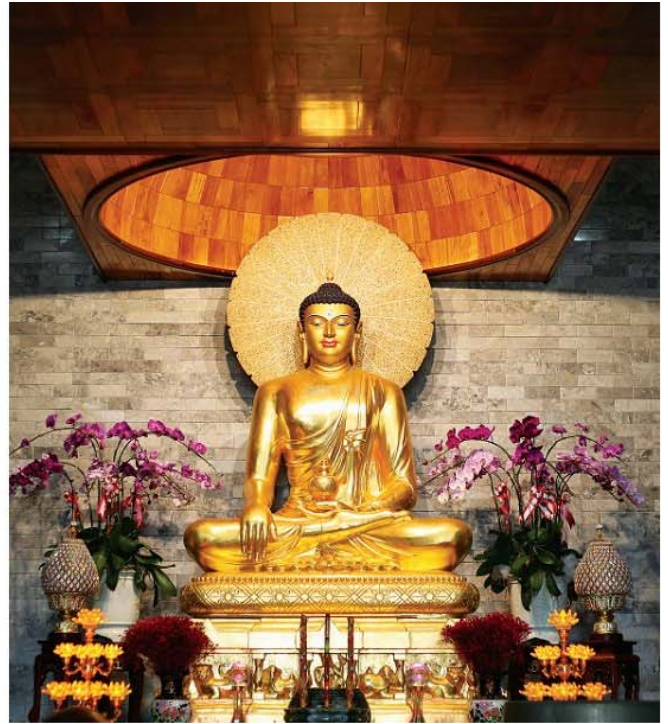
Phật giáo Nam bộ sau một quãng thời gian phong trào Ứng phú bị quên lãng.

Hiện nay, với tinh thần “Tổ Tổ tương truyền, Sư Sư tương kế”, nghệ thuật Ứng phú đạo tràng được truyền thừa và phát triển mạnh mẽ ở Nam bộ. Những Ứng phú Sư danh tiếng như: HT. Hiền Tu (chùa Phật Học Xá Lợi, TP HCM), HT. Thiện Đắc (chùa Linh Tiên, TP HCM), HT. Thiện Tấn (chùa Từ Thoàn, TP HCM), HT. Thiện Tín (An Giang), HT. Huệ Thông (chùa Hội Khánh, Bình Dương), HT. Chơn Minh (Đồng Tháp), HT. Thiện Phát, HT. Thiện Lương; HT. Lệ Trang (chùa Định Thành, TP HCM), HT. Thích Thiện Tài (Long An), TT. Đồng Văn (chùa Viên Giác, TP HCM), TT. Thiện Hỷ, TT. Thiện Lạc (chùa Cửu Thiên, TP HCM), TT. Thiện Luận (Tây Ninh), TT. Thiện Ý (chùa Thiên Phước, Sóc Trăng), TT. Quảng Chơn (TP HCM), TT. Minh Chí (chùa Phước Thạnh, Bình Dương), TT. Phước Cường (Long An), TT. Huệ Trí (TP HCM), TT. Thanh Mẫn (Bến Tre), TT. Phước Quang (chùa Giác Lâm), ĐĐ. Phước Thuận; ĐĐ. Minh Quy (Sóc Trăng)... cũng như một số Tổ đình, tự viện cũng đã và đang duy trì mang tính truyền thừa, thực hành và phát triển cho nghệ thuật Ứng phú [19] như: Tổ đình chùa Long Thiền (Đồng Nai), Tổ đình Chùa Long Thạnh (TP HCM), Tổ đình Giác Lâm, Giác Viên (TP HCM), Tổ đình chùa Hội Khánh (Bình Dương), Tổ đình Phước Lâm (Tây Ninh), Tổ đình Linh Tiên (TP HCM), Tổ đình Từ Thoàn (quận 8, TP HCM), Tổ đình Giác Định (Bình Tân), Tổ đình Vĩnh Tràng (Tiền Giang), Tổ đình Long Thạnh (TP HCM), Tổ đình Giác Nguyên, Kim Cang (Long An) chùa Tứ Phước (quận 11, TP HCM), Tổ đình Phước Long (An Giang),... và nhiều sơn môn, hệ phái khác vẫn còn truyền thừa và phát triển nghệ thuật này.

Tại vùng đất Nam bộ, nghệ thuật Ứng phú đạo tràng không chỉ đóng vai trò quan trọng trong đời sống quần chúng nhân dân, mà còn tác động rất lớn đến văn hóa - xã hội bản địa, cũng như công tác hoằng pháp tại vùng đất này.

Tạm kết

Ứng phú tại Nam bộ là một nghệ thuật văn hóa Phật giáo đặc sắc, tô điểm cho nền đạo đức của xã hội. Do vậy, với quá trình hình thành lâu dài, nghi lễ đã đóng góp một cách thiết thực và hiệu quả trong công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo Việt Nam. Với trách nhiệm của những Tăng sĩ kế thừa, tiếp nối



Trong các phương tiện dẫn dắt người dân vào đạo, nghi lễ là một phương tiện phổ biến, hiệu dụng, thực tế cho thấy rằng có nhiều người không bao giờ đi chùa, nhưng khi gia đình có hỷ sự như cha, mẹ, ông, bà, thân quyến qua đời, liền thỉnh nhờ quý thầy giúp đỡ trong lễ tang, từ đó họ phát tín tâm đi chùa, quy y Tam bảo.

truyền thống cao đẹp của thầy Tổ, phương tiện tùy duyên, đòi hỏi người hành giả thực hành nghi lễ phải quán triệt sâu sắc giáo lý Phật Đà, triệt để không phô trương hình thức bên ngoài mà bỏ quên ý nghĩa thuần túy của chánh pháp, không phù hợp với hình thức bản sắc dân tộc, tránh làm cho người đời xem đó là hình thức mê tín dị đoan, ảnh hưởng đến nét trong sáng, chân nguyên của nghi lễ Phật giáo Việt Nam.

Ứng phú sở hữu công năng hiệu dụng, thể nhưng, không phải ai cũng có thể vận dụng trọn vẹn mặt tích cực của Ứng phú, nên dần dà danh từ “đi đám” đã làm mất đi ý nghĩa ban đầu. Để rồi, khi nhắc tới hai chữ “đi đám” thì người ta liên tưởng tới các hình ảnh của các vị chuyên đi cúng, “thầy tụng” không phải là tu sĩ Phật giáo. Mặt khác, các buổi lễ Ứng phú cũng từ đó mà rơi đi những ý nghĩa thiêng liêng, cao đẹp, trở thành như một “cuộc trao đổi” giữa gia chủ và người “đi đám”. Như điều mà bậc tiền bối, Tổ sư thường nhấn mạnh: “Nghi lễ dù quan trọng vẫn chỉ là phương tiện dẫn dắt chúng sinh vào đạo, chứ không phải là con đường thật sự đạt đến giác ngộ, giải thoát. Đồng thời, cũng đừng vì góc nhìn phiến diện, tự tôn, cố chấp mà chúng ta để đánh mất những giá trị cao quý mà các bậc tiền nhân, kỳ túc, Trưởng lão đã dày công tạo dựng”.

Ghi nhận điều đó, chúng ta càng phải trân trọng, đánh giá cao và không ngừng học hỏi cũng như bảo tồn các giá trị văn hoá, nghệ thuật và tín ngưỡng, không chỉ riêng tại vùng đất Nam bộ, mà còn ở cả mọi miền đất nước! Đặc biệt, cần tránh tư tưởng bài xích, so sánh, áp đặt quan điểm, tư tưởng Phật giáo ở khu vực này, vùng miền này, lên khu vực khác, vùng miền khác! Đảm bảo được điều đó, chính là điều kiện để nghi lễ Phật giáo Việt Nam nói chung và nghệ thuật Ứng phú đạo tràng nói riêng luôn được phát triển bền vững và cao đẹp.

Chú thích:

* Đại đức Thích Huệ Nghiêm - Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bình Dương, học viên Thạc sĩ khóa III, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP HCM.

[1] Nguyên Trưởng khoa Phật giáo Việt Nam - Học viện PGVN tại TP HCM, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam, trụ trì chùa Phật Học Xá Lợi, quận 3, TP HCM

[2] Chế độ khen thưởng, ban sắc tứ chùa công, Cấp môn bài cho Tăng sĩ do triều đình quyết định và vào sổ bộ.

[3] Dân gian Nam bộ quen gọi “Phú”

[4] Phạm là thanh tịnh, Bái là tôn tụng kinh văn

[5] Theo Hòa thượng Thích Huệ Thông

[6] Xưa, trước khi vào đám, vị sám chủ hoặc Thầy công văn (nếu có) sẽ viết một bảng Cung an chức sự trong Đản tràng bằng chữ Hán treo ở phía trước; theo từng khoa giáo, từng nghi thức mà vị Kinh sư khi đọc sẽ biết vị trí của mình ở chỗ nào và làm những gì trong Trai đàn. Tuy nhiên, hiện nay rất ít Ban Kinh sư còn duy trì áp dụng, vì nhiều lý do khách quan, đa phần vì Kinh sư không giỏi chữ Hán, mà thay bằng chữ Quốc ngữ.

[7] Theo HT. Huệ Trang (Tu viện Giác Nguyên): 7 vị thầy gọi là Đản, 9 vị thầy gọi là Trai Đản, 13 vị thầy (3 ngày) gọi là Đại Trai Đản.

[8] Sám chủ Nội: Đảm trách các Khoa giáo; Sám chủ Ngoại: Đảm trách các nghi thức Khai Kinh, Chấn tế, Công văn sớ điệp.

[9] Theo Hòa thượng Thích Thiện Đức, chùa Linh Tiên: Màu trắng để tượng trưng cho ngày (nhật), Màu đen tượng trưng cho đêm (dạ), như vậy phần biểu trưng nói việc đêm ngày được an lành. An lành ở đây chính là an lành trong các pháp đoạn diệt, an trú tinh thức

[10] Tương tự như Tang của miền Trung, nhưng không có cán cầm, chỉ dùng roi bằng tre gai, đặt gọn trong lòng bàn tay, một đầu thuận và một đầu nghịch (gọi là cặp Vĩ)

[11] Khi xưa, chủ yếu sử dụng gậy Như ý cho Kinh sư khi nhiều đàn sái tịnh, chú Phổ Am vào đêm hôm trước của Đản tràng, khi ấy chưa có đèn điện, nên các vị Kinh sư sử dụng Gậy Như ý phía trên có chừa chỗ cắm đèn cây vào để đi nhiều đàn, sái tịnh. Một lập luận khác cho rằng, dùng đèn như vậy thì đặc tính của lửa có công năng tẩy uế trước, làm cho đạo tràng được thanh tịnh và không khí sẽ ấm cúng, linh thiêng hơn.

[12] Những bài tán ít khi sử dụng, có tiết tấu phức tạp (dẫn, roi, mặt vĩ, nhiều lớp và tiết tấu khác nhau...), hơn các bài phổ thông, phải được Thầy Tổ dạy riêng chứ không phổ biến, thường dành

cho các vị Thầy Cả có Tâm Pháp sẽ biết nhiều hơn.

[13] Đây là nguồn gốc, khởi nguyên của nghệ thuật Đờn ca Tài tử Nam bộ

[14] Thích Huệ Thông (2015), *Lịch sử Phật giáo Bình Dương*, Nxb Văn hoá Văn nghệ TP HCM, tr.332.

[15] Khoa Giàn là khoa thuần túy Phật giáo như Trai đàn Chấn tế; khoa Đất gồm 14 khoa đặc thù ở Nam bộ, được tiếp biến từ văn hoá nghệ thuật và ảnh hưởng phù hợp theo dân gian Nam bộ.

[16] Nhạc giả, Thiên - Địa chi hòa già.

[17] Theo HT. Thiện Đức, chùa Linh Tiên: Vị thầy Cả Ứng phú phải đầy đủ 10 tuổi Hạ, hoặc “Con nhà Nòi” sớm nhất là 28 tuổi mới được truyền trao Tâm pháp và ra mắt Cả Giàn.

[18] Bậc Ứng phú sư nổi tiếng khu vực Đông Nam bộ.

[19] Lò đào tạo Ứng phú.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Lang (1973), *Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập I, II, III*, Nxb Lá Bối, Sài Gòn.

2. Thích Đồng Bổn (1995), *Tiểu sử danh Tăng Việt Nam*, Tập 1, Nxb Thành hội Phật giáo TP HCM.

3. Thích Thanh Từ (1999), *Thiền sư Việt Nam*, Nxb TP HCM.

4. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Trị sự, Ban Nghi lễ Trung ương (2013), *Kỷ yếu Hội thảo Nghi lễ Phật giáo Toàn quốc*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

5. Thích Huệ Thông (2015), *Lịch sử Phật giáo Bình Dương*, Nxb Văn hoá văn nghệ TP HCM.

6. Thích Huệ Thông (2019), *Lịch sử Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam*. Nxb Văn hóa Văn nghệ TP HCM.

7. Thích Hoàn Quan (2015), *Nghi lễ và bách sự nhật dụng*, Nxb Đồng Nai.

8. Nguyễn Khắc Thuần (2016), *Đại cương lịch sử cổ Trung Đại Việt Nam*, Nxb. Giáo Dục, TP HCM.

9. Huỳnh Ngọc Trảng (2019), *Gia Định - Sài Gòn hò, hát, lý, vè và diễn xướng lễ hội*, Nxb Văn hoá Văn nghệ.

10. Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong, Tập 1*, Nxb TP HCM.

11. Trần Hồng Liên (2000), *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ VN, từ thế kỷ 17 đến 1975*, Nxb Khoa học xã hội.

12. Trần Hồng Liên (2008), *Chùa Giác Lâm di tích lịch sử văn hóa, Tài bản lần thứ nhất*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

13. Trần Hồng Liên (2019), *Góp phần tìm hiểu Phật giáo Nam bộ*, Nxb Khoa học xã hội.

14. Từ Xuân Lãnh (tái bản 2019), *Phong tục đất phương Nam*, Nxb TP HCM.

15. Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2018), *Nhạc lễ dân gian người Việt ở Nam bộ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

16. Nguyễn Đại Đồng (2018), *Phật giáo Việt Nam từ thời khởi nguyên đến năm 1981*, Nxb Tôn giáo.

17. Trần Văn Khê (1997), *Âm nhạc Phật giáo*, Giác Ngộ số 89.

18. Trần Văn Khê (2001), *Phong cách tôn tụng trong Phật giáo Việt Nam*, Nguyệt san Giác Ngộ số 59.

19. Tài liệu lưu trữ tại Tổ đình chùa Hội Khánh, tỉnh Bình Dương; Tổ đình chùa Long Thiền, Đồng Nai, Tổ đình chùa Giác Lâm, TP HCM, Tổ đình chùa Long Thạnh, TP HCM, chùa Phật Học Xá Lợi, TP HCM.



ĐỜI SỐNG TÂM LINH TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐẢO CÙ LAO CHÀM

ĐINH THỊ TOAN*

Tịnh xá Ngọc Truyền nằm ẩn mình
dưới một dãy núi lớn (Ảnh: sưu tầm)



PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

Nằm tách biệt giữa biển khơi, đảo Cù lao Chàm hiện nay có khoảng hơn 2.000 người sinh sống, tập trung ở bốn điểm: Bãi Ông, Bãi Hương, Thôn Cẩm và Bãi Làng. Từ thế kỉ XVII, những cư dân đầu tiên của đảo đã có mặt tại đây sinh nhai, lập nghiệp, các vị như: Trần Đắc Lộc, Nguyễn Văn Sắc, Nguyễn Văn Lúa, Hồ Văn Thành, Võ Văn Cội, Mai Văn Bài được xem là những tiền hiền có công khai ấp, lập làng.

Với địa thế biệt lập, giao thông đường biển hạn chế, cộng thêm sự khắc nghiệt của thiên nhiên nên đời sống người dân gặp nhiều khó khăn. Người dân chủ yếu dựa vào đánh bắt hải sản, trồng trọt và khai thác gỗ. Sau này có

thêm việc khai thác yến sào, một thương phẩm có giá trị cao, được biệt nạp cho triều đình để miễn sưu thuế. Việc buôn bán bằng ghe thuyền với bên ngoài chỉ diễn ra lẻ tẻ, không đáng kể.

Có lẽ, từ thực tế ấy đã hình thành trong nhân dân tâm lý cầu Thần, khẩn Phật, thờ cúng tâm linh, ngưỡng cầu cuộc sống sớm tối an ổn, bốn mùa no đủ. Với hơn 20 đình, chùa, miếu mạo nằm rải rác ở các bãi, trong đó nhiều nhất có lẽ là ở Bãi Làng, nơi có dân cư sinh sống đông đảo nhất đã cho thấy một đời sống tinh thần phong phú của người dân đảo Cù lao Chàm.

CHÙA PHẬT GIÁO

Trước hết phải kể đến các tự sở, nơi an trú tâm hồn của những cư

dân khổn khó. Chùa Hải Tạng từ năm Cảnh Hưng thứ 19 (1758) đã được dựng nên ở Bãi Làng và hẳn nhiên có lạc tâm của người dân sở tại. Đến lần hư sụp thời Tự Đức năm 1848, ngôi chùa mới được trùng hưng. Văn bia chùa ghi rõ: *Nghĩ có hiền nhân quân tử, thiện nam, tín nữ tôn sùng Phật Đạo, chẳng dám lười biếng, lòng từ hỷ cúng, thiện duyên thêm dày phúc phần. Cổ tự này phục tu, vốn chỉ một làng tạo nền móng cũ, nay trông nhờ vào thập phương mà viên thành, nên chẳng dám bỏ quên danh tính những người phụng cúng vậy.* Trải qua thời gian, hơn 230 cá nhân, đơn vị quyên góp, ngoài chức sắc, lý dịch bốn phường và người dân sở tại được kê khai, còn có các công ty, đoàn thể, các thiện tín nam, nữ





Tịnh xá Ngọc Hương (Ảnh: sưu tầm)

ở đất liền. Như lẽ thường, chùa vì người mà được dựng, người vì chùa mà thêm phần tín tâm. Trải qua biến thiên, chùa Hải Tạng ngày nay có diện mạo khang trang nhưng không kém phần cổ kính. Ngoài Chánh điện và nhà Tổ là những công trình chính, tôn trí tượng Phật, Bồ tát, các vị Sư tổ, phối thờ Quan Công, Quan Bình, Châu Thương, Hộ Pháp, chùa dựng thêm: Tăng xá, nhà khách, phương đình, nhà bếp, khu vệ sinh. Dấu ấn của năm, tháng vẫn còn lưu lại ở kiến trúc và các di vật như: Đại hồng chung, văn bia, tượng thờ, bài vị, hoành phi, liễn đối. Giữa sự phong phú của các công trình tâm linh, chùa vẫn là điểm đến thường xuyên của người dân trên đảo và du khách thập phương.

Ngoài chùa Hải Tạng, trên đảo còn có hai tịnh xá Ngọc Truyền và Ngọc Hương. Tịnh xá Ngọc

Hương được dựng vào năm 1970 bởi chư Tăng hệ phái Khất sĩ, Tịnh xá Ngọc Truyền cũng được dựng trong năm này bởi Đại đức Thích Giác Công [1]. Theo truyền thống, bàn thờ chính chỉ thờ Đức Phật Thích Ca mà không phối thờ thêm bất cứ vị Phật hay Bồ tát nào, nhưng ở tịnh xá Ngọc Hương có tôn trí thêm bộ ba tượng Di Đà Tam Tôn kích thước nhỏ. Chính giữa là tượng Phật Di Đà tiếp dẫn, hữu là Quan Âm Bồ tát tay cầm bình cam lồ và nhành dương liễu, tả là tượng Đại Thế Chí Bồ tát hai tay nâng ngọc như ý. Bộ ba tượng này được nhũ vàng. Chánh điện của tịnh xá xây hình bát giác, có hành lang bao bọc, mặt tiền hướng ra biển. Phía hữu có lầu chuông, tả là Tăng xá và nhà khách. Sân trước có tượng Quan Âm Nam Hải.

Tịnh xá Ngọc Truyền có quy mô rộng lớn hơn Ngọc Hương. Chánh

điện dựng bê tông cốt sắt vững chắc thành hai tầng lầu. Bên trong Tiền đường, tượng Phật được tôn trí chính giữa trong tư thế đứng trên đài sen, phía trước có tượng Quan Âm Thiên thủ Thiên nhãn. Tầng 2 chánh điện, giữa là tôn tượng Thích Ca tọa thiền trên đài sen, thấp hơn về trước có tượng Phật Đản sanh, thấp hơn nữa là tượng Di Đà tiếp dẫn. Xung quanh bàn thờ có bốn con rồng uốn lượn châu vào giữa. Ngoài tượng Bồ tát Quan Âm Nam Hải được tôn trí phía hữu khuôn viên là điểm chung trong đối sánh với Tịnh xá Ngọc Hương, ở đây có thêm tượng Phật Di Lặc đặt gần lối vào công trình chính. Xét về quy mô, tịnh xá Ngọc Truyền có diện tích lớn hơn Hải Tạng và Ngọc Hương.

ĐÌNH VÀ MIẾU THỜ

Bên cạnh Phật tự, truyền thống văn hóa của người Việt với đạo lý

Đình Tiền Hiền Cù lao Chàm
- Di tích lịch sử văn hóa quốc
gia (Ảnh: sưu tầm)

uống nước nhớ nguồn được lưu dấu mãi, mà đình làng là thiết chế được xây nên để tưởng nhớ công đức những người khai canh, khai khẩn, những anh linh bảo trợ đời sống cư dân. Ở đây có điểm khác biệt, ngoài đình làng phối thờ thần linh và các bậc tiền hiền như thường thấy ở đất liền, có một ngôi đình khác đặt tên là đình Đại Càn thờ các vị thần linh.

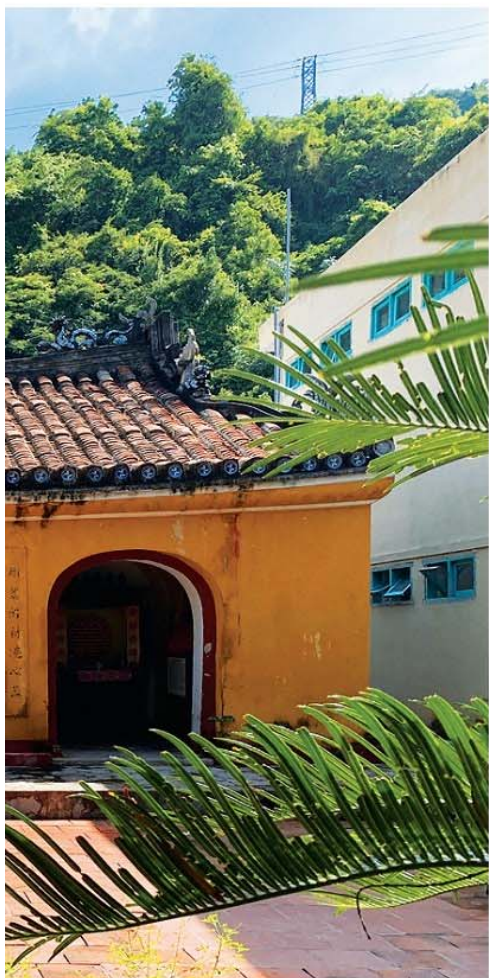
Trước hết, nói về nơi được người dân gọi là “Đình Tiền hiền” [2]. Đình tọa lạc tại thôn Bãi Làng, tả giáp trường mầm non thôn, sau lưng và phía hữu giáp nhà dân. Vốn trước kia, địa thế khác xa, hai bên là dòng suối cận nước, lưng tựa vào chân núi. Theo những người dân bản địa, đình làng được dựng từ lâu đời, nhưng không rõ năm xây, đoán định khoảng cuối thế kỉ XVIII. Thời



điểm năm 1943, đình hư hại nặng nề, cư dân sở tại muốn đại trùng tu nhưng chưa thực hiện được. Lúc này làng vẫn bảo lưu được 20 sắc phong Thần, ban cho các vị Thiên Y Chúa Ngọc, Thành hoàng, Đại Càn Quốc Gia Nam Hải, Ngũ Hành Tiên nương, Tứ Dương Thần Phủ, Nam Hải Ngọc Lân có niên đại từ thời vua Minh Mạng đến Khải Định. Về sau, bình hòa, thiên tai làm cho sắc phong mai một dần, đến nay không còn một đạo sắc nào. Sau nhiều lần trùng hưng, đến nay, kiến trúc đình

làng vẫn mang nét xưa cũ với kiểu cuốn vòm đặc trưng, tường bao xây bằng gạch, mái lợp ngói âm dương. Các góc mái trang trí hình Tứ linh. Bên trong có năm bàn thờ với nhiều đại tự, câu đối, hoành phi ca ngợi ân đức Tổ tiên và các vị thần linh. Hằng năm, vào ngày 06 tháng 6 (âm lịch), chư Tộc phái tổ chức lễ cúng tại đây để cầu mong quốc thái, dân an, phong điều, vũ thuận.

Sau lưng “Đình Tiền hiền” chưa đến 100m, có một đình khác có



tên là “Đình Đại Càn”. Đình này hư sụp nặng, chỉ còn dấu tích của nền móng và một bia đá. Chữ trên bia mòn mờ chỉ còn vài dòng ngắn rời rạc, không đủ cho biết nội dung chính xác. Theo người dân địa phương, dù dùng tên của một vị thần để định danh, nhưng thực tế đình này phụng thờ nhiều vị thần có công bảo trợ đời sống người dân như: Thiên Y Ana, Thành hoàng bốn xứ, Ngũ Hành Tiên nương, Thái giám Bạch Mã, Đại Càn Quốc gia Nam Hải... Tên gọi Đại Càn là văn tắt cho

Đại Càn Quốc gia Nam Hải tứ vị Thánh nương Thượng đẳng thần. Thần được ban tặng các mỹ tự như: Hàm Hoàng Quang/Quảng Đại Chí Đức (thời Minh Mạng), Phổ Bác Hiên Hóa (thời Thiệu Trị), Trang Huy (thời Tự Đức), Dực Bảo Trung Hưng (thời Đồng Khánh). Thần hiệu đầy đủ của các vị là: Hàm Hoàng Quang/Quảng Đại Chí Đức Phổ Bác Hiên Hóa Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Đại Càn Quốc gia Nam Hải tứ vị Thượng đẳng Thần. Theo GS. Ngô Đức Thịnh, tục thờ thần Đại Càn rất phổ biến ở các làng ven biển Việt Nam, ngoài ra, còn thấy ở các làng ven sông lớn nằm sâu trong đồng bằng. Như thế, Cù lao Chàm không phải là một ngoại lệ. Tuy nhiên, có điều khác biệt khi đây là đình duy nhất dùng tên của đối tượng thờ tự để định danh. Hẳn có thể cách định danh này xuất hiện về sau khi việc phụng thờ đã mất đi tính nguyên bản, hoặc đối tượng thờ tự bị thu hẹp đáng kể và chuyên nhất.

Ngoài thiết chế đình làng, tự sở, Cù lao Chàm còn bảo lưu hệ thống các miếu cổ. Trên đảo có miếu thờ vị Tổ sư nghề yến nằm sát bờ biển. Giống như nhiều miếu thờ ở Quảng Nam, miếu này có kiến trúc lối cuốn vòm, bên trong chia tách hai lớp Tiền đường, Chánh điện với nhiều bàn thờ nhỏ. Trên tường, các câu đối Hán tự thể hiện tinh đoàn kết giữa chư Tộc phái cùng ân đức các vị Tổ sư. Khai thác yến sào là một trong những nghề có từ thời nhà Nguyễn kéo dài đến hiện tại, mang lại thu nhập cao bên cạnh những nghề truyền thống khác. Thực chất, các phụ nghề phải leo lên những vách đá cheo leo, hiểm trở trong các hang đảo kín

gió, bên dưới là nước biển sâu với nhiều ghềnh đá. Nếu chẳng may trượt chân té xuống thì tính mạng khó bảo toàn. Tuy nhiên, yến sào nằm trong diện triều đình kiểm soát, lập hộ đi thu lấy, hằng năm nộp một số lượng nhất định, miễn cho thuế thân, tiền dây xâu tiền và binh đao tạp dịch, đã trở thành “cứu cánh” cho những người dân vùng đảo trong lúc nhàn rỗi. Số người theo nghề này thường ổn định và nằm trong diện quản lý của chính quyền địa phương. Ngày nay, lễ giỗ Tổ nghề được tổ chức hằng năm vào ngày 10/3 (âm lịch) nhằm ca tụng công đức các bậc tiền nhân sáng tạo, mở nghiệp dựng nền, để con cháu hậu thế được tuân thừa nối dõi, cũng là sự khẳng định mạch nguồn của nghề này vẫn còn tiếp diễn.

Trên đảo có nhiều miếu thờ các vị thần liên quan đến sông nước như: Ngũ Hành, Đức Ngư Ông. Đặc biệt, trường hợp Ngũ Hành Tiên nương ngoài miếu thờ chung còn có các miếu thờ riêng.

Ngũ Hành là năm hành: Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ. Trong dân gian quan niệm đây là năm yếu tố tự nhiên liên quan mật thiết đến hoạt động sinh tồn của con người nên phải kiêng nể, thờ tự. Tín ngưỡng này có mặt ở hầu hết các làng xã ven biển đồng bằng và đồi núi, không chỉ làng mà các xóm nhỏ trong làng cũng có miếu thờ Ngũ Hành. Trên đảo có ít nhất 6 ngôi miếu thờ các Bà nằm rải rác ở các thôn xóm. Quy mô các miếu không lớn nhưng nơi thờ tự nghiêm trang và được hương khói thường xuyên. Đa phần các miếu hướng mặt ra biển, dựng bằng bê tông cốt sắt vững chắc với kiến trúc kiểu cuốn vòm, mái gắn con giống. Một số

miếu có thờ tượng các Bà đặt trong khung kính. Đây là những tượng nhỏ, tư thế ngồi và sắc phục khác nhau.

Cũng là nơi thờ Bà, nhưng miếu bà Bạch hay còn gọi là miếu bà Lớn có điểm khác biệt. Đây là nơi thờ Bạch Thổ Kim Tinh Thần nữ, theo dân gian hiện thân là Thổ ngọc trên cung trăng. Dân gian quan niệm vị thần này thường hay quấy phá làng xóm, nên thờ cúng để cầu mong được yên ổn. Xét về quy mô, miếu này có diện tích khuôn viên rộng hơn những miếu khác, địa thế cao ráo, mặt nhìn xuống điểm cập bến du thuyền. Muốn đến miếu phải đi qua bậc thang dốc đứng cao hơn 10m, xung quanh có nhiều cây đại thụ tỏa bóng. Kiến trúc miếu hình chữ T với hai nếp, trước là Tiền sảnh hình cuốn vòm, sau là hậu tâm thờ bài vị thần. Nội thất trang trí nhiều hoành phi, liễn đối, lọng che khiến không gian thờ tự thêm phần trang nghiêm. Ngoài miếu chính, phía tả miếu có 3 khám nhỏ thờ các bà Mộc, Hòa, Thổ, bên trong đặt tượng nhỏ và tự khí. Nằm ngay cạnh lối đi khi thuyền cập đảo, miếu là địa điểm thường xuyên viếng thăm của khách du lịch.

Cùng chung tín ngưỡng thờ Nữ, trên đảo hiện còn hai miếu thờ Cô và thờ bà Mụ. Sự tích về Cô và gốc tích dựng miếu đến nay không ai nhớ rõ, riêng việc thờ bà Mụ không phải là điều hiếm thấy ở vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng. Bà Mụ là 12 bà Mụ liên quan đến việc sinh nở. Sau khi sinh con, người ta thường làm lễ cúng cầu xin các Mụ chăm lo, bảo vệ để đứa trẻ được bình an, khỏe mạnh và thông minh.

Với quan niệm “*đất có Thổ Công, sông có Hà Bá*”, việc thờ tự các vị Thành hoàng và Thổ thần trong các miếu thờ riêng chứng tỏ uy linh của các thần trong đời sống người dân. Miếu Thành hoàng nằm ở lưng đồi xóm Mới, thôn Bãi Làng, mặt quay ra biển. Nội thất bên trong miếu khá đơn giản với ba bàn thờ, chính giữa có bài vị “*Bốn xứ Thành hoàng Đại vương tọa vị*”, hai bên có liễn đối “*Phối nguyên chiêu Thánh đức/Lợi vật hiển thần uy*” nêu công đức to lớn của thần. Đây là một trong những vị thần được ban sắc phong phụng tự nhiều lần. Miếu Thổ thần có hình thức giống miếu thờ Thành hoàng và cũng thuộc địa phận thôn Bãi Làng.

Nhìn chung, với địa thế là một đảo nhỏ tách biệt ngoài biển, giao thông với đất liền có nhiều trở ngại, cộng thêm đời sống vật chất khó khăn khiến tâm lý con người trở nên bất an, lo sợ. Từ tâm thế đó, việc nương tựa tinh thần vào Phật, vào thần linh, phụng thờ những đối tượng thường “ghé thăm” quấy nhiễu đời sống, cầu xin sự bình an, khang thái là điều thường thấy. Khi đã hình thành tâm thức nương tựa, truyền thống văn hóa ấy tiếp nối mạch nguồn dù đời sống vật chất đã có nhiều biến đổi; hoặc cũng có thể nói đời sống hiện đại chưa từng xóa bỏ được sự bất an tồn tại thường hằng ở những con người bé nhỏ, từ đó đưa đến sự có mặt của những lễ tế, lễ hội diễn ra hằng năm tại các đình, chùa, miếu mạo.

SAU ĐÂY LÀ BẢNG TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO TRÊN ĐẢO CÙ LAO CHÀM:

TT	Tên công trình	Đối tượng thờ tự
1	Chùa Hải Tạng	Phật, Bồ tát, Hộ pháp, Tỳ sư, Quan Thánh, Quan Bình, Chúa Thượng
2	Tịnh xá Ngọc Hương	Phật, Bồ tát
3	Tịnh xá Ngọc Truyền	Phật, Bồ tát
4	Đình Tiền hiền	Tiền hiền các đời, thần linh
5	Đình Đại Càn	Thần linh
6	Miếu Tổ nghề Yến	Tổ nghề và các vị có công phát triển nghề
7	Làng Tiền hiền	Tiền hiền các đời
8	Làng Ông	Đức Ngọc Ông
9	Miếu Đồi	Không rõ
10	Miếu Ngũ Hành	Ngũ Hành tiền nương
11	Miếu Thổ thần	Thổ thần
12	Miếu Hợp Hòa	Ngũ Hành
13	Miếu Thành hoàng	Thành hoàng làng
14	Miếu Cô	Cô
15	Miếu Bà Xóm Trong	Ngũ Hành
16	Miếu Bà Xóm Giữa	Ngũ Hành
17	Miếu bà Mộc	Bà Mộc
18	Miếu bà Bạch	Bà Bạch
19	Miếu bà Mụ	Bà Mụ
20	Miếu Cô hồn	Cô hồn
21	Miếu Mối thờ	Không rõ
22	Miếu Cây bàng	Không rõ
23	Miếu Cây dổi	Không rõ
24	Miếu Hòn dãi	Không rõ
25	Miếu Mối thờ	Không rõ
Tổng cộng		25

Chú thích:

*Thạc sĩ Đinh Thị Toan, Nhà Trưng bày Hoàng Sa, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

[1] Dẫn theo Trần Thanh Hoàng Phúc (2019), “Tổng quan về kiến trúc Phật giáo ở Hội An”, trong *Thông tin nghiên cứu bảo tồn di sản*, Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An, số 3 (47), tr.28.

[2] Nhiều nhà nghiên cứu ở Quảng Nam gọi đình Tiền hiền để chỉ thiết chế phối thờ thần linh và các vị tiền hiền. Thiên ý của chúng tôi là vẫn gọi đình làng để chỉ thiết chế thờ tự như trên, còn dùng định danh “Nhà thờ Tiền hiền” để chỉ thiết chế thờ riêng các vị tiền hiền, Hậu hiền có công khai canh, khai cư làng xã.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Thanh Hoàng Phúc (2019), “Tổng quan về kiến trúc Phật giáo ở Hội An”, trong *Thông tin nghiên cứu bảo tồn di sản*, Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An, số 3 (47), tr.28.
- Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích (2007), *Kỷ yếu Cù lao Chàm, vị thế, tiềm năng và triển vọng*, Quảng Nam.
- Lê Xuân Thông, Đinh Thị Toan (2014), *Sắc phong ở Đà Nẵng*, Nxb Đà Nẵng.
- UBND TP Hội An (2015), *Di tích - Danh thắng Hội An*, Nxb Đà Nẵng.



THƯƠNG SAO

NGUYỄN MINH THUẬN

Thương sao, thương quá quê nhà!
Thương từng cây lúa, cây cà, vườn rau
Thương từng khóm trúc ngõ sau
Thương con đề mọt cỏ lau xanh rì...

Thương sao cơn gió thoảng thì!
Tựa như khúc hát vu vi trước thềm
Thương sao ngày nắng dịu êm
Hong lên những cánh hoa mềm lung linh.

Thương sao dáng mẹ một mình!
Cùng đôi quang gánh chùng chình bước chân
Một đời khuya sớm tảo tần
Oằn lưng mẹ gánh muôn phần cực cơ.

Thương sao tóc mẹ bạc phơ!
Như vòm mây trắng lững lơ giữa trời
Thương sao ánh mắt, nụ cười
Thương sao hình bóng của người mẹ quê.



Ảnh: Lê Trọng Khang

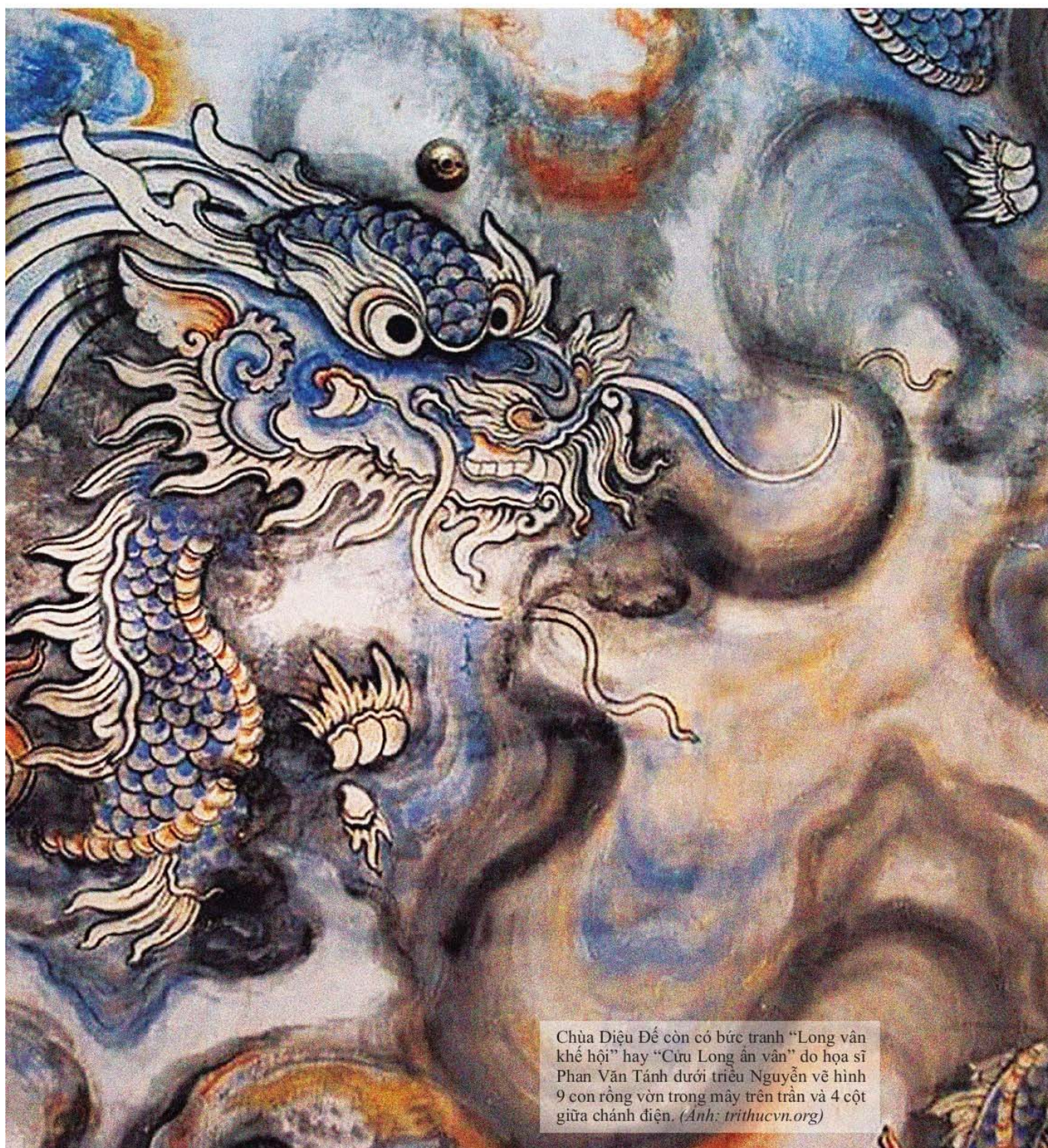
CHÙA DIÊU ĐẾ

và hai bài thơ liên quan
vừa được tìm thấy trong
Cống Thảo viên tập của
Nguyễn Phúc Miên Cư



Nguyễn Thanh Lộc





Chùa Diệu Đế còn có bức tranh “Long vân khê hội” hay “Cửu Long ân vân” do họa sĩ Phan Văn Tánh dưới triều Nguyễn vẽ hình 9 con rồng vờn trong mây trên trần và 4 cột giữa chánh điện. (Ảnh: trithucvn.org)

Trong dòng chảy lịch sử, văn hóa, văn học Việt Nam, có không ít những công trình kiến trúc từ lâu đã trở thành kinh điển, đại diện cho tinh thần và tư duy của một triều đại với những thăng trầm bi hùng. Không chỉ thế, nó còn mang xu hướng linh thiêng, là dữ kiện lịch sử đáng giá mỗi khi các bậc văn bối tìm về nguồn cội. Chùa Diệu Đế - ngôi điện Thần - Phật ngự giữa đất Huế là minh chứng cho luận điểm trên. Năm uy nghiêm giữa lòng Thần Kinh, trải qua bao biến cố, chùa Diệu Đế tự hào là nơi lưu dấu các vết tích xa xưa, giá trị của các bậc vương tôn, công chúa, các vị hoàng thân quốc thích thuộc dòng dõi quý tộc triều Nguyễn.

Mặc dù xứng danh kỳ quan cổ đô, song các ghi chép sử học lẫn văn học đáng giá về chùa Diệu Đế trước nay vẫn nằm trong vòng khiếm khuyết, chưa được tra tằm, bổ cứu. Thật may mắn thay, trong lần khảo sát lại tư liệu Hán Nôm, chúng tôi đã tìm thấy toàn vẹn tập thơ *Cống Thảo viên tập* của Hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Cư. Trong đó, có hai bài thơ nhắc đến các sự kiện đáng giá liên quan đến chùa Diệu Đế. Mặc dù chỉ là những “di vật” còn sót lại trước cơn bão táp của lịch sử, không cung cấp quá nhiều sử liệu trân quý. Song, thông qua những nghiên cứu còn đang dở trên, chúng tôi mong sẽ có thể tìm được nhiều nguồn tài nguyên văn tịch đáng giá, góp phần vào việc bổ cứu, bảo tồn văn hóa dân tộc.

LƯỢC THẢO VỀ CHÙA DIỆU ĐẾ - NGÔI BẢO ĐIỆN TỌA LẠC GIỮA ĐẤT THẦN KINH

Theo lịch sử chép lại, chùa Diệu Đế nguyên là phủ của Hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Tông, con vua Minh Mạng. Đại Nam thực lục (Tập 6) có chép rằng ông “Tên húy là [Miên Tông], lại húy là [Tuyền] sinh ngày Nhâm Tí, 11 tháng 5, năm Đinh Mão, Thế tổ Cao Hoàng đế Gia Long năm thứ 6 (Thanh, Gia Khánh năm thứ 12) [1807], là con trưởng của Thánh tổ Nhân Hoàng đế. Mẹ là Thuận Đức Nhân Hoàng hậu họ Hồ, sinh nhà vua ở ấp Xuân Lộc phía Đông Kinh thành (sau này lập lên chùa Diệu Đế ở ngay chỗ đất ấy)”. Năm 1841, Hoàng tử Miên Tông nối ngôi, lấy niên hiệu là Thiệu Trị, đến tháng 3 năm 1844, chùa Diệu Đế được xây dựng.

Trước khi ấy, Thống quản Thị vệ Vũ Văn Giải tâu nói: “Áp đồng Xuân Lộc ở trong Kinh thành, nguyên là Viên trạch của Phước Quốc công, nay xin lập thêm

ngôi chùa ở nơi đất quý phát phước để cầu phước cho dân”. Vua bèn phê giao cho 2 bộ Lễ, Công bàn luận tâu lên, thì vua đều cho là hợp lý, mới sai bộ Binh phải điều động 600 người binh lính, khởi công làm. Dùng thợ Thống chế dinh Long võ là Tôn Thất Nghị - Đốc công việc này. Công việc thợ thuyền xong, vua sai đặt tên chùa là chùa Diệu Đế, điện là điện Đại Giác, các [gác] là các Đạo Nguyên, nhà trai bên tả là Cát Tường từ thất, nhà trai bên hữu là Trí Tuệ tịnh xá, trước mặt dựng lầu Hộ Pháp, bên tả bên hữu đều dựng cửa Linh Tinh. Quy chế rất rộng rãi” [1, tr.581].

Đặt đàn chay trọng thể ở chùa Diệu Đế, sai Thống chế Tôn Thất Nghị, Tham tri Lý Văn Phúc - Đốc công việc này. Vua dụ rằng: “Ta lập lên ngôi chùa, vì dân cầu phước, nay thợ xây dựng đã xong, gặp ngày tiết “Vu Lan” (1*).

1. Nên mở một đàn chay to, trên cầu cho Thánh tổ mẫu (2*).
2. Nhân Tuyên Từ Khánh Thái hoàng Thái hậu tạ, sống lâu thêm tuổi, hưởng mãi phước lành, mệnh trời ban cho, tuổi thọ nhiều phước; phổ nguyện cho năm được mùa, nước sông thuận, nước thịnh, dân yên, cùng hưởng phước thái bình; tụng kinh một tuần 7 ngày. Lại đặt đàn phổ độ [cho vong nhân] để rộng thiện duyên.

Có một nhà sư họ Hứa, pháp hiệu là Liễu Tĩnh, vào cửa Thiền từ khi lên 5 tuổi ở hang núi Trường Lịch, hiểu Đạo Phật được sâu; đến đây, cảm gây tích trượng sang phương Nam, trụ trì ở chùa này. Vua khen ngợi, cho hiệu là Tịch cốc Tăng (3*) [1, tr.617-618].

Trong *Châu bản triều Nguyễn*, hiện bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I cũng có những ghi chép tương tự như vậy. Điều đó cho thấy, chùa Diệu Đế được xây dựng thành ngôi bảo tự để cầu mong cho quốc thái, dân an, phổ nguyện cho quốc triều được vạn khánh, an khang. Từ thuở khai lập đến nay, chùa vẫn nằm yên vị bên bờ sông Đông Ba, gần cầu Gia Hội. Trải qua nhiều lần trùng tu, mấy lần biến cố đặc biệt là biến cố năm 1882 và 1885, đến năm 1950 chùa mới được khang trang và gìn giữ cho đến hiện tại. Với cảnh sắc yên tĩnh, không gian trầm lắng hòa lẫn cùng tiếng kinh kệ, trầm hương, đây không chỉ là nơi cho các Tăng, Ni tu tập, mà còn là địa điểm nức tiếng cho



Điện Đại Giác chùa Diệu Đế. (Ảnh: daophatngaynay.com)

du khách thập phương lai vãng ghé thăm. Vì đây là chốn không môn, nơi dành cho các tín đồ tu tập cho nên không gian chùa cũng có các bức hoành phi, đối liên đậm ý nghĩa Phật giáo. Trong bài viết *Giới thiệu hệ thống hoành phi câu đối của chùa Diệu Đế* của tác giả Nguyễn Xuân Nhật [2] đã cung cấp cho người đọc những tư liệu Hán ngữ giá trị về các bức biển ngạch lẫn câu đối khắc trong chùa Diệu Đế. Thông qua những câu đối trên, người đọc có thể thâm được một cách thuần túy các ý niệm triết học Phật giáo một cách uyên nguyên, bản thể nhất.

Chẳng hạn như câu:

一滴遍十方，眾海朝宗香水海
微塵含大地，群山仰止妙高山

Phiên âm:

Nhất trích biển thập phương, chúng hải triều tông Hương Thủy hải (4),*

Vì trần hàm đại địa, quần sơn ngưỡng chỉ Diệu Cao sơn (5).*

Dịch nghĩa:

Một giọt nước khắp mười phương, muôn biển cùng châu biển Hương Thủy,

Bụi nhỏ mà bao hàm cả đại địa, mọi ngọn núi ngưỡng trông núi Diệu Cao.

Hay như trong *Bia Ngự chế thi đề Diệu Đế tự* (1846) của vua Thiệu Trị [3] được đặt trong chùa Diệu Đế cũng viết rằng:

雖象教虛無，亦勸人為善，則何妨于王道教哉。

Phiên âm: *Tuy Tượng giáo hư vô, diệc khuyến nhân*

vi thiện, tắc hà phương vu Vương đạo giả tại.

Dịch nghĩa: *Tuy giáo lý nhà Phật rỗng lặng, mà cũng khuyến dân làm điều thiện, thì có gì gây hại cho Vương đạo đâu.*

Qua vài câu đối trên, có thể thấy tinh thần trọng thị Phật giáo của các vua đầu triều Nguyễn cũng như người dân bấy giờ. Phật giáo tồn tại như một tôn giáo truyền thống của dân tộc, bên cạnh Nho giáo và Lão giáo, góp phần đáp ứng nhu cầu tâm linh và văn hóa của nhân dân. Có thể nói, chùa Diệu Đế chính là một chứng tích cho cuộc thông hiểu siêu quần các giá trị nhiệm mầu trong tinh hoa pháp không của Phật giáo thời Nguyễn.

KHÁI QUÁT VỀ TẬP THƠ CÔNG THẢO VIÊN TẬP CỦA NGUYỄN PHÚC MIÊN CƯ

Thân thế và hành trạng của Nguyễn Phúc Miên Cư (Trọng Trừ):

Nguyễn Phúc Miên Cư (阮福綿寤; 16/10/1829 - 6/4/1854), tự là *Trọng Trừ* 仲貯, tước phong *Quảng Trạch Quận công* 廣澤郡公, là Hoàng tử của vua Minh Mạng. Mẹ ông là Ngũ giai Hòa Tần Nguyễn Thị Khuê. Theo *Đại Nam liệt truyện*, ông là người con thứ hai của bà Hòa Tần, ngay từ nhỏ đã bộc lộ tư chất thông minh, đỉnh đặc, đọc thông các sách của Bách gia chư tử, Kinh sử tứ tập. Không những thế, ông còn là người giỏi đàm luận, viện dẫn chứng cứ chuẩn xác, văn ngôn bay bổng, nhịp nhàng. Cũng chính vì lý do đó mà suốt quãng đời sống trong nhung lụa, ông được vua yêu thương hết mực [4, tr.91].

Cũng theo sách *Đại Nam thực lục*, vào năm Minh Mạng thứ 21 (1840), ông được phong làm Quảng Trạch Quận công (廣澤郡公) [1, Tập 5, tr.635]. Ngoài ra, ông còn được vua Minh Mạng ban thưởng cho con sư tử bằng vàng nặng 5 lạng 8 đồng cân trong dịp phong tước cho các Hoàng thân anh em, Hoàng tử, Công chúa chưa được nhận tước [1, Tập 5, tr.695]. Mặc dù tài cán là thế, song thọ mạng của ông không được dài. Năm Tự Đức thứ 7 (1854), Giáp Dần, ngày 09 tháng 3 (âm lịch), Quận công Miên Cư qua đời, hưởng dương 26 tuổi, thụy là Đoan Mẫn (端敏). Mộ của ông được an táng tại Dương Xuân Thượng (nay thuộc địa phận của phường Thủy Xuân, Huế), còn phủ thờ dựng ở phường Phú Mỹ, Huế.

Tập thi phú duy nhất vẫn còn của ông hiện nay là *Cống Thảo viên tập* 貢草園集 có lời đề tựa đầu bài và bài *Thảo bạt* của Miên Thẩm [5].

Cống Thảo viên tập - minh chứng về cuộc sống quý tộc thời Nguyễn:

Cống Thảo viên tập 貢草園集 nghĩa là tập thơ vườn Cổng Thảo. Đây là tập thơ còn sót lại của hoàng tử tài hoa Miên Cư, là minh chứng sống cho cuộc sống quý tộc của Hoàng tộc trong triều đình nhà Nguyễn. Với nội dung tường thuật lại những chuyện xoay quanh vườn Cổng Thảo, tập thơ đã diễn tả được một cách đầy đủ đời sống xa hoa, yến tiệc vô cùng thỏa thích của Hoàng tộc triều Nguyễn. Từ việc tổ chức họp mặt đến việc du sơn, ngoạn thủy, từ việc đề vịnh thi từ đến việc xướng họa thơ ca, tất cả đều phản ánh một cách chân chỉ, sinh động phương cách sinh hoạt, lối sống phóng dật, tiêu dao của những người thuộc dòng dõi quý tộc thời Nguyễn. Trong lời bạt của Nguyễn Phúc Miên Thẩm, khi nói về *Cống Thảo viên tập* đã nhận định về tập thơ này như sau: 園名貢草，竊取周禮之文，筆夢生花，自命作漢翻之集，三盆纒罷，絲絲朱綠玄黃一卷，編成字字蘭蓀菡萏。然而陳思不用，每恍惚而病愁淮南，自傷或攀援而招隱，嫉邪忤俗，辰見歌謠，騎鶴吹笙，遂成詩識。君詩有云：愁極忽生伊洛想，吹生騎鶴謝辰人。蓋用心過苦，

原非精神所堪，維憂能傷竟使年壽不永者也。

Phiên âm:

Viên danh Cổng Thảo, thiết thủ Chu Lễ chi văn, bút mộng sinh hoa, tự mệnh tác Hán Phiên chi tập, tam bồn táo bãi, ti ti chu lục huyền hoàng nhất quyển, biên thành tự tự lan tôn chi huệ. Nhiên nhi Trần Tư bất dụng, mỗi hoàng hốt nhi bệnh sầu, Hoài Nam tự thương hoặc phàn viên nhi chiêu ẩn, tật tà ngộ tục, thần kiến ca dao, kị hạc xuy sanh, toại thành thi sấm.

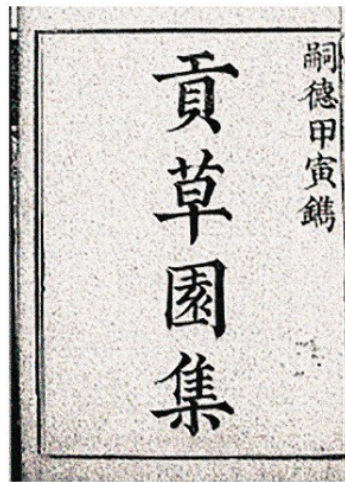
Quân thi hữu văn: Sầu cực hốt sinh Y Lạc tương, Xuy sanh kị hạc tạ thần nhân (6). Cái dụng tâm quá khổ, nguyên phi tình thần sở kham, duy ưu năng thương cánh sử niên thọ bất vĩnh giả dã.*

Dịch nghĩa:

Vườn tên Cổng Thảo, trộm lấy văn trong sách Chu Lễ, bút thể sinh hoa, tự mình trừ tác tập Hán Phiên, ba lần ngâm kén rút tở, từng câu như từng sợi từng sợi tơ mảnh đỏ xanh đen vàng hợp thành một quyển, từng chữ từng chữ được biên thành thể như lan tôn chi huệ (các thứ có thơm). Nhưng mà Trần Thư (Tào Thực) không được dùng, hoàng hốt mà thành bệnh sầu; Hoài Nam (tức Lưu Ôn) tự thương thân, hoặc nương tựa mà tìm người ẩn dật. Ghét kẻ gian tà trái thói đời, thường thấy trong bài

thơ; cười hạc, thổi tiêu, thành câu thơ sấm. Thơ ông có nói rằng: “Sầu nặng chợt sinh nhớ Y Lạc, Thổi tiêu cười hạc tạ người đời”. Đại để là vì dụng tâm quá khổ, vốn dĩ tinh thần có chỗ bất kham, lo quá thành ốm, cho nên hưởng tuổi trời chẳng được lâu.

Có thể thấy, Nguyễn Phúc Miên Thẩm cực kỳ đánh giá cao tài thơ Nguyễn Phúc Miên Cư, ví ông như Tào Thực và Lưu Ôn, nhận định tâm khí ông một cách sâu sắc, đáng nể. Thực tế, lời thơ trong *Cống Thảo viên tập* mặc dù chỉ xoay quanh đời sống thường nhật của các hoàng tử triều Nguyễn, tuy nhiên, từ cách vận dụng từ ngữ, cách sử dụng câu cú và ứng dụng điển cố cho thấy ông Miên Cư là một người tài hoa bác lãm. Từ những câu thơ tả cảnh ngụ ý, ngụ tình: “*Thâm thâm dã kính vân mịch, Viễn viễn giang thuyền hỏa minh*”. (深深野徑雲墨，遠遠江船火明。 - Đường hoang thăm thăm mây mù, Xa xa thuyền đậu sông lửa lửa thiêng (*Dạ bạc nhĩ tuyệt* 夜



Bìa *Cống Thảo viên tập*

泊二絕 - Đâu thuyền đêm hai bài) đến những câu thơ chan chứa nỗi sầu thiên cổ: “*Phiếm bi Công tử yến, Thập thúy mỹ nhân hành. Độc hữu khán vân khách, Thê nhiên bách cảm sinh*”. (汎陂公子宴, 拾翠美人行。獨有看雲客, 悽然百感生。 - *Sông xa công tử mở bàn tiệc, Người đẹp du xuân điểm thủy lông. Chỉ khách ngắm mây ngơ ngác tiếc, Buồn buồn cảm khái trăm cơn dồn*) (*Thanh minh tác* 清明作 - Làm trong tiết thanh minh). Chỉ thể thôi cũng đủ để khiến cho người đọc bùi ngùi, thương cảm rồi vậy. Cái bản thân của Miên Cư vừa như một lời sấm cho những biến động sắp sửa của lịch sử, vừa như một lời tuyệt mệnh của những kẻ phong vận, sống trong cảnh giàu sang mà bao giờ cũng miên man buồn tẻ. “*Phong vận kỳ oan ngã tự cư*” (Nguyễn Du), có phải chăng vì thế mà người đoán mệnh? Âu cũng là cái số vậy!

Bản *Cống Thảo viên tập* mà chúng tôi đang giữ là bản được khắc vào năm Hàm Phong thứ 4 đời nhà Thanh (tức là năm Tự Đức, Giáp Dần thứ 7 (1854)) có kích thước ước chừng 17.9 x 13.5 cm. Bản có số hiệu 13519 và được lưu tại Thư viện Trung ương Quốc lập Đài Loan [5]. Đây là bản chữ khắc in, không đề dấu ngắt câu, mỗi dòng chừng 15 - 22 chữ, viết theo cột dọc từ phải sang trái. Bìa có dòng chữ *Cống Thảo viên tập* 貢草園集, Tự Đức Giáp Dần tuyên 嗣德甲寅鐫 (Năm Giáp Dần, Tự Đức khắc). Tập thơ có tổng cộng 103 bài thơ, 2 bài tự - bạt của Miên Thẩm và 4 câu bị khuyết, trích từ các bài thơ đã bị thất lạc. Trong bản khắc in có nhiều chữ kỳ hựu được viết lược nét chẳng hạn như chữ *Hoa* 華 bị lược nét sổ ở giữa hay chữ *nhật* 日 bị lược nét ở giữa... Trong tập thơ, còn lưu lại một vài di thảo của Miên Thẩm từ những câu thơ bị ngắt trong một bài thơ chưa tỏ đến những bài thơ luật thi, tuyệt cú. Tất cả được lưu lại và khắc in một cách rõ ràng, rành mạch. Ngoài những bài thơ của Miên Cư, Miên Thẩm còn có những bài thơ xướng họa của những nhà thơ khác cũng là hoàng thân quốc thích trong triều Nguyễn. Mặc dù theo nghiên cứu của tác giả Trần Trọng Dương (2011) tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm [6], ông cho rằng bản *Cống Thảo viên tập* đã mất, song qua quá trình khảo sát và sưu tầm tư liệu, chúng tôi đã tìm thấy được bản khắc in lưu tại Đài Loan. Đây là một phát hiện quý báu giúp các nhà nghiên cứu có thêm cơ hội để tìm hiểu một cách tường tận văn chương Việt Nam nói chung và văn phong của Miên Cư nói riêng; góp phần vào việc sưu tầm và bảo tồn các tài liệu Hán Nôm đáng giá của Việt Nam đã từng cho là bị thất lạc.

VỀ HAI BÀI THƠ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÙA DIỆU ĐẾ IN TRONG CỐNG THẢO VIÊN TẬP

Trong tập thơ *Cống Thảo viên tập* của Nguyễn Phúc Miên Cư, có hai bài thơ được trứ tác có liên quan đến địa danh chùa Diệu Đế nổi danh trên đất Huế. Trong số hai bài thơ, có một bài mô tả cảnh hội Du Già với tên gọi *Dữ chư công đồng đăng Diệu Đế tự lầu quan Du Già hội* 與諸公登妙諦寺樓觀瑜伽會 (Cùng với các anh lên lầu chùa Diệu Đế xem hội Du Già) và một bài nói về cuộc “đổi thoại” Phật pháp về người thượng nhân họ Nguyễn ở chùa Kỳ Viên với sư Tăng Cương (7*) ở chùa Diệu Đế với tựa *Kỳ Viên tự Nguyễn thượng nhân phụng sắc vị Diệu Đế tự Tăng Cương khát thi nhân thị* 祇園寺願上人奉敕為妙諦寺僧綱乞詩因示 (Người thượng nhân tên Nguyễn tại chùa Kỳ Viên phụng sắc đến xin thơ cho ngài Tăng Cương ở chùa Diệu Đế nhân đó bày tỏ). Cả hai bài thuộc hai khuynh hướng khác nhau, một bài thuần tả cảnh, một bài thuần triết luận. Tuy nhiên, mỗi bài lại có những nét đặc sắc riêng biệt, thông qua cách vận dụng điển cố, gieo vần, đối ngẫu, người đọc có thể chiêm nghiệm được những đặc trưng nghệ thuật lẫn nội dung hàm ẩn sâu trong từng câu thơ tưởng như vô tri, ngù im trong điển tịch nát nhàu.

Nguyên văn bài thơ *Kỳ Viên tự Nguyễn thượng nhân phụng sắc vị Diệu Đế tự Tăng Cương khát thi nhân thị* 祇園寺願上人奉敕為妙諦寺僧綱乞詩因示 như sau:

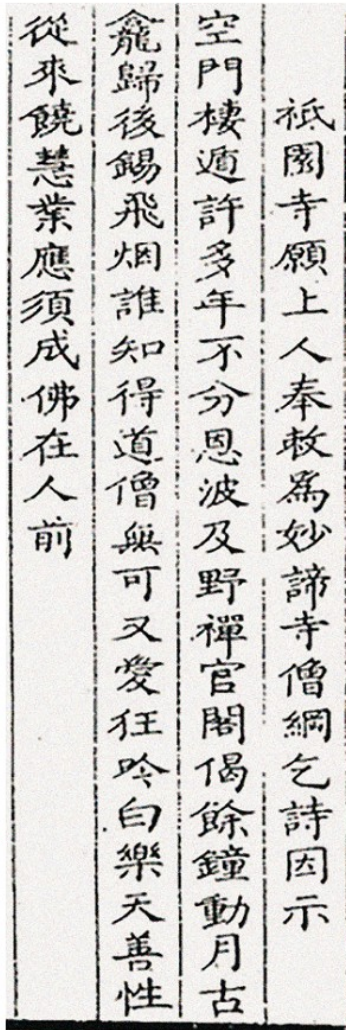
空門樓迥許多年，
不分恩波及野禪。(8*)
官閣偈餘鐘動月，
古龕歸後錫飛烟。
誰知得道僧無可 (9*)
又愛狂吟白樂天。(10*)
善性從來饒慧業，
應須成佛在人前。

Phiên âm:

Không môn thê độn hứa đa niên,
Bất phận ân ba cập dã thiền.
Quan các kê dư chung động nguyệt,
Cổ kham quy hậu tích phi yên.
Thùy tri đắc Đạo tăng Vô Khả,
Hựu ái cuồng ngâm Bạch Lạc Thiên.
Thiện tính tông lai nhiều tuệ nghiệp,
Ứng tu thành Phật tại nhân tiền.

Dịch nghĩa:

Ngài ở cửa Thiền ẩn cư đã nhiều năm rồi,



Nguyên văn bài thơ Kỳ Viên tự
Nguyễn thượng nhân phụng sắc vị
Diệu Đế tự Tăng Cương khất thi
nhân thị.

Chẳng còn bị tạp loạn với chuyện
ân trạch với Dã thiên.

Dư âm Kinh kệ còn văng trên gác
quan, tiếng chuông mờ khua động
cả ánh trăng,

Sau khi trở về Ngài đứng trước bàn
thờ cổ nâng tích tượng hướng lên
màu khói tỏa trong không gian.

Ai biết tăng Vô Khả là người đắc
đạo,

Mà lại ham thích sự cuồng ngâm
của Bạch Lạc Thiên.

Xưa nay thiện tính thường dung
chứa nhiều tuệ nghiệp,

Chỉ mong tu tập có ngày được
thành Phật ngay tại cõi người.

Dịch thơ:

Cửa Thiền vắng bóng nhiều năm
liền,

Chẳng loạn sóng ân lẫn Dã thiên.

Kinh kệ dư âm chuông nguyệt
động,

Bàn thờ nâng tượng khói vờn
xuyên.

Ai hay đạo nhiệm tăng Vô Khả,

Lại đắm rượu cuồng Bạch Lạc
Thiên.

Thiện tính xưa nay đựng tuệ
nghiệp,

Tu hành hóa chuyển Phật nhân
gian.

Điểm đặc biệt trong bài thơ này
nằm ở hai khía cạnh: Thứ nhất,
về nội dung, bài thơ đi theo mô
típ cấu trúc cổ điển với đề - thực
- luận - kết có phần mở đầu mô
tả hoàn cảnh gặp gỡ cũng như
bối cảnh gợi cảm hứng cho sự trứ
tác bài thơ. Sau khi đi hết phần
khai, tác giả chuyển sang phần
thực với nội dung tả cảnh đương
hiện. Hình ảnh kinh kệ cùng tiếng
chuông lay động giữa thanh không
hòa với hương khói mờ nhân ảnh
tạo nên một không gian vừa thực
vừa ảo, vừa tỏ vừa lu. Vì đây là
bài thơ Hoàng tử Miên Cư viết
nhân chuyện người Thượng nhân

tên Nguyễn đến xin thơ cho ngài
Tăng Cương của chùa Diệu Đế,
cho nên trong hai câu luận tác giả
đã sử dụng hai điển tích nói về hai
nhân vật trứ danh trong lịch sử
Trung Hoa, đặt trong thế đối sánh
giữa một người thi nhân cuồng
ngâm và một người là tinh sư tỉnh
tại. Hai câu luận không chỉ như
một lời tra vấn về thú vui thi phú
của bậc sư sãi mà còn hàm chứa
lời phúng dụ về sự tu hành. Thực
tế, tính cuồng ngâm trong thơ và
sự tỉnh tịch trong Thiền vốn không
thể hỗn dung thành một. Nhưng
cái đáng luận ở bài thơ này nằm
ở tính cật vấn ngay từ câu khởi
luận, cái tưởng như đối nghịch
trong tâm thế của một Thiền sư
đã đoạn tuyệt trần tục, không bị
vướng mắc trong chuyện “ân ba”
(tức bông lộc, chẳng hề vướng
bận công danh) và “Dã thiên” (tức
thác pháp, giác ngộ chẳng còn sai
sốt trong chuyện công phụ) lại
hợp nhất tồn tại thành một dạng
tâm thức vừa mang tính cuồng
phóng nhưng lại vừa mang tính
thâm trầm. Đây là điểm đặc biệt
trong bài thơ của Hoàng tử Miên
Cư. Trong một bài thơ gửi cho
Đạo Tiềm, nhà thơ Tô Thức cũng
đã đưa ra những ý kiến tương như
đối nghịch, song lại hợp lý hợp
tình khi nói đến mối quan hệ giữa
thi nhân và Phật nhân, giữa thi phú
và đạo pháp:

頗怪浮屠人，視身如丘井。

頽然寄淡泊，誰與發豪猛？

[...]

詩法不相妨，此語當更請。

Phiên âm:

Phà quái Phù đồ nhân, Thị thân
như khâu tỉnh.

Đồi nhiên ký đạm bạc, Thùy dữ
phát hào mãnh.

[...]

Thi Pháp bất tương phươg, Thử
ngữ đương cánh tỉnh.

Dịch nghĩa:

*Lạ thay những người đi tu Phật,
Coi thân này như là gò, là giếng,
chật hẹp và tù túng./ Nên chịu
cảnh đạm bạc, trơ vơ./ Thì đi bực
bạch cái hào, cái mãnh với ai?*

[...]

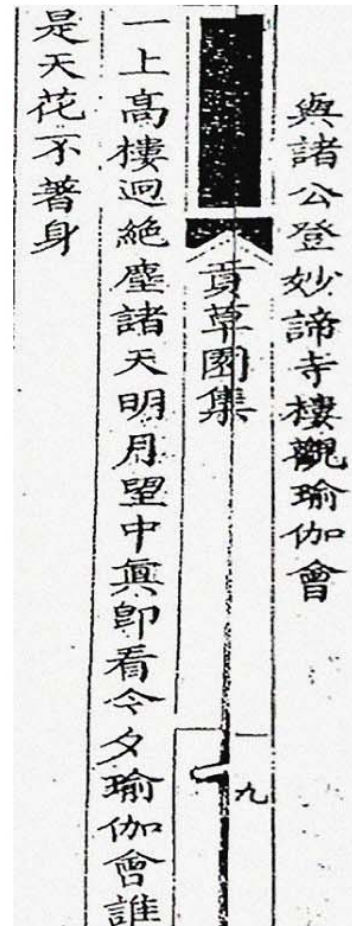
*Thơ và pháp không chống trái
nhau./ Cái đó nhờ Thượng nhân
hạ quyết.*

Phải chăng, trong đạo tâm cũng phải có chút tính “cuồng ngâm” mới có thể thăng đạo tựa như ngài Tế Điện thuở trước? Cuối cùng, ở hai câu *hợp* (kết), tác giả nhận định chỉ có thiện tánh mới có thể dung chứa tuệ nghiệp, khi tuệ nghiệp được huân tập đủ đầy sẽ trở thành Phật ngay cõi nhân gian, tức trở thành người giác ngộ chân lý, thấu suốt vạn vật trong cõi nhân hoàn. *Tuệ nghiệp* là một thuật ngữ trừu tượng trong giáo lý đại thừa rút từ lời kinh *Phật thuyết Bát đại Nhân giác*: “*Thường niệm Tri túc, an bản thủ đạo, duy tuệ thị nghiệp*” (常念知足, 安貧守道, 唯慧是業 - Luôn nghĩ việc biết đủ, yên trong cảnh nghèo mà giữ được đạo sáng, chỉ xem tuệ giác là sự nghiệp đời mình). Vừa mang nghĩa tu tập để đạt đến giác ngộ lại vừa mang nghĩa lợi tha ích sinh, dung dưỡng tinh thần nhập thế. Như vậy, nội dung toàn văn bài thơ mang ý niệm giáo huấn trong tương quan chuyên hóa các giáo lý Phật giáo, hỗn dung vào trong các môn tinh thần thường nhật với mục đích “*đạo bất ly nhân, pháp bất ly quần*”.

Thứ hai, về mặt nghệ thuật, đây là một bài thơ thuần khuynh hướng cổ điển với bố cục cân đối, ý tứ đăng đối và vần về hòa đối. Sử dụng luật thi làm sườn cốt tủy ý nghĩa toàn văn, lại sử

dụng lối gieo vần chính vận khuôn phép (*Chính vận* là sử dụng các vần thuộc cùng một bộ vần, bộ vần thường dùng sẽ tuân theo cách sắp xếp vận mẫu thời cổ đại được quy định tùy thuộc vào cách phân chia của từng loại sách chẳng hạn như *Thiệt vận* 切韻, *Đường vận* 唐韻, *Quảng vận* 廣韻, *Nhâm tử tân san lễ bộ vận lược* 壬子新刊禮部韻略, *Bội văn thi vận* 佩文詩韻, *Từ Lâm chính vận* 詞林正韻. Trong trường hợp này chúng tôi dùng *Bình thủy vận* 平水韻). Bài thơ sử dụng các vần *niên* 年, *thiền* 禪, *yên* 烟, *thiên* 天 và *tiền* 前 thuộc cùng một bộ vận là *Hạ bình nhất tiên* 下平一先, lại thêm phần niêm luật chặt chẽ, đăng đối hài hòa theo kiểu *chính đối* khiến cho bài thơ mang đậm tính tập cổ. Tóm lại, có thể thấy, mặc dù không miêu tả quang cảnh chùa Diệu Đế cũng không nhắc nhiều đến đặc trưng ngôi cô tự này nhưng thông qua bài thơ, có thể thấy được phong khí sinh hoạt Phật giáo giữa các tòa bảo điện ngày xưa khá sôi nổi và hài hòa. Các vấn đề Phật pháp được bày tỏ một cách trực quan, sinh động khiến cho không gian văn hóa Phật giáo có cơ hội được phủ khắp quần sinh. Dưới góc nhìn của một Hoàng tử chôn cung son, Miên Cư đã cho người đọc thấy được những thể nghiệm của bản thân trước các vấn đề sâu rộng trong đạo pháp Phật giáo. Phải là người có chí khí cao ngạo và tâm hồn mãnh liệt như thế mới có thể phát biểu được những lời giá trị đến vậy. Đó là điều mà tác phẩm này gợi lại trong tâm thức người đọc.

Ngoài bài thơ trên, trong *Cống Thảo thi tập* còn có một bài khác



Nguyên văn tác phẩm Dữ chư công
đăng Diệu Đế tự lâu quan Du Già
hội 與諸公登妙諦寺樓觀瑜伽會



(Ảnh: trithucvn.Org)

nói đến không gian sinh hoạt Phật giáo sinh động của chùa Diệu Đế. Đó là tác phẩm *Dữ chư công đẳng Diệu Đế tự lâu quan Du Già hội* 與諸公登妙諦寺樓觀瑜伽會 (Cùng với các anh lên lầu chùa Diệu Đế xem hội Du Già). Nguyên văn bài thơ như sau:

一上高樓迴絕塵，
諸天明月望中真。
即看今夕瑜伽會。
誰是天花不著身。

Phiên âm:

Nhất thượng cao lâu hồi tuyệt trần,
Chư thiên minh nguyệt vọng trung chân.
Tức khán kim tịch Du Già hội.
Thùy thị thiên hoa bất trú thân.

Dịch nghĩa:

Lên thẳng lầu cao nhìn lại không còn vương mắc bụi trần,
Ánh trắng sáng trên trời không như đường vọng
ngóng chân pháp (Như Lai).
Đêm nay được nhìn thấy hội Du Già,
Không biết ai người không tô điểm khoa trương hoa
tiên nơi thượng giới.

Dịch thơ:

Lầu cao nhìn xuống bụi trần tan,
Ánh nguyệt khắp trời rọi pháp chân.
Đêm ngắm Du Già hội Phật thánh,
Ai người không điểm nhành hoa tiên.

Trong bài thơ này có nhắc đến một sự kiện diễn ra trong chùa Diệu Đế: Du Già hội hay còn gọi là hội Yoga. Thực tế, nếu nghe thuật ngữ Yoga, người đọc sẽ nghĩ ngay đến phương thức luyện tập Yoga hiện đại. Thực tế, cái gọi là hội Du Già lại là một phương pháp Thiền định có liên quan đến việc tu tập Yoga hiện nay. Trong Kinh điển Phật pháp, Du Già tiếng

Tây Tạng đọc là Rnal-hbyor, có nghĩa là ‘tương ứng’, tức là dùng phương pháp điều hòa hơi thở để nhiếp tâm với mục đích đạt được trạng thái tương ứng với chánh pháp. Phương pháp này ra đời và cũng đã từng được đức Thích Ca ứng dụng tu tập với các bậc Thầy như: Ārāda Kālāma, Udraka Rāmaputra. Trong hệ thống Du Già, có bốn bộ phận lớn bao gồm: Karma Yoga (lấy hành động làm phương tiện giải thoát), Bhakti Yoga (lấy tình thương làm căn bản xử thế), Jnana Yoga (suy luận thấu đạt chân lý) và Raja Yoga (Thiền định). Trong Du Già có tám phép thực tiễn, bao gồm: *Giữ giới* (yama), *Tu dưỡng* (niyama), *Ly thế* (pratyahara), *Kiểm già* (asama), *Kiểm soát hơi thở* (pranayama), *Thiền* (dharana), *Định* (dhyana) và *Tuệ* (samadhi) [7]. Như vậy, có thể thấy hội Du Già mà Nguyễn Phúc Miên Cư đề cập đến nhân khi lên lầu chùa Diệu Đế chính là ám chỉ hội những thiện nam, tín nữ luyện tập Thiền định theo cách thức Yoga. Việc luyện tập theo phương pháp này hiện nay ít khi được hỗn dung trong môi trường chùa chiền và đã tách riêng ra thành một bộ môn thể chất xã hội. Tuy nhiên, ngay từ thời Nguyễn, đặc biệt tại chùa Diệu Đế lại thực hiện phổ biến phương pháp này. Đây là điều đặc biệt trong lịch sử sinh hoạt Phật giáo tại ngôi điện ngự giữa xứ Huế này. Trong những miêu tả của Hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Cư, người đọc có thể thấy được tính trang nghiêm thanh tịnh trong không gian sinh hoạt hội Du Già. Việc nhân hóa hình tượng ánh trăng cùng những tán tụng về khí chất con người trong môi trường tu tập đã cho thấy sự sinh động trong bối cảnh công phu, sinh hoạt Phật giáo thời Nguyễn. Về giá trị nghệ thuật, cũng như bài thơ trên, đây là một sáng tác thuần khuynh hướng cổ điển với niềm đối chọi chặt chẽ, cách gieo vần theo hình thức chính vận với các vần *trần* 塵, *chân* 真, *thân* 身 thuộc cùng một bộ vận là

Thượng bình thập nhất chân 上平十一真. Có thể thấy, bài thơ đã diễn tả một cách khái lược không gian Phật giáo thời Nguyễn cũng như các hoạt động diễn ra tại chùa Diệu Đế ngày xưa. Đây chính là những điểm cần lưu ý đáng nhớ để các học giả sau này tiếp tục tra tìm và nghiên cứu.

Tóm lại, thông qua hai bài thơ vừa được tìm thấy của vua Nguyễn Phúc Miên Cư trong *Cống Tháo viên tập* trên, chúng tôi cho rằng đây là hai “di chỉ” đáng giá góp phần vào việc nghiên cứu và bổ sung tư liệu lịch sử đối với những công trình kiến trúc có giá trị văn hóa. Thực tế, mặc dù hai tác phẩm thơ trên chưa phải là hệ thống hoàn thiện, cung cấp quá nhiều các bằng chứng cũng như tài liệu vào việc củng cố lịch sử chùa Diệu Đế song thông qua việc phân tích các điểm đặc biệt, đồng thời chỉ ra được một vài quan điểm lịch sử từ hai bài thơ trên, người đọc có thể hình dung ra được lẽ lối, phong cách sinh hoạt cũng như tinh thần thấm nhuần Phật lý trong tư duy Phật giáo thời Nguyễn khi ấy. Chúng tôi cho rằng, cần phải trả về một cách sống phẳng những thứ vốn dĩ liên quan đến lịch sử chùa Diệu Đế để những di tích mang tầm quốc gia và có giá trị như một chứng nhân thời đại ấy được con người tôn quý, trân trọng và gìn giữ. Không chỉ bảo lưu riêng cho thế hệ thời nay mà còn đối với các thế hệ sau.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Tờ phiên dịch Viện sử học dịch (2007), Đại Nam Thực Lục, Nxb Giáo dục, Tam Kỳ, Quảng Nam.
- [2] Nguyễn Xuân Nhật (2015), *Giới thiệu hệ thống hoành phi câu đối của chùa Diệu Đế*, đăng trên *Tạp chí Văn hóa Phật giáo* ngày 1/8/2015, Nxb Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP HCM.
- [3] Th.S. Tạ Đức Tú (2014), Văn bia chùa Huế (thành phố Huế) thể hiện tiến trình phát triển Phật giáo ở Đàng Trong, đăng trên *phatgiaohue.vn*, truy cập ngày 22/7/2021. Truy xuất từ trang <http://www.phatgiaohue.vn/Print.aspx?TinTucID=2802>
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), Đại Nam liệt truyện, tập 3, quyển 7 - phần *Quảng Trạch Quận công Miên Cư*, Viện sử học Việt Nam, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [5] Nguyễn Miên Cư (1854), *Cống Tháo viên tập*, Đài Loan Quốc lập Trung ương Đồ thư quán sở tàng, Số hiệu 13519.
- [6] Trần Trọng Dương (2011), *Khảo sát tình hình văn bản tác phẩm một số tác gia hoàng tộc triều Nguyễn*, đăng trên Thông báo Hán Nôm học 2009, Tr.302 -321, truy cập vào ngày 22/7/2021, từ <http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=1881&Catid=789>.
- [7] *Du Già*, truy cập ngày 23/7/2021. Truy xuất từ <https://phapthihoi.org/blog/tu-dien-phat-giao/du-gia/>.

(1*) **Vu lan** (孟蘭), còn được gọi là lễ báo hiếu, là một trong những ngày lễ chính của Phật giáo (Đại thừa Bắc tông) và phong tục Trung Hoa vào ngày 15 tháng 7.

(2*) **Thánh tổ mẫu**: Chỉ bà nội của vua Thiệu Trị.

(3*) **Tịch cốc tăng**: Nhà Sư đi tu không ăn các thứ ngũ cốc.

(4*) **Hương Thủy hải** 香水海: Theo tiếng Phạn là át-già tức là nước. Chỉ thứ nước dâng cho Phật có hoa thơm bỏ vào cho nên gọi là “hương thủy” (nước có mùi thơm).

(5*) **Diệu Cao sơn** 妙高山: Tức chỉ ngọn núi Tu-di trong thuật ngữ Phật Giáo, tức là ngọn núi cao nhất trong tất cả các ngọn núi. Theo A-tỳ-đạt-ma-câu-xá luận (Abhidharmakośabhāṣyam) của Thế Thân, núi Tu-di cao 80.000 do tuần. Núi Tu-di được nói rằng có hình dạng giống như một cái đồng hồ cát, với đỉnh và đáy có diện tích rộng 80.000 do tuần, nhưng hẹp ở phần giữa (ở độ cao 40.000 do tuần) chỉ rộng 20.000 do tuần.

(6*) **Y Lạc** 伊洛: Con trưởng của Chu Linh vương tên là Tấn thích thời ông tiêu, đi chơi ở nơi sông Y, sông Lạc; rồi Thái tử qua đời ở đó.

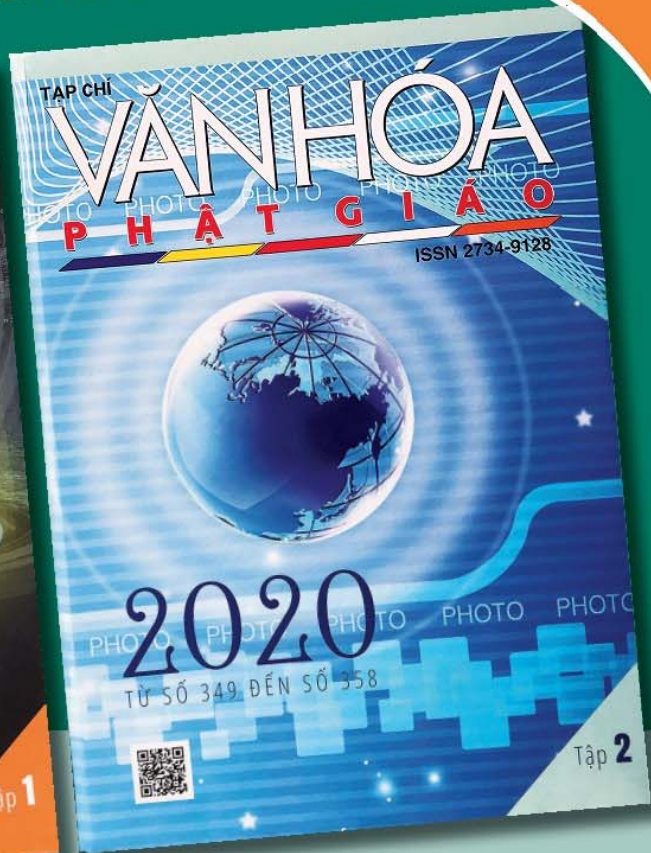
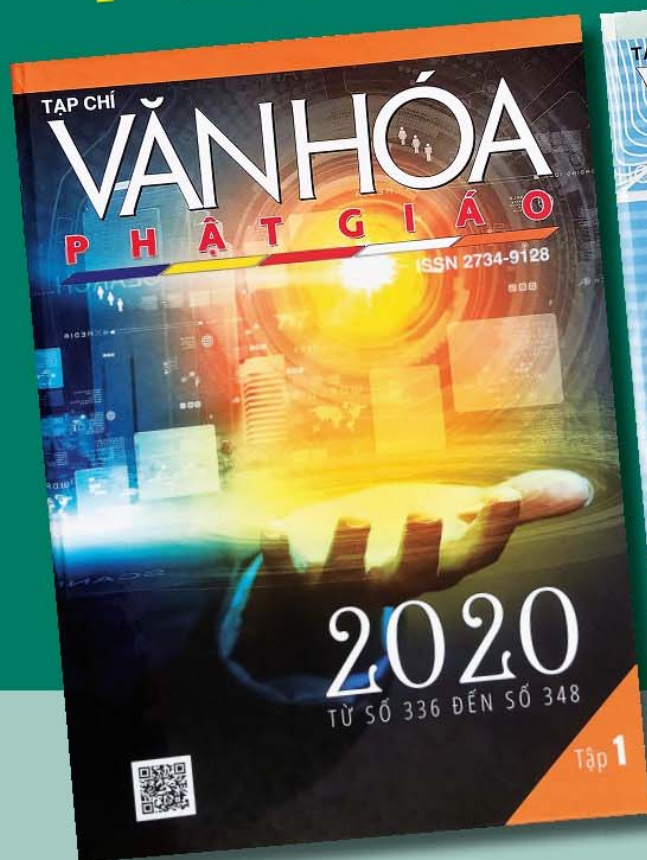
(7*) **Tăng cương** 僧綱 (còn gọi là Tăng quan 僧官) - một chức việc hành chính mà thành viên trong hàng Tăng lữ Phật giáo được bổ nhiệm, nguồn gốc phát xuất từ Trung Hoa, sau đó lan đến Nhật Bản, Hàn Quốc trong đó có Việt Nam, bắt đầu từ năm 971 thời vua Đinh Tiên Hoàng. Ba chức danh thông dụng nhất, xếp từ giai vị trên xuống dưới là Tăng chính (僧正), Tăng đô (僧都), Luật sư (律師).

(8*) **Dã thiên** 野禪: Tiếng dùng trong Thiền lâm. Dùng để ví dụ Thiền tựa hồ như đúng mà thực là sai. Tức là việc làm không khế hợp với chân nghĩa của Thiền mà tự cho là khế hợp. Lời nói này phát xuất từ câu chuyện của Thiền sư Bách trượng Hoài hải đời Đường mở tỏ cho con cáo đồng. Vô môn quan tặc 2 (Đại 48, 293 thượng) chép: Hòa thượng Bách trượng mỗi lần nói pháp, có 1 ông già thường theo chúng tăng vào nghe. Thời thuyết pháp kết thúc, mọi người giải tán và ông già cũng ra về. Bỗng một hôm ông già nán lại, ngài Bách trượng bèn hỏi: “Người nào mà đứng trước đó?” Ông già đáp: “Dạ! Bạch ngài, con không phải là người, vào thời đức Phật Ca diếp ở quá khứ, con từng ở tại núi này. Nhân có người hỏi: Bạch đại đức tu hành còn rơi vào nhân quả hay không? Con trả lời là không rơi vào nhân quả. Do đó 500 đời con đã bị dọa làm thân cáo đồng. Nay xin hòa thượng đáp thay một chuyển ngữ, cứu con thoát khỏi kiếp cáo này.” Rồi ông già liền hỏi: “Bạch đại đức tu hành còn rơi vào nhân quả hay không?” Ngài Bách trượng đáp: “Không mờ nhân quả (bất muội nhân quả).” Ngay câu nói ấy ông già đại ngộ.

(9*) **Vô Khả** 無可: Tức Vô Khả Thiền sư 無可禪師 là Tăng nhân đời Văn Đường, tên tục là Giả Khu 賈區, người Phạm Dương (nay thuộc Trác Châu, Hồ Bắc), là em họ của Giả Đào 賈島. Ông xuất gia từ nhỏ, thường cùng Giả Đào trú tại chùa Thanh Long, sau vân du tới Việt Châu, Hồ Tương, Lư Sơn. Đầu năm Đại Hoà, ông tới tu tại chùa Bạch Các, thường cùng Diêu Hợp 姚合 xướng họa. Ông còn kết bạn với Trương Tịch 張籍, Mã Đái 馬戴. Ông thiện thơ ngũ ngôn, cùng Giả Đào, Chu Hạ 周賀 tề danh. Ông còn giỏi thư pháp, thiện Liễu khai.

(10*) **Bạch Lạc Thiên** 白樂天 chỉ Bạch Cư Dị 白居易 (772-846) tự Lạc Thiên 樂天, hiệu Hương Sơn cư sĩ 香山居士 và Tuý ngâm tiên sinh 醉吟先生, người Hạ Khê (nay thuộc Thiểm Tây). Ông là thi nhân tiêu biểu nhất giai đoạn cuối đời Đường, là một trong những nhà thơ hàng đầu của lịch sử thi ca Trung Quốc. Người ta chỉ xếp ông sau Lý Bạch và Đỗ Phủ.

**ĐANG
PHÁT HÀNH**



**TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
ĐÓNG BỘ TOÀN TẬP 1 & 2 NĂM 2020**

Quý độc giả có nhu cầu liên hệ Tòa soạn:
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 0932 850 969 (gặp cô Xuân)

PHẬT GIÁO
**KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ**



Tứ vô úy theo quan điểm của Thành Thật Luận

Liên Thảo*



“Lúc mê: Có Phật, có pháp. Lúc ngộ, không Phật, không pháp.
Vì ngộ chính là Phật pháp vậy”



Dù các bộ phái phân chia trong Phật giáo, nhưng mỗi bộ phái đều có một quan điểm riêng, căn bản vẫn là tìm sự hoàn thiện cho nhân loại, sự giải thoát đúng chánh pháp mà Phật đã dạy.

Trong Kinh Văn Thù quyền hạ có chép: Ngài Văn Thù thưa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết bàn thì đệ tử của Ngài phân hóa bộ phái như thế nào? Bộ phái căn bản là gì?” Đức Thế Tôn dạy: “Văn Thù, sau này đệ tử của Như Lai có 20 bộ phái, sự kiện này giúp cho sự tồn tại của pháp. Tất cả 20 bộ phái cùng được 4 đạo quả, 3 tạng của họ bình đẳng, không ai hơn kém, như nước biển cả toàn một mùi vị, như người có 20 đứa con.”

Đúng thật như thế, dù các bộ phái phân chia trong Phật giáo, nhưng mỗi bộ phái đều có một quan điểm riêng, căn bản vẫn là tìm sự hoàn thiện cho nhân loại, sự giải thoát đúng chánh pháp mà Phật đã dạy.

Ngài Ma-hê-bạc-ma là học trò của Nhất Thiết Hữu Bộ. Sau khi Phật nhập Niết bàn khoảng 900 năm, học xong Ngài nhận thấy Nhất Thiết Hữu Bộ không phát triển thêm được, Ngài muốn hoàn thiện hơn nên lập tư tưởng A-tỳ-đam luận thư. Thành Thật Luận là một trong những bộ luận được

Ngài tạo ra trong giai đoạn này. Nội dung bộ luận bao hàm rất nhiều vấn đề như: Luận về Phật thân, vô ngã, thọ báo nghiệp... Tuy nhiên, ở đây Tứ vô úy là một tinh thần tự tại, vô ngại mà trường hợp nào trong quá trình tu tập và hành đạo cũng đều cần đến. Từ đặc tính Tứ vô úy đủ để thấy được tấm gương sáng của Đấng Cha lành, một hình ảnh tuyệt vời có một không hai trong lịch sử loài người, là Đấng Trượng phu cao tột, Đức Phật rất tự tại, luôn xuất hiện với chúng sanh bằng nụ cười hiền từ. “Như Lai đã thoát khỏi mọi trói buộc, dẫu ở cảnh trời hay cảnh người. Các con cũng vậy, hỡi các Tỳ khưu, đã vượt ra khỏi mọi thăng trầm” (Mahāvagga I.10).

TIN PHẬT BẠC CÓ ĐỦ TỨ VÔ ÚY

Đức Phật là một con người có nhân cách đặc biệt siêu phàm, có một không hai trong lịch sử của nhân loại. Một nhà văn hào châu Âu nhận định: “Không có nơi nào trong thế giới tôn giáo, sùng bái và tín ngưỡng mà chúng ta có thể tìm thấy một vị Giáo chủ chói sáng như thế! Trong hàng

loạt các vì sao, Ngài là vì Tinh tú khổng lồ, vĩ đại nhất. Một số các khoa học gia, triết gia, các nhà văn hóa đã tuyên bố về Ngài “Con người vĩ đại nhất chưa từng có”. Ánh hào quang của vị Thầy vĩ đại này soi sáng cái thế giới đau khổ và tối tăm, giống như ngọn Hải Đăng hướng dẫn và soi sáng nhân loại” (Phật giáo dưới mắt các nhà trí thức) [1].

Hiểu chữ Phật là do chữ Phạn Bouddha phiên âm ra. Hán dịch là Giác giả, nghĩa là bậc Giác ngộ sáng suốt hoàn toàn về ba phương diện: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn [2]. Vậy tin Phật là tin thế nào? Như trong Luận Đại Thừa Khởi Tín có nói: “Tin Phật là Bạc có vô lượng công đức, thường niệm (nghĩ, nhớ), gần gũi, cúng dường, cung kính, để phát khởi căn lành, mong cầu Nhất thiết trí” [3].

Chúng ta tin ở Phật là bậc Chân trí, đối trước Ngài, ta quyết định sanh tâm thanh tịnh, vì trí Phật đối với chúng sanh là cao cả. Ngài là người duy nhất có đủ khả năng để chỉ đường cho ta tìm về giải thoát mà thôi. Không tu theo Phật

mà muốn được như Phật thì chẳng khác nào cát mà muốn nấu thành cơm, dầu nấu đến trăm ngàn kiếp cũng không khi nào nấu cho chín được.

Khi chưa ngộ, chúng ta phải có điểm trụ một cách đáng tin cậy, đó là gương sáng của Như Lai. Đồng thời, cũng nên biết rằng: Trong chúng ta, ai cũng có khả năng thành Phật. Có câu: “*Lúc mê: Có Phật, có pháp. Lúc ngộ: Không Phật, không pháp. Vì ngộ chính là Phật, pháp vậy*” [4]. Chúng ta nên xác nhận một cách trung thực rằng: Sự chứng ngộ chúng ta chưa có, mà chỉ biết qua lý thuyết của Kinh điển... mà thôi, thế lấy cớ gì chúng ta không tin có Phật?

Như trong Thành Thật Luận có nói; Đức Phật gọi là bậc Người tự nhiên, đem Nhất thiết chủng trí biết tất cả tự tướng của các pháp sai khác; lia tất cả điều chẳng lành; nhóm tất cả điều lành, thường cầu lợi ích cho tất cả chúng sanh, nên gọi là Phật [5].

Thấy được Phật là bậc Tối thắng biết khắp, thân vô ngại tự tại, tức tự tại dung thông không chướng ngại, như các ánh sáng hòa cùng nhau trên một không gian rộng lớn, mà không hề trở ngại gì cả. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: *Do thân nghiệp của Phật hoàn toàn thanh tịnh, nên thân ấy có vô lượng tướng, tướng ấy có vô lượng tướng tốt, căn căn viên dung, khắp khắp tự tại, mười thân rõ khắp, không hoại, không tạp lẫn* [6].

Đức Phật của chúng ta có đầy đủ mười danh hiệu [7], tám tướng thành đạo [8], mười vấn đề tự tại [9], tam minh, lục thông và thành tựu ngũ phần pháp thân [10], Tứ

vô sở úy,...tin như thật như thế. Đồng thời, cũng tin rằng: Mình với Phật không có hai thể, chỉ do vô minh che lấp mà có thân chúng sanh, thân Phật phân biệt như thế thôi. Phải tin rằng: Mình có đủ khả năng thể nhập lại với tâm thường hằng thanh tịnh bằng những phương tiện mà Phật dạy qua Kinh điển. Bởi Phật là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.

TÌM HIỂU VỀ KHÁI NIỆM TỨ VÔ ÚY

Tứ vô úy còn gọi là Tứ vô sở úy, là bốn sự tự tin; không sợ hãi và dừng mãnh, an ổn của chư Phật, chư Bồ tát khi thuyết pháp.

Tứ vô sở úy bao gồm:

1. Chư Pháp hiện đẳng giác vô úy. Nhất thiết trí vô sở úy, Chánh đẳng giác vô úy, đối với các pháp đều giác biết, trụ trong chánh kiến không khuất phục điều gì. Có sự tự tin, không sợ hãi. Chánh đẳng giác vô úy, lấy tập trí làm tánh, đồng thể với xứ vô xứ trí lực trong thập lực.
2. Nhất thiết lậu tận trí vô sở úy, còn gọi là Lậu tận tận vô sở úy, tức là đoạn tận phiền não, nên không có sự sợ hãi đối với tất cả sự chướng ngại bên ngoài.
3. Khi gặp các chướng ngại và hành pháp bất thối chuyển quyết định thành tựu, còn gọi là Thuyết pháp không chướng đạo vô úy. Nói rộng pháp tu hành về sự chướng ngại, đồng thời không sợ hãi đối với bất cứ một sự trở ngại nào.
4. Chứng như thiết trí, xuất đạo như tánh thanh tịnh vô sở úy, còn gọi là Thuyết xuất đạo vô sở úy, Thuyết tận khổ đạo vô sở úy, xuất khổ đạo vô sở úy, thuyết giảng đạo xuất thế, không hề sợ hãi điều gì.

Đức Phật từng nói với ngài Ca-diếp: “*Này Ca-diếp, được nói là Sư tử, là chỉ cho Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Như Lai, khi ở giữa đại chúng tuyên bố chánh pháp một cách rộng rãi, tự tại, vô úy. Do đó được gọi là Sư tử. Thế nào, Ca-diếp, Như Lai khi rống tiếng Sư tử, lúc ấy không dừng mãnh sao? Chớ nghĩ như vậy. Như Lai ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử một cách dừng mãnh, Ca-diếp, người bảo rằng Như Lai ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử một cách dừng mãnh, nhưng không thể thuyết pháp chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Như Lai ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử một cách dừng mãnh và thuyết pháp một cách thiện xảo*” [11].

Như Lai ở giữa đại chúng dừng cảm, Vô úy mà cất tiếng rống sư tử, thuyết pháp một cách thiện xảo, những người đến hội thấy nhất tâm lắng nghe và hoan hỷ tín thọ, đồng thời thì thiết cúng dường. Họ cũng có thể sau đó cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo, đạt cứu cánh phạm hạnh, đến chỗ an ổn, vô dư Niết bàn.

Vô úy chính là sự tự tại, dừng cảm, tự tin... biện tài vô ngại trước bất kỳ hoàn cảnh nào để thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh bình an, hoan hỷ, cúng dường, đồng thời có thể xuất gia tu tập hạnh giải thoát vậy. Đức Thế Tôn từ nhiều kiếp lâu xa đến nay tâm luôn hằng rộng lớn, các Ngài đã chứng đắc Như thiết trí thì không làm sao khiến nhục được. Nếu nói về kinh thơ, nghị luận... khéo dùng lời lẽ vô ngại biện tài, thiện xảo khéo léo, trí huệ vô lượng không ai có thể vượt qua Ngài. Nếu chọn về bốn điều Luật pháp là:



Như trong Luận Đại Thừa Khởi Tín có nói: “Tin Phật là Bạc có vô lượng công đức, thường niệm (nghĩ, nhớ), gần gũi, cúng dường, cung kính, để phát khởi căn lành, mong cầu Nhất thiết trí”.

1. Trụ - Chánh - Bảo
2. Thọ nhân và Phi nhân
3. Năng thọ thí dụ
4. Trụ trong luật pháp” [12].

Bốn điều trên Đức Như Lai không thể không có, chính vì vậy, dù là thiên nhơn tài giỏi đến mức nào, không ai có thể thắng được Ngài. Đức Phật nói có hai nghĩa để: Để thế và đệ nhất nghĩa. Đối với đệ nhất nghĩa để thì người trí không thể thắng Phật, còn đối với kẻ tà đạo, phàm phu, vô trí thì Phật không cần đối đáp với họ. Phật không hề cùng người đời tranh cãi nên họ chẳng thể phá hoại được.

Thắng thế của Đức Phật là trong quá trình thuyết pháp hoặc gặp các nhà ngụy biện ngoại đạo, họ đa phần dựa vào luận thư mà bàn cãi. Nhưng Phật thì không như thế, Ngài sử dụng Chân Thật Luận, vì vậy không ai có khả năng phá hoại được Phật.

Về mặt Trí đức và Đoạn đức như đã nói trên, thì Phật đã chứng được Vô úy. Hơn thế, Ngài còn điều Vô úy nữa là nói pháp chướng đạo và nói đạo hết khổ, đây là Trí đoạn cũng gọi là Nhất thiết trí vô úy. Pháp chướng đạo ở đây Phật nói chẳng hạn như Dục là chướng đạo, mà có người không chấp nhận như thế, đó là hạng người thiếu trí. Nhưng nếu hành giả tu tập mà không đoạn trừ được các pháp chướng đạo này thì không lấy đâu ra sự hạnh phúc, an vui chân thật.

TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG TỨ VÔ ÚY

Tứ vô úy chính là hành trang, là áo giáp giúp cho Đức Phật cũng như những hành giả đứng vững trên mọi lĩnh vực, mọi hoàn cảnh để thuyết pháp lợi sanh. Ngài tùy cơ mà giáo hóa chúng sanh không quản ngại cho dù đó là những

chúng sanh “cứng đầu” của ngoại đạo tà giáo cũng không lấy làm khó. Chỉ cần đủ duyên thì đều có thể làm được.

Trong Kinh Duy Ma, Bồ tát hành theo con đường của Phật chính là sử dụng Tứ vô úy để làm thông suốt đường đi của Phật. Làm thông suốt như thế nào? Theo những đường không phải nên đi thì gọi là thông suốt đường đi của Phật, tức là làm năm tội vô gián mà lại không quấy phá tức giận. Đến địa ngục mà lại không có dơ bẩn của tội ác, đến súc sanh mà lại không có ngu muội; đến Tu la mà lại không có kiêu ngạo; đến Nga quì mà lại hoàn thiện công đức. Đi theo đường đi cõi Sắc và Vô Sắc mà lại không cho là siêu việt. Thị hiện tham dục mà lại xa rời nhiễm trước. Thị hiện sân hận mà lại không tức giận chúng sanh. Thị hiện ngu si mà lại thuần hóa tâm tính bằng trí tuệ. Thị hiện tham lẫn mà lại xả bỏ của trong, của ngoài, tính mạng cũng không tiếc. Thị hiện phạm giới mà lại đứng yên trong tịnh giới, đến nổi lỗi nhỏ cũng sợ lớn. Thị hiện giận dữ mà lại thường từ bi, nhẫn nhịn. Thị hiện biếng nhác mà lại nỗ lực tu tập công đức. Thị hiện loạn động mà lại thường xuyên chánh niệm, chánh định. Thị hiện ngu si mà lại thông suốt trí tuệ thể gian xuất thế. Thị hiện dua nịnh, dối trá mà lại khéo léo phương tiện, tùy theo ý nghĩa trong kinh. Thị hiện kiêu ngạo mà lại đối với chúng sanh thì in như cầu đường. Thị hiện phiền não mà lại tâm thường thanh tịnh. Thị hiện ma quân mà lại thuận với trí tuệ của Phật, không theo sự chỉ dạy của người khác. Thị hiện thanh văn mà lại nói cho chúng sanh những pháp chưa nghe. Thị hiện

duyên giác mà lại thành tựu đại bị, giáo hóa chúng sanh. Thị hiện bản cùng mà lại có bản tay ngọc, công đức vô tận. Thị hiện thân hình tối tàn mà lại đủ các tướng hảo để tự trang nghiêm. Thị hiện thấp hèn mà lại sanh trong dòng dõi của Phật, đủ mọi công đức. Thị hiện ốm yếu, xấu xí mà lại được thân Na la diên, chúng sanh ai cũng thích nhìn. Thị hiện già bệnh mà lại vĩnh viễn chặt đứt gốc rễ bệnh tật, vượt khỏi sự sợ hãi về sự chết. Thị hiện có tài sản mà lại thường xét vô thường, thật sự không ham gì cả. Thị hiện có vợ, có thiếp, có thể nữ, mà lại thường rời xa bùn lầy năm dục. Thị hiện dần dần mà lại thành tựu hùng biện, nhớ hết không quên. Thị hiện sự cứu vớt theo tà pháp mà lại cứu vớt chúng sanh bằng chánh pháp. Thị hiện nhập vào sanh tử mà lại cắt đứt nhân tố sanh tử. Thị hiện nhập vào Niết bàn mà lại không cắt đứt sanh tử.

Đó là những thị hiện của chư Phật, chư Bồ tát tại vô ngại, ứng hóa khắp để phổ độ chúng sanh mà không hề dính mắc, như hoa sen mọc giữa bùn nhơ vậy.

HỌC VÀ HÀNH TỨ VÔ ÚY

Nền tảng để hành giả học được Tứ vô úy

Hành giả muốn tu để đạt được Tứ vô úy, hẳn nhiên đòi hỏi chúng ta

phải thực hiện những gì Phật làm để được có đủ công đức như chư Phật. Phật có công đức này thì hàng Thánh và phàm phu cũng đều có được. Có ba thứ chung với hàng Thánh, Thanh văn mà ai thực hành các hạnh sau đều có thể thành tựu:

Hạnh vô tránh: Lấy tục trí làm thể. Đây là hạnh khiến kẻ khác không vì duyên với thân mình mà sinh lòng tham giận... Hàng Thánh vô học quán thấy chúng sanh bị khổ là do phiền não, rồi tự nhìn lại thân ta đã ở hàng phước điền tối thắng, thể mà nếu có kẻ khác duyên vào thân ta sanh phiền não, tham, giận... thì đó là điều thật đáng đau xót. Nhờ suy nghĩ như vậy phát sinh trí tuệ, duyên vô tránh. Khi trí này phát sinh thì khiến cho kẻ khác không còn duyên nơi thân mình sinh ra tham, giận nữa.

Nguyên trí: Trước có nguyên sau mới dẫn sinh ra diệu trí. Khi vị Bất động A-la-hán muốn phát khởi nguyên trí này, thì trước phát lòng thành khẩn mong muốn biết đến cảnh giới cần biết, rồi tiếp tục cố gắng thuận, nghịch ra vào bốn Thiền, bốn Vô Sắc, định nhờ đó dẫn sanh Thánh trí đúng như sở nguyện, đối với cảnh giới cần biết, thì biết được rõ ràng, đúng như thật.

Bốn vô ngại giải: Pháp vô ngại giải, hiểu một cách quyết đoán, về ngôn giáo năng thuyên; Nghĩa vô ngại giải, hiểu một cách quyết đoán về nghĩa lý sở thuyên; Từ vô ngại giải, hiểu một cách quyết đoán về các loại ngôn từ, cú pháp; Biện vô ngại giải, hiểu một cách quyết đoán những ngôn thuyết phù hợp chánh lý, định tuệ khởi lên ngôn thuyết đó. Bốn vô ngại giải cũng lấy trí làm thể.

Ba công đức trên trong hàng Thanh văn cũng có, nhưng không rốt ráo thanh tịnh bằng Phật. Những công đức mà hàng phàm phu cũng có được như Phật là: Sáu Thông, bốn Tịnh lự, bốn Vô sắc, tám Đăng chí, ba Tam ma địa, bốn Vô lượng tâm, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ...

Tóm lại, nguyên nhân của giác ngộ không ngoài những trí có khả năng thành tựu và những công đức được thành tựu từ trí. Như vậy, trí tuệ đối với kết quả giác ngộ thật là chính yếu. Trí tuệ do từ sức gia hạnh hữu lậu dần dần phát đạt cho đến tận trí vô sinh trí, bèn chứng được các Thánh vị trong bốn hướng, bốn quả, cho nên nói trí tuệ là nguyên nhân gần của Thánh vị giác ngộ.

Tứ vô úy là cung bậc duy nhất để hành giả đứng ở quả vị giác ngộ

Pháp Vô Úy mà Ngài đạt được, chúng ta nên thực tập từ nội tâm đến hình thức, mong sao giáo nghĩa vô biên, thậm thâm vi diệu ấy thấm sâu vào tâm thức, giúp chúng con thực hành không lệch lạc.



Từ ngàn xưa, các Đức Phật dù quá khứ hay hiện tại đều là những bậc chứng đắc Tứ vô úy. Chư Phật tự tại phóng đại quang minh trùm khắp muôn ngàn thế giới độ tận tất cả chúng sanh. Giá như có một hành giả nào tu hành muốn thành chánh giác mà đối trước các duyên đều sanh lòng sợ hãi, không thể thuyết pháp, không thể vấn đáp Phật pháp với mọi người, như thế có thể thành tựu công đức Phật chăng? Không thể được. Vì sao? Bởi trong quá trình tu tập, chắc chắn sẽ có rất nhiều người đến vấp nạn, nhất là các nhà ngoại đạo. Chính vì vậy, hành giả không thể không nắm chắc Phật pháp và lại càng không thể rụt rè trước họ, Phật pháp phải được hoằng truyền cho tất cả chúng sanh, tiếp nối mạng mạch cho hậu thế... cho nên nói: *“Tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức”* là vậy.

Chúng ta tu tập, nếu không tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức, không tạo thiện nghiệp, không bỏ ác nghiệp, sám hối lỗi lầm xưa sao có thể gọi là tu được? Tu còn không được huống là thành tựu chánh giác, thật là xa vời. Nhưng nếu thực hành các thiện pháp, thực hiện Ba-la-mật trên mọi nẻo, thì hành giả đó đang tu tập để đạt Tứ vô úy vậy.

*“Vị A-la-hán, tính khí an nhiên
Như đám đất lớn, không còn
cuồng nộ
Như cột trụ to, không còn lay động
Như hồ nước sạch, không còn bùn
dơ
Không còn luân hồi, là chính các
vị”* [13].

Được quả vị giác ngộ tức là bậc A-la-hán tối thắng, tự tại vô ngại dẹp bỏ tam độc: Tham, sân, si. Vững chãi, thành thoi, vô cùng

thanh tịnh. Đó chính là Tứ vô úy đã thành tựu, tức đây là Đẳng Đại giác. Vậy nên nói, Tứ vô úy là cung bậc duy nhất để hành giả đứng ở quả vị giác ngộ.

*“Mặt trời chiếu sáng ban ngày.
Mặt trăng rạng tỏ ban đêm
Nhưng giáp và gươm đao, chói
sáng nhà vua khi lâm trận
Lúc thiền định, hào quang chư
Phạm Thiên chiếu sáng.
Nhưng ngày như đêm, Đức Phật
rực rỡ, sáng lòa trong vinh hạnh”.*
(Pháp Cú Kinh)

Có thể nói, Đức Như Lai là Đẳng Đại giác, là bông hoa đẹp nhất, tỏa ngát hương thơm trong vườn hoa nhân, thiên. Hương thơm ấy tỏa khắp ba cõi, sáu đường, nơi nào có bước chân Ngài đến thì giáo pháp ngân vang trong tiếng Sư tử chửa, thậm thâm nhiệm mầu giải thoát. Dù là kẻ ác hay người thiện, không ai Ngài không độ. Sau khi ánh đạo vàng bùng tỏa, Ngài vận dụng sức Từ đi khắp nơi thuyết pháp, độ sanh với tinh thần Vô úy tự tại, Ngài chỉ rõ cho chúng sanh hướng đi đến giải thoát, nơi nào là đường dữ, Ngài dạy ta dừng đến, chỉ rõ pháp ngăn Đạo mà hướng đến Niết bàn.

Đức Thế Tôn đã chứng được Nhất thiết trí, Nhất thiết lậu tận, Năng nói chương Đạo và Đạo hết khổ, đó là bốn Pháp để Ngài có đủ năng lực vô ngại tự tại, không sợ hãi bất cứ thứ gì. Đây là hành trang để cho bất kỳ ai có khả năng tu hành và làm lợi ích chúng sanh. Chính vì thế, hàng hậu học chúng ta tuy là xuất gia nhưng gặp thời quá xa Đức Phật, kẻ thế trí biện thông thì quá nhiều, tham, sân, si thì chưa dẹp hết, giấc phiền não ngày đêm đe dọa, chuyện vô thường không

tránh được ngày mai. Nếu chúng ta không tin, mà học hạnh Ngài, âu cũng khó đến bờ giải thoát.

Pháp Vô úy mà Ngài đạt được, chúng ta nên thực tập từ nội tâm đến hình thức, mong sao giáo nghĩa vô biên, thậm thâm vi diệu ấy thấm sâu vào tâm thức, giúp chúng con thực hành không lệch lạc. Đường về chánh giác còn xa, mà nghiệp lực quá ư dày đặc, tự lực khó thành, phải nương nhờ sức Tam bảo hộ trì. Hạnh Đại thừa nguyện theo Như Lai học tập những mong đạt Tứ vô úy, đem lợi lạc đến cho nhân loại đang chìm đắm trong sanh tử luân hồi khổ đau.

Chú thích:

* Liên Thảo: Nghiên cứu sinh.

- [1] Thích Viên Giác (2000), *Sự Vĩ Đại Của Đức Phật*, Trang Nhà Đạo Phật Ngày Nay.
- [2] Thích Thiện Hoa (2007), *Phật Học Phổ Thông* (quyển I), Nxb Tôn giáo, tr.58.
- [3] Bồ tát Mã Minh - Thích Thanh Từ (2004), *Luận Đại Thừa Khởi Tín giảng giải*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.285.
- [4] Thích trí Tịnh (1973), *Bồ Đề Đạt Ma Ngộ Tánh Luận*, chùa Vạn Đức Thủ Đức ấn tống, tr.32.
- [5] Thích Trí Nghiêm (dịch) (1970), *Thành Thật Luận*, Tỳ kheo Thích Đăng Quang ấn tống, tr.4.
- [6] Kinh Hoa Nghiêm.
- [7] Mười danh hiệu là: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.
- [8] Tám tướng thành đạo là: Giáng sinh, thọ thai, trụ thai, đản sanh, xuất gia, thành đạo.
- [9] Mười vấn đề tự tại: Thọ, tâm, chúng cụ, nghiệp, sinh, thắng giải, nguyện, thần lực, trí, pháp.
- [10] Ngũ phần pháp thân là: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.
- [11] Kinh 25.Trường A Hàm, Lỗa Hình Phạm Chí.
- [12] Thích Trí Nghiêm (dịch) (1970), *Sdd*, tr.11.
- [13] Thích Trí Quang (2001), *Trích Pháp Cú Nam Tông*, Nxb Tôn giáo, tr.461.



Trải nghiệm khóa Thiền Vipassana



Minh Duyên



Một người nghe người khác kể về một món ăn. Rồi suy nghĩ về món ăn rất ngon, sinh tâm thèm thuồng. Nhưng nếu người đó không tự ăn thì sẽ không hiểu món đó ngon thế nào. Cũng vậy, chỉ khi bạn hành Thiền thì mới biết được vị ngọt của Thiền.

Tôi có duyên may biết đến pháp thiền Vipassana từ một người bạn đang du học tại Ấn Độ. Sinh ra trong gia đình truyền thống Phật giáo, tôi đã được nghe đến pháp Thiền này. Đến khi sang Ấn Độ, tôi được biết có trung tâm thiền Vipassana và thế là không suy nghĩ nhiều, tôi đăng ký tham dự.

Tôi xin chia sẻ về kinh nghiệm dự khóa Thiền 10 ngày ở Trung tâm Dhammabodhi, cách Thánh địa Bồ đề Đạo tràng khoảng 6km. Trung tâm này do Thiền sư Goenka sáng lập. Thiền sư Goenka (1924-2013) sinh ra tại Miến Điện trong một gia đình Hindu gốc Ấn. Ông thọ giáo thiền Vipassana với Thiền sư U Ba Khin. Sau đó, ông đến Ấn Độ thành lập trung tâm Thiền đầu tiên vào năm 1976. Đến nay, có hơn 170 trung tâm Thiền trên khắp

thế giới và hơn 1300 Giáo thọ sư. Điều đầu tiên là Thiền sinh phải chấp nhận các quy định của trung tâm. Trong đó, có việc tạm dừng việc thực hành tín ngưỡng, tôn giáo hay các phương pháp Thiền khác nếu Thiền sinh đã học. Điều này không nhằm chê bai, hạ thấp những truyền thống khác, mà chỉ nhằm thực hành pháp thiền Vipassana một cách khách quan, công bằng. Nếu bạn thấy hiệu quả thì hãy tiếp tục. Sau 10 ngày, Thiền sinh có thể tự do thực hành theo truyền thống của mình khi rời trung tâm.

Ngày đầu tiên của khóa Thiền, Thiền sinh được yêu cầu phát nguyện giữ sự “im lặng thánh thiện” (noble silence), tức là im lặng trong suốt 10 ngày. Thiền sinh chỉ được phép trao đổi với Ban Quản trị và vị Giáo thọ. Tiếp

theo Thiền sinh được hướng dẫn quy y Tam bảo và thọ trì Ngũ giới. Quy y Tam bảo là trở về nương tựa Phật - Pháp - Tăng. Goenka giải thích đây không phải là một nghi thức tôn giáo mà là sự nương tựa vào trí tuệ giác ngộ và chân lý. Còn Ngũ giới tức là năm điều đạo đức: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Năm điều này phải được tuân thủ trong suốt khóa Thiền.

Một điều hữu ích là các bài giảng của Thiền sư Goenka được ghi âm và dịch ra nhiều ngôn ngữ, trong đó có tiếng Việt.

Bài tập đầu tiên là thiền Anapana, tạm dịch là Quán niệm hơi thở. Thiền sinh được dạy chú tâm vào hơi thở, sự xúc chạm của hơi thở với môi trên, cửa mũi, cánh mũi,



ổng mũi. Chỉ chú tâm quan sát tự nhiên, không cố tình điều tiết hơi thở. Chỉ quan sát, cảm nhận mà thôi. Đến đây chắc chắn bạn sẽ hỏi nếu tâm tán loạn thì sao. Đây là vấn đề phổ biến nhất của tất cả người tập Thiền. Thiền sinh được dạy không phản ứng lại các tạp niệm đó mà cứ tiếp tục trở về quan sát hơi thở. Xem đây như điều bình thường. Vì các phản ứng chỉ gây thêm khổ não mà thôi.

Ngày hôm sau, khóa Thiền 10 ngày mới chính thức bắt đầu. Với lời dạy trước đó về Anapana, Thiền sinh tiếp tục hành trì Quán

niệm hơi thở. Từ 4h, những người công quả rung chuông báo thức. Đến 4h30, các Thiền sinh vân tập về Thiền đường để Toạ thiền. Đến 6 giờ, trung tâm sẽ bật những bài tụng kinh của Thiền sư Goenka. Lời kinh trầm bổng, du dương trong không gian tĩnh lặng, hoà cùng tiếng chim hót buổi bình minh giúp Thiền sinh lắng đọng tâm tư trở về với hơi thở chánh niệm. Khoảng 6h30 là giờ điếm tâm, Thiền sinh tập trung xếp hàng lấy thức ăn ở trai đường. Mỗi người nhận một khay ăn và muống, nĩa. Tất cả thức ăn ở trung tâm Thiền đều là đồ chay thanh

đạm, chế biến theo khẩu vị Ấn Độ. Sau khi dùng điếm tâm, Thiền sinh trở về phòng nghỉ. Đến 8h, giờ hành thiền lại đến, kéo dài 1 tiếng. Sau đó là buổi tham vấn. Vị Giáo thọ sẽ gọi tên từng người và hỏi về tiến trình thực tập. Không có sự đồng nhất trong trải nghiệm của các Thiền sinh. Có những vấn đề phát sinh trong việc tu tập mà vị Giáo thọ sẽ gợi ý những giải pháp đối trị. Sau buổi tham vấn, các Thiền sinh tiếp tục tự thực hành.

Đúng 11h là giờ ăn trưa. Đây là bữa ăn cuối cùng trong ngày. Vì

buổi chiều, Thiền sinh mới được phép uống sữa và ăn nhẹ, còn Thiền sinh cũ chỉ được dùng nước chanh. Sau giờ nghỉ trưa, Thiền sinh sẽ bắt đầu Hành thiền từ 13h30 đến hết buổi chiều. Xen lẫn các buổi Hành thiền là bài hướng dẫn ngắn để Thiền sinh ôn lại phương pháp.

Ngày đầu tiên là ngày khó khăn nhất vì Thiền sinh phải từ bỏ rất nhiều thói quen hằng ngày như lướt điện thoại, xem TV, tán gẫu, ăn vặt, ăn chiều, ngủ quá giấc... Rồi kể đến phải tập ăn chay, bỏ hút thuốc, bỏ rượu. Tuy nhiên, thử thách đó không bằng cái cảm giác đau nhức trong lúc Hành thiền. Cái đau khủng khiếp tới mức người ta muốn bỏ chạy. Chính tôi khi ấy đã tự hỏi tại sao mình đến đây để chịu đựng cơn đau. Vì tôi cứ nghĩ Thiền là mang đến hỷ lạc trong tâm. Khi tôi trình bày với vị Giáo thọ, thầy ấy chỉ bảo đó là bình thường, cứ tiếp tục chăm chỉ thực tập. Rồi tôi hiểu rằng, chúng tôi, những Thiền sinh, như con ngựa hoang vùng vẫy khi bị thuần phục. Bình thường, chúng tôi đã quen với cái tâm tán loạn, suy nghĩ liên hồi, tập niệm không dứt. Giờ đây khi Hành thiền tức là muốn cái tâm đó an trụ, thì nó lập tức phản đối gây ra những cơn đau dữ dội. Thiền sư Goenka so sánh khoá Thiền như cuộc phẫu thuật. Ngày đầu tiên bệnh nhân đau đớn khi vết cắt bắt đầu. Nhưng dần dần cơn đau sẽ dịu đi. Cho nên Thiền sinh hãy kiên nhẫn, vì quả ngọt của Hành thiền sẽ đến nếu bạn thực hành chăm chỉ.

Đến 19h là giờ pháp thoại. Các Thiền sinh sẽ nghe bài giảng được ghi âm của Thiền sư Goenka khoảng một tiếng. Nội dung bài

giảng xoay quanh phương pháp Hành thiền, luôn gắn kết với tiến trình tu tập, giáo lý của Phật giáo và những câu chuyện về Đức Phật được giảng với tính cách phi tôn giáo. Thiền sư Goenka chủ trương chỉ giảng về Dhamma (pháp) tức là chân lý. Chân lý thì có giá trị phổ quát, là định luật tự nhiên, không phân biệt tôn giáo, chủng tộc, giai cấp. Thực sự thì thiền Vipassana do Đức Phật giảng dạy nhưng không có nghĩa là chỉ dành cho người Phật tử. Người theo các truyền thống khác có thể đến thọ học mà không cần lo lắng về việc cải đạo. Hãy cứ giữ tôn giáo của mình và thực hành pháp Thiền một cách khách quan, bạn sẽ nhận được lợi ích.

Thiền sư Goenka gọi Vipassana là con đường dẫn đến trí tuệ. Con đường này gồm ba phần Giới - Định - Tuệ (Sila - Samadhi - Panna). Giới hạnh (Sila) là nền tảng đầu tiên của sự tu tập. Năm giới mà Thiền sinh đã phát nguyện giữ gìn trước khi khoá Thiền bắt đầu là bước đầu tiên của đạo lộ. Căn bản càng vững chắc thì sự tiến bước càng hiệu quả. Thiền sư Goenka giải thích Thiền sinh không thể định tâm khi mà đời sống đạo đức còn ô nhiễm. Hãy thử nghĩ một người hiếu sát, trộm cắp, tà hạnh, lừa dối và say xỉn thì cả thân và tâm luôn bất an lo sợ, thần trí bất minh. Ngay điểm đó ta thấy họ không thể tiếp bước Hành thiền. Bạn đừng nghĩ, năm giới là những điều răn tôn giáo mà là sự bảo hộ cho đời sống tinh thần của chúng ta. Chỉ cần tuân thủ năm giới là ta đã có rất nhiều lợi lạc.

Khi đã có Giới, thì Thiền sinh tiếp tục thực hành Định (Samadhi). Định là sự an trú tâm. Thiền

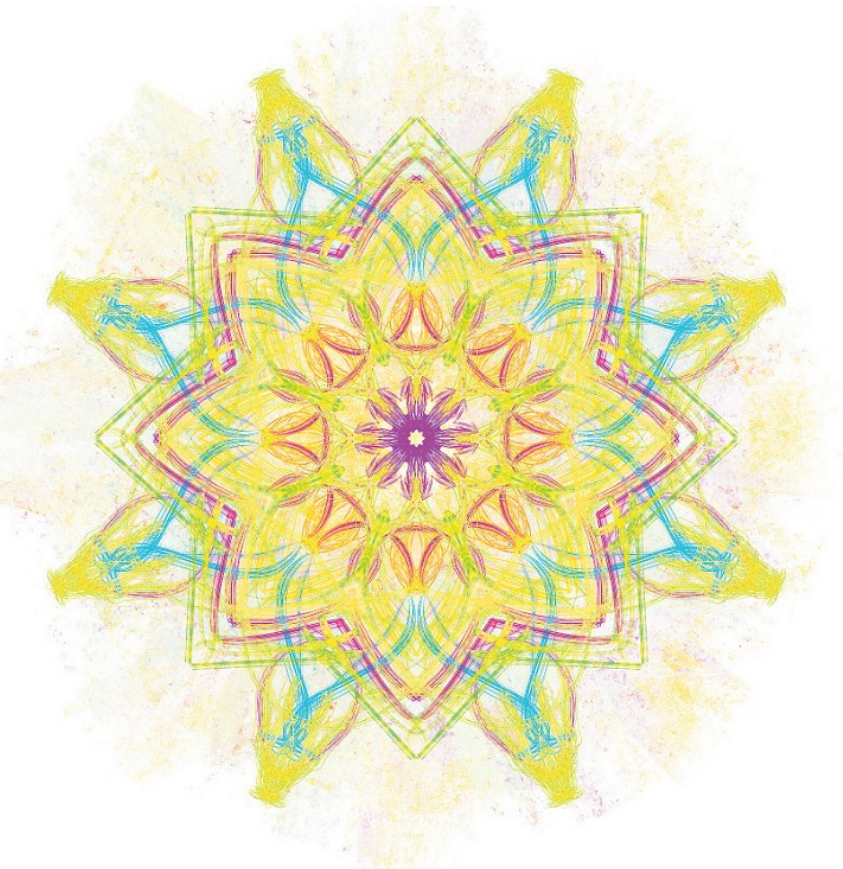
Anapana hay Quán niệm hơi thở là cách để đạt được Định. Theo Thiền sư Goenka, việc chuyên chú quan sát hơi thở đưa Thiền sinh trở về tiếp xúc với sự thật tối hậu (ultimate truth). Chúng ta luôn luôn thờ nhưng hầu như quên mất hơi thở. Khi ta cảm nhận hơi thở, tâm ta sẽ nhạy bén hơn. Sánh ví như tập thể dục, thực hành Thiền định đưa cái tâm dờ dẩn trở thành cái tâm minh mẫn. Pháp thiền dạy ta không can thiệp vào hơi thở, chỉ quan sát mà thôi, hãy để cho nó tự nhiên. Dần dần ta tập được tính khách quan, không phản ứng. Ngày đầu tiên, Thiền sinh chỉ làm việc ở khu vực cửa mũi. Sang ngày 2 và ngày 3, Thiền sinh sẽ mở rộng phạm vi quan sát là vùng tam giác trên gương mặt với môi trên, cả vùng mũi. Càng ngày tâm sẽ trở nên vi tế và bén nhạy hơn.

Ngày thứ tư là ngày quan trọng nhất. Thiền Vipassana chính thức được giảng dạy. Từ đây Thiền sinh sẽ bước vào lĩnh vực của Tuệ (Panna). Phương pháp thiền Anapana trong những ngày đầu chính là nền tảng để thực hành Vipassana. Từ đây Thiền sinh sẽ được hướng dẫn quán cảm thọ theo thứ tự từ đỉnh đầu, xuống mặt, sau gáy, hai cánh tay và khắp toàn bộ cơ thể cho đến các ngón chân. Cảm thọ là bất cứ cái gì ta cảm giác được. Nóng, lạnh, ngứa ngáy, cái xúc chạm của da với quần áo, tiếng mạch đập nghĩa là bất cứ cảm giác nào có được. Thiền sinh không cần định danh loại cảm thọ mà chỉ cần cảm nhận. Cảm nhận không bỏ sót phần nào của cơ thể. Cảm nhận khách quan không phản ứng. Có hai loại phản ứng với cảm thọ như khuôn mẫu thói quen của bất kỳ ai là tham đắm sự dễ chịu và ghét bỏ sự khó chịu. Không

phản ứng với cảm thọ là hết sức khó khăn. Thiền sinh cần ngồi một tiếng không đổi tư thế, trải nghiệm những đau nhức bực bội. Bản chất của vạn vật là vô thường (anicca) và vô ngã (anatta). Cảm thọ cũng vậy, nó luôn biến đổi và là giả hợp. Hãy quan sát cái đau và không phản ứng lại. Khi Hành thiền, Thiền sinh sẽ trải nghiệm sự vô thường vô ngã trên chính cơ cấu thân xác chứ không chỉ là lý luận triết học.

Thiền sư Goenka cảnh giác Thiền sinh không được tham đắm cảm giác hỷ lạc khi Thiền định vì bản chất nó cũng vô thường. Chính sự tham đắm là nguồn gốc của đau khổ. Ví như một người nghiện rượu, thực ra người đó thêm cái cảm giác rượu mang lại. Rồi người đó bằng cách này hay cách khác đi tìm rượu để thỏa mãn cơn thèm. Tu thiền là để vượt ra khỏi cái tham đắm. Khi Thiền sinh thỏa mãn với cảm giác hỷ lạc trong Thiền định, rồi cảm giác đó biến mất, Thiền sinh lại tìm kiếm cảm giác đó. Nói cách khác là tâm đã mất thăng bằng, tạo thêm khổ não.

Thước đo của Hành giả Vipassana, theo Thiền sư Goenka, không phải là kinh nghiệm cảm giác nào mà là giữ tâm thăng bằng định tĩnh khi đối diện với bất kỳ loại cảm giác. “Anicca” (vô thường) là từ được lặp đi lặp lại nhiều nhất. Nhằm nhắc nhở Thiền sinh về thuộc tính sinh diệt, biến hoại của cảm thọ. Do đó, Thiền sư cũng nói rõ những ai đến khoá Thiền để tìm kiếm cảm giác sẽ không gặt hái kết quả. Căn cơ của Thiền sinh không đồng, mỗi người sẽ có lộ trình tu tập khác nhau, kinh nghiệm các cảm giác khác nhau.



Không thể so sánh người này với người khác.

Những ngày sau đó, Thiền sinh tiếp tục thực hành Vipassana một cách chăm chỉ. Tâm đã trở nên bén nhạy hơn, ghi nhận cảm giác rõ ràng và vi tế hơn. Theo Thiền sư Goenka, cảm giác có khắp nơi trên thân nhưng vì bình thường tâm ta quá thô thiển nên không nhận ra. Những giờ Hành thiền buổi sáng thật tuyệt vời. Tâm an trú dễ dàng và đạt được niềm an lạc vi tế. Tuy nhiên, những giờ sau đó không dễ chịu chút nào. Tôi thường kinh nghiệm cảm giác ô trược, đau nhức cộng với mệt mỏi. Cái tâm hoang dại đang được thuần hoá. Thói quen phản

ứng mà tôi đã tích lũy bao nhiêu năm bao nhiêu kiếp nay đang dần thay đổi. Đương nhiên không thể thành tựu chỉ trong một khoá thiền. Kiên nhẫn và bền bỉ là chìa khoá để thành công.

Sẽ có những chương ngại trong sự hành trì. Ngoài hai phản ứng thông thường là tham đắm và sân hận, một chương ngại rất thường thấy là hôn trầm tức buồn ngủ. Có nhiều nguyên nhân, nếu bạn thiếu ngủ thì hãy ngủ đủ giấc. Nếu do ăn quá no thì hãy ăn ít lại. Khi Thiền sinh không thể gượng lại cơn buồn ngủ khi ngồi Thiền thì có thể thử phương pháp Thiền hành. Tức là đi bộ từng bước, theo dõi cử động của bàn chân,

sự xúc chạm của bàn chân với mặt đất. Đây là phương pháp hữu hiệu đối trị cơn buồn ngủ vì người ta không thể vừa đi vừa ngủ. Kế đó là sự so sánh với truyền thống mà chúng ta đang thực hành. Bản thân tôi là người tu tập theo các pháp môn khác của Phật giáo. Khi tiếp xúc với thiền Vipassana có những lý luận, pháp hành không giống như pháp môn mà tôi đang theo. Nhưng với tinh thần cầu thị, tôi tạm gác một bên những tri thức trước đây, tập pháp Thiền này nghiêm chỉnh theo đúng phương pháp được dạy.

Tôi biết có bạn không theo Phật giáo, khi nghe các khái niệm trong Phật giáo, có thể thấy khó chịu. Thiền sư Goenka sánh ví với một bữa ăn, có một vài món không thích. Bạn có thể không ăn món đó, chỉ ăn những món mình thích. Nhưng với tôi, bạn nên thực hành nghiêm túc, vì tất cả đều hữu ích. Tôi nghĩ đây là một nghệ thuật sống (art of living) tích cực và mang lại hạnh phúc. Một chướng ngại nữa là những ngộ nhận về Thiền mà xưa nay chúng ta đã mắc phải. Thiền là sự thư giãn? Thiền là tiếp xúc với đáng thiêng liêng? Thiền sẽ giúp ta khai mở luân xa? Tu thiền sẽ đạt được thần thông diệu kỳ? Thiền giúp ta chữa bệnh nan y? Rồi khi đến khoá Thiền, thực tập theo dõi hơi thở, chịu đau đớn dữ dội, ta bắt đầu hoài nghi về ý nghĩa của pháp Thiền. Sự nghi ngờ sẽ cản trở ta trên bước đường tu tập. Do đó đừng nghi ngại mà hãy hành trì pháp Thiền thật đúng đắn.

Thiền sư Goenka kể câu chuyện về chính cuộc đời mình. Ông vốn là một doanh nhân thành đạt ở Miến Điện. Nhưng chẳng may mắc

bệnh đau đầu. Ông bỏ rất nhiều tiền, đi đến các bệnh viện nổi tiếng ở Âu Mỹ hòng tìm phương chữa trị. Nhưng cuối cùng các bác sĩ bảo ông bệnh này không thể trị hết, chỉ có cách sống chung với nó. Thất vọng và đau khổ. Nhưng duyên lành cho ông biết đến Thiền sư U Ba Khin đang giảng dạy thiền Vipassana ở chính quê nhà Miến Điện. Goenka hy vọng pháp Thiền này có thể giúp ông vượt qua cơn đau đầu. Nhưng khi biết mục đích này, ban đầu thầy U Ba Khin đã từ chối. Rằng mục đích chính của Vipassana không phải là trị đau đầu, mà là đưa đến giác ngộ giải thoát. Với mục đích đó, Goenka đã hạ thấp giá trị của Thiền. Cuối cùng, thầy U Ba Khin cũng cho phép Goenka học Thiền. Sự kiện này đã mở bước ngoặt thay đổi cuộc đời Goenka, cơn đau đầu chấm dứt một cách kỳ diệu. Nhưng chính Goenka về sau thừa nhận, kết quả chữa đau đầu không thể so sánh với sự an lạc mà thiền Vipassana mang lại.

Ngày cuối cùng, thời gian Hành thiền giảm bớt. Bên cạnh đó, Thiền sinh sẽ học pháp Thiền cuối cùng là Thiền từ bi (metta meditation). Thiền từ bi là sự ban rải tâm yêu thương đến mọi người, mọi loài, mong ai cũng được giải thoát khổ đau, sống trong hạnh phúc hoà hợp. Khác với tâm tham ái thông thường, từ bi không đòi hỏi sự đáp trả. Sau những ngày Hành thiền chăm chỉ, giờ đây tâm Thiền sinh đã an tịnh. Đến lúc chia sẻ niềm hạnh phúc này đến cho mọi người, mọi loài. Cả Thiền đường sẽ ngập tràn năng lượng của tình thương. Thiền sư Goenka ví dụ như cuộc giải phẫu đã kết thúc, cần một liều thuốc xoa dịu vết mổ. Thì Thiền

từ bi chính là liều thuốc đó. Đến đây lời nguyện giữ im lặng thánh thiện đã chấm dứt, Thiền sinh có thể tự do nói chuyện. Theo Thiền sư Goenka, sau những ngày Hành thiền, giờ đây Thiền sinh chuẩn bị trở về với cuộc sống bình thường. Cho nên sự im lặng được dỡ bỏ để Thiền sinh khỏi bỏ ngỡ sau khi ra khỏi trung tâm. Đến lúc này Thiền sinh có thể thực hành Danna. Danna tiếng Việt dịch là bố thí. Bố thí không phải sự ban phát mà là chia sẻ. Toàn bộ trung tâm Thiền vận hành phi thương mại, tất cả dựa vào sự đóng góp của các Thiền sinh. Trong khoá Thiền, mọi chi phí của Thiền sinh đều do sự đóng góp của những Thiền sinh trước. Nếu Thiền sinh cảm thấy lợi ích, thì có thể thực hành Danna tùy theo khả năng.

Sáng hôm sau, Thiền sinh được nghe một bài giảng của Thiền sư Goenka. Sau đó, khóa Thiền chính thức hoàn mãn. Đến đây có thể bạn sẽ hỏi tôi cảm nhận như thế nào. Rất khó trả lời. Những trải nghiệm về tâm không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả. Một người nghe người khác kể về một món ăn. Rồi suy nghĩ về món ăn rất ngon, sinh tâm thèm thuồng. Nhưng nếu người đó không tự ăn thì sẽ không hiểu món đó ngon thế nào. Cũng vậy, chỉ khi bạn Hành thiền thì mới biết được vị ngọt của Thiền.

Như Thiền sư Goenka từng nói, Vipassana không phải là giáo phái. Không cần phải tuyên truyền, vận động làm cho giáo phái này lớn mạnh. Tôi viết bài này chỉ muốn nhằm chia sẻ về một nghệ thuật sống mà tôi tin có thể hoá giải những vấn nạn mà xã hội đang gặp phải, mang lại hạnh phúc thật sự.



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:
- 02** Ấn nút hoặc
- 03** Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsunonlinetv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 32.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

quangminh

CANDLE



THƯƠNG
HIỆU
NẾN

ĐƯỢC
YÊU
THÍCH
NHẤT



quangminh

CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715



Hotline CSKH

0903 955 018

www.quangminhcandle.vn





Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

